

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## THUYẾT MINH TỔNG HỢP

ĐỒ ÁN

QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ NHƠN SƠN,  
HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN.

Năm 2024

**THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG  
XÃ NHƠN SƠN, HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN**

<b>CƠ QUAN PHÊ DUYỆT</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN</b>
<b>CƠ QUAN THẨM ĐỊNH</b>	<b>PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NINH SƠN</b>
<b>CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHƠN SƠN</b>
<b>CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH</b>	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHƠN SƠN</b>
<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN</b>	<b>CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VIỆT CAD KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC  NGUYỄN TẤN ĐẠT</b>

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>I. Sự cần thiết lập quy hoạch chung xây dựng xã</b> .....	<b>1</b>
<b>II. Các căn cứ lập quy hoạch</b> .....	<b>2</b>
II.1. Các văn bản pháp lý.....	2
II.1.1. Văn bản cấp Trung ương.....	2
II.1.2. Văn bản cấp tỉnh.....	4
II.1.3. Văn bản huyện Ninh Sơn.....	6
II.2. Các tài liệu khác có liên quan.....	6
<b>III. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch</b> .....	<b>7</b>
<b>PHẦN 1: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP</b> .....	<b>8</b>
<b>I. Điều kiện tự nhiên</b> .....	<b>8</b>
I.1. Đặc điểm địa lý.....	8
I.2. Địa hình, địa mạo.....	8
I.3. Khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng.....	8
I.3.1. Khí hậu.....	8
I.3.2. Thủy văn.....	9
I.3.3. Thổ nhưỡng.....	9
I.4. Các nguồn tài nguyên.....	9
I.4.1. Tài nguyên đất.....	9
I.4.2. Tài nguyên nước.....	10
I.4.3. Tài nguyên khoáng sản.....	10
<b>II. Dân số, lao động, đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư</b> .....	<b>10</b>
II.1. Đặc điểm dân số, lao động.....	10
II.1.1. Hiện trạng dân số.....	10
II.1.2. Hiện trạng lao động.....	11
II.2. Đặc điểm văn hóa.....	11
II.3. Giáo dục.....	12
II.4. Y tế.....	12
II.5. Dân tộc và phân bố dân cư.....	13
<b>III. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế</b> .....	<b>13</b>
III.1. Thực trạng phát triển kinh tế.....	13
III.2. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp.....	13
III.2.1. Lĩnh vực nông nghiệp.....	13
III.2.2. Lĩnh vực phi nông nghiệp.....	14
III.3. Đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế.....	15
<b>IV. Hiện trạng sử dụng đất và biến động các loại đất</b> .....	<b>15</b>
IV.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	15
IV.2. Biến động từng loại đất.....	16
IV.3. Các vấn đề về sử dụng và khai thác đất nông nghiệp.....	19
IV.4. Những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai.....	19

<b>V. Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch</b>	<b>20</b>
V.1. Hiện trạng về nhà ở.....	20
V.2. Hiện trạng về công trình công cộng.....	20
V.2.1. Công trình hành chính cơ quan.....	20
V.2.2. Công trình Quốc phòng, An ninh.....	20
V.2.3. Công trình giáo dục.....	20
V.2.4. Công trình y tế.....	22
V.2.5. Công trình văn hoá - thể dục thể thao.....	22
V.2.6. Công trình thương mại dịch vụ.....	23
V.2.7. Công trình bưu chính viễn thông.....	23
V.2.8. Công trình tín ngưỡng.....	23
V.2.9. Công trình tôn giáo.....	24
V.3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất.....	25
V.3.1. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.....	25
V.3.2. Hiện trạng về hạ tầng phục vụ sản xuất.....	27
V.4. Hiện trạng di tích, danh lam thắng cảnh du lịch.....	27
<b>VI. Đánh giá việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã.....</b>	<b>28</b>
VI.1. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan.....	28
VI.2. Các dự án đã và đang triển khai.....	29
VI.3. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch, dự án.....	30
<b>VII. Đánh giá kết quả thực hiện đồ án quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. ....</b>	<b>30</b>
<b>PHẦN 2: TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN.....</b>	<b>63</b>
<b>I. Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn quy hoạch.....</b>	<b>63</b>
I.1. Dự báo quy mô dân số.....	63
I.2. Dự báo lao động.....	64
<b>II. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo.....</b>	<b>65</b>
II.1. Tính chất, chức năng.....	65
II.2. Dự báo loại hình kinh tế chủ đạo.....	65
II.3. Sản phẩm chủ đạo.....	65
II.4. Khả năng thị trường.....	65
<b>III. Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất.....</b>	<b>66</b>
<b>IV. Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ; quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình.....</b>	<b>66</b>
IV.1. Quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ.....	66
IV.2. Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình.....	68
<b>PHẦN 3: ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ....</b>	<b>69</b>
<b>I. Định hướng tổ chức hệ thống khu trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo chỉnh trang.....</b>	<b>69</b>

I.1. Định hướng cơ cấu tổ chức không gian toàn xã.....	69
I.2. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã.....	70
I.3. Tổ chức không gian khu dân cư mới và khu dân cư cải tạo chỉnh trang.....	70
I.4. Quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và cải tạo...	72
I.4.1. Khu dân cư khu vực trung tâm xã .....	72
I.4.2. Khu dân cư thôn Nha Hồ 1.....	73
I.4.3. Khu dân cư thôn Nha Hồ 2.....	73
I.4.4. Khu dân cư thôn Lương Cang 1.....	73
I.4.5. Khu dân cư thôn Lương Cang 2.....	73
I.4.6. Khu dân cư thôn Núi Ngõng.....	74
I.4.7. Khu dân cư thôn Đắc Nhơn 1.....	74
I.4.8. Khu dân cư thôn Đắc Nhơn 2.....	74
I.4.9. Khu dân cư thôn Đắc Nhơn 3.....	74
I.4.10. Khu dân cư thôn Láng Ngựa .....	75
I.4.11. Khu dân cư thôn Lương Tri.....	75
<b>II. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng .....</b>	<b>76</b>
II.1. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ.....	76
II.2. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng .....	76
<b>III. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, cũ .....</b>	<b>79</b>
III.1. Khu dân cư mới.....	79
III.2. Khu dân cư cải tạo.....	80
<b>IV. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất phục vụ sản xuất nông nghiệp. ....</b>	<b>80</b>
IV.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp.....	80
IV.2. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.....	81
<b>PHẦN 4: QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN .....</b>	<b>83</b>
<b>PHẦN 5: QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>100</b>
<b>I. Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.....</b>	<b>100</b>
<b>II. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn .....</b>	<b>100</b>
II.1. Đất nông nghiệp .....	100
II.2. Đất xây dựng .....	100
III.3. Đất khác .....	100
<b>III. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất .....</b>	<b>101</b>
<b>PHẦN 6: QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT .....</b>	<b>103</b>
<b>I. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã .....</b>	<b>103</b>
<b>II. Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất .....</b>	<b>103</b>
II.1. Giao thông nội đồng.....	103

II.2. Kênh mương thuỷ lợi .....	104
<b>III. Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật.....</b>	<b>104</b>
III.1. Công trình giao thông .....	104
III.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng .....	106
III.3. Quy hoạch cấp nước .....	106
III.4. Quy hoạch cấp điện.....	107
III.5. Quy hoạch thoát nước, rác thải, nghĩa trang.....	108
<b>PHẦN 7: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG) .....</b>	<b>109</b>
<b>I. Đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch.....</b>	<b>109</b>
I.1. Đánh giá sự phù hợp mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường khi quy hoạch .....	109
I.2. Phân tích đánh giá xu hướng và diễn biến môi trường .....	110
I.3. Dự báo tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.....	111
<b>II. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện. ....</b>	<b>112</b>
II.1. Về quy hoạch, kế hoạch .....	112
II.2. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường.....	112
<b>PHẦN 8: DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ..</b>	<b>114</b>
<b>I. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã.....</b>	<b>114</b>
<b>II. Kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn .....</b>	<b>114</b>
<b>III. Các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện .....</b>	<b>115</b>
<b>IV. Lộ trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu .....</b>	<b>116</b>
<b>PHẦN 9: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>116</b>

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **I. Sự cần thiết lập quy hoạch chung xây dựng xã**

Xã Nhơn Sơn là xã đồng bằng của huyện Ninh Sơn; cách trung tâm huyện lỵ Ninh Sơn khoảng 27km và cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm khoảng 5km, diện tích tự nhiên toàn xã là 3.165,49ha, dân số đến năm 2022 với khoảng 15.923 nhân khẩu/ 4.119 hộ, toàn xã có 10 thôn gồm Nha Hố 1, Nha Hố 2, Lương Cang 1, Lương Cang 2, Núi Ngỗng, Đắc Nhơn 1, Đắc Nhơn 2, Đắc Nhơn 3, Láng Ngựa và thôn Lương Tri, là xã có hệ thống giao thông thuận lợi, nằm trên trục giao thông - kinh tế quan trọng như quốc lộ 27 đi Đà Lạt, Lâm Đồng, tuyến đường vành đai của tỉnh. Hiện tại đã có tuyến đường cao tốc Cam lâm - Vĩnh Hảo đi thành phố Hồ Chí Minh đang trong giai đoạn hoàn thiện chuẩn bị đưa vào sử dụng sẽ tạo cho xã gần hơn với các đô thị, khu dân cư tập trung thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh, mở rộng mối quan hệ giao lưu kinh tế với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, năm 2012 xã Nhơn Sơn được lập quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và được UBND huyện Ninh Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/10/2012, đến năm 2015 được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là xã đạt chuẩn Nông thôn mới (*Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 26/10/2015*) và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao vào năm 2023 (*Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/3/2023*). Đến nay, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã đã có nhiều chuyển biến tích cực, cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện, đời sống nhân dân được nâng cao. Song vẫn còn nảy sinh nhiều vấn đề về việc quản lý cũng như định hướng phát triển chung của xã. Nhu cầu sử dụng đất để phát triển cơ sở hạ tầng, sử dụng đất cho các ngành phi nông nghiệp ngày càng tăng tác động trực tiếp đến quỹ đất trên địa bàn. Để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn trên địa bàn xã đòi hỏi phải có những chính sách tích cực hơn về nông nghiệp và nông thôn như đất đai, lao động, chính sách đầu tư, quy mô và cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Với mục tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã theo Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện huyện Ninh Sơn đến năm 2025 và các định hướng phát triển kinh tế xã hội huyện Ninh Sơn, đưa ra các tiền đề và dự báo phù hợp nhu cầu, tạo động lực phát triển nông thôn của xã một cách toàn diện, bao gồm nhiều nội dung liên quan đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, môi trường, hệ thống chính trị cơ sở, gồm các mặt sau: Kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của

dân cư nông thôn được nâng cao. Nông thôn phát triển theo quy hoạch, có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ, môi trường sinh thái được bảo vệ. Dân trí được nâng cao, bản sắc văn hoá dân tộc được giữ gìn và phát huy. An ninh trật tự được giữ vững. Chất lượng hệ thống chính trị được nâng cao. Từ thực tiễn và cơ sở trên, việc "*Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn*" là việc làm cấp thiết, mang tính tất yếu nhằm đưa ra những định hướng phát triển, đáp ứng các nhu cầu xây dựng về không gian, mạng lưới dân cư, quy hoạch phát triển các khu sản xuất, quy hoạch xây dựng hạ tầng,... phù hợp với định hướng quy hoạch vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất của huyện, đồng thời là cơ sở lập quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm trung tâm xã, khu dân cư, khu chức năng khác trên địa bàn xã.

## **II. Các căn cứ lập quy hoạch**

### **II.1. Các văn bản pháp lý**

#### **II.1.1. Văn bản cấp Trung ương**

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội;
- Nghị quyết Số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 & tầm nhìn đến năm 2050;



- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã Nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 1491/QĐ-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/06/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông về Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;
- Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/06/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí Quốc gia xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;
- Quyết định số 922/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Công văn số 1037/BXD-QHKT ngày 30/03/2021 của Bộ Xây dựng về việc tiếp tục và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đối với quy hoạch chung xây dựng xã;

- Công văn số 988/BQP-KT ngày 04/04/2022 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí 19.1 trong Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Công văn số 1311/BNV-TH ngày 04/04/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 18.1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 1298/LĐTBOXH-VPQGGN ngày 26/04/2022 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực lao động, xã hội trong Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Công văn số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27/04/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TN&MT;

- Công văn số 1918/BTP-TGPL ngày 10/06/2022 của Bộ Tư pháp về thực hiện một số nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27/06/2022 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025;

### **II.1.2. Văn bản cấp tỉnh**

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 37/2009/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025;

- Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025;

- Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc công nhận xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015;

- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành

phố Phan Rang - Tháp Chàm đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ninh Sơn;

- Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới theo các mức độ (Đạt chuẩn, Nâng cao, Kiểu mẫu) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 4174/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 17/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc công nhận xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

- Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Ban về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Sơn;

- Công văn số 1877/SXD-QLQHKT&NO ngày 14/6/2023 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn nội dung vướng mắc liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Văn bản số 2771/SXD-QLQHKT&NO ngày 09/8/2024 của Sở Xây dựng về việc ý kiến Đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

### **II.1.3. Văn bản huyện Ninh Sơn**

- Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030.

- Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2023.

- Quyết định số 2454/QĐ-UBND, ngày 18/9/2023 của UBND huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện Ninh Sơn về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Ninh Sơn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Thông báo số 971/TB-VPUB ngày 14/6/2024 của Văn phòng UBND huyện Ninh Sơn về Kết luận của đồng chí Kiều Tấn Thịnh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tại cuộc họp góp ý nội dung Đề án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Sơn và Nhơn Sơn;

- Văn bản số 2367/UBND-KT ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc tham gia ý kiến về dự án Khai thác khoáng sản đá xây dựng tại khu vực Núi Tiêng thuộc xã Mỹ Sơn và xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn.

- Công văn số 2625/UBND-TH ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc rà soát quỹ đất, vị trí dự kiến sẽ xây dựng trụ sở làm việc phù hợp quy hoạch; các cơ sở nhà đất có thể tận dụng sửa chữa, xây dựng trụ sở làm việc làm cơ sở bổ sung Đề án xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quân sự cấp xã;

- Văn bản số 652/TNMT-TH ngày 05/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Sơn về việc thông tin kết quả rà soát quy hoạch chuyên ngành về vị trí dự kiến sẽ xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã.

- Thông báo 1026-TB/HU ngày 14/11/2024 của Huyện ủy Ninh Sơn về kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy họp ngày 15/10/2024.

### **II.2. Các tài liệu khác có liên quan**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Nhơn Sơn lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng bộ xã ngày 29/5/2020;

- Nghị quyết số 66-NQ/ĐU ngày 30/5/2022 của Đảng ủy xã Nhơn Sơn về lãnh đạo xây dựng xã Nhơn Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 24/11/2023 của Hội đồng nhân dân xã Nhơn Sơn về việc thông qua Đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn và Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu trung tâm xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 21/6/2022 của UBND xã Nhơn Sơn về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng năm và phương hướng nhiệm vụ của các năm tiếp theo của Đảng ủy, HĐND&UBND xã Nhơn Sơn.

- Báo cáo Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 và kế hoạch thực hiện chương trình trong những năm tiếp theo của UBND xã Nhơn Sơn;

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Sơn được UBND tỉnh phê duyệt.

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024 huyện Ninh Sơn được UBND tỉnh phê duyệt.

### **III. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch**

- Cụ thể hóa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Ninh Sơn 5 năm giai đoạn 2021-2025. Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng định hướng phát triển không gian trên địa bàn xã đến năm 2030 định hướng đến năm 2035. Mục đích nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị. Đồng thời phải phù hợp với đặc điểm, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong khu vực và các tiêu chí về nông thôn mới. Bên cạnh đó, phải đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc cùng với việc bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên.

- Đến năm 2025 xã Nhơn Sơn cơ bản đạt tiêu chuẩn xã Nông thôn mới Kiểu mẫu (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

- Xây dựng phát triển không gian trên địa bàn xã Nhơn Sơn phù hợp với đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong vùng và đáp ứng được các tiêu chí về nông thôn mới.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước,...) xây dựng, cải tạo công trình, chỉnh trang làng xóm, cảnh quan cho toàn khu nông thôn.

- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa địa phương. Tạo lập môi trường sống tốt cho con người, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường do các hoạt động sản xuất dịch vụ gây ra.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và dịch vụ địa phương xã Nhơn Sơn nhằm ổn định, nâng cao đời sống nhân dân.

- Làm cơ sở để quản lý sử dụng đất có hiệu quả, sử dụng hợp lý đất đai, tài nguyên, và nguồn lực lao động.

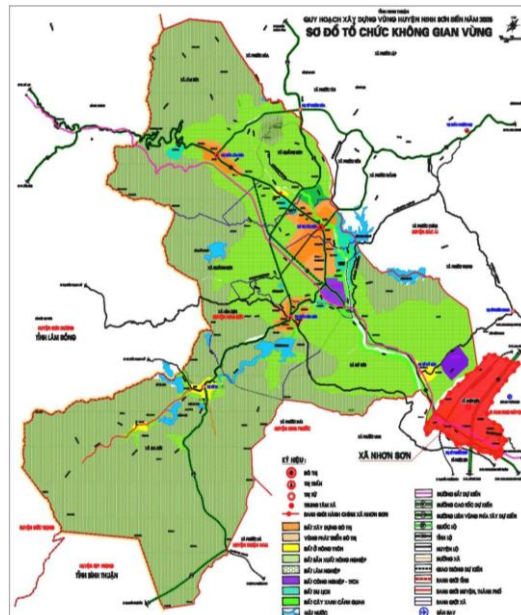
## PHẦN 1: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP

### I. Điều kiện tự nhiên

#### I.1. Đặc điểm địa lý

Nhơn Sơn là một trong 08 xã, thị trấn của huyện Ninh Sơn, có trung tâm xã cách trung tâm huyện Ninh Sơn khoảng 27km theo QL27 và cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm khoảng 05 km về hướng Đông Bắc.

- Có tứ cận được xác định như sau:
  - + Phía Đông: giáp phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;
  - + Phía Tây: giáp xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn;
  - + Phía Nam: giáp sông Dinh, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước;
  - + Phía Bắc: giáp xã Phước Trung, huyện Bác Ái.



Hình 1: Vị trí xã Nhơn Sơn trong quy hoạch vùng huyện Ninh Sơn.

- Quy mô diện tích: toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc ranh giới hành chính xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận với quy mô là 3.165,49 ha.

#### I.2. Địa hình, địa mạo

Xã Nhơn Sơn có địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao từ 10- 25m. Hướng dốc thay đổi nhiều và tương đối phức tạp nhưng chủ yếu thoải dần về phía Nam. Trong đó địa hình tương đối bằng phẳng chiếm gần 2/3 diện tích tự nhiên là những yếu tố rất thuận lợi cho bố trí sử dụng đất.

#### I.3. Khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng

##### I.3.1. Khí hậu

Căn cứ vào bản đồ phân vùng khí hậu tỉnh Ninh Thuận, Xã Nhơn Sơn thuộc tiểu vùng III với đặc điểm khí hậu rất khô; nắng nóng nhiều, ít mưa.

- *Nhiệt độ*: nhiệt độ trung bình năm là 28<sup>0</sup>C, cao nhất 36<sup>0</sup>C.
- Lượng mưa bình quân năm thấp (khoảng 700 mm, có năm thấp hơn 500 mm).
- Lượng bốc hơi từ 1.650 - 1.850 mm, độ ẩm không khí bình quân 78%, năng lượng bức xạ lớn 160Kcl/m<sup>2</sup>. Đặc điểm khí hậu khô, nắng nóng nhiều rất phù hợp với chăn nuôi dê, cừu, bò và trồng nho, táo cho hiệu quả kinh tế cao.

- **Nắng:** Số giờ nắng trong năm khoảng 2.500 - 2.700 giờ, nền nhiệt độ cao, thời gian chiếu sáng dài, khá đồng đều, là điều kiện thuận lợi để sản xuất nông nghiệp.

- **Chế độ gió:** Hàng năm có 2 loại gió chính là gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam. Chỉ ảnh hưởng của bão, thỉnh thoảng xuất hiện gió lốc.

- **Bão, lũ lụt:** Khu vực xã ít bị ảnh hưởng của bão và lũ lụt.

\* Nhận xét chung: Đặc điểm khí hậu khô, nắng nóng nhiều rất phù hợp với chăn nuôi dê, cừu, bò và trồng nho, táo cho hiệu quả kinh tế cao.

### **I.3.2. Thủy văn**

Trên địa bàn xã Nhơn Sơn có hệ thống Sông Cái (sông Dinh): là sông lớn nhất tỉnh, nguồn nước dồi dào quanh năm, là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt và sản xuất. Vùng hạ lưu đã xây dựng đập Nha Trinh, Lâm Cẩm, vùng thượng lưu xây dựng hồ Sông Cái và đập dâng Tân Mỹ, ngoài ra còn có hệ thống kênh Bắc và sông suối nhỏ khác, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn xã

### **I.3.3. Thổ nhưỡng**

Thổ nhưỡng xã Nhơn Sơn chủ yếu là đất xám bạc màu, đất xám nâu vùng bán khô hạn, đất phù sa, thích hợp trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, cây hàng năm cho năng suất khá cao.

## **I.4. Các nguồn tài nguyên**

### **I.4.1. Tài nguyên đất**

Nằm trong lưu vực sông Dinh và kênh Bắc nên đất đai của xã khá màu mỡ, hàng năm lại bù đất phù sa khá lớn, đây là mặt tích cực để thúc đẩy ngành nông nghiệp của xã phát triển.

Tổng diện tích đất đai toàn xã theo địa giới hành chính là 3.165,49 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp 2.246,43 ha, đất phi nông nghiệp 644,96 ha, đất chưa sử dụng 274,11 ha. Với các nhóm đất chủ yếu là:

- Đất phù sa không được bồi trung tính ít chua (Pe): có cấu trúc viên, tơi xốp, hàm lượng dinh dưỡng cho cây trồng khá cao, lại được phân bố ở địa hình vằn cao ven sông thuận lợi cho việc cung cấp nguồn nước tưới cũng như thực hiện các biện pháp canh tác. Hiện đang sử dụng trồng nho, táo, lúa, rau màu cho hiệu quả cao.

- Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng (Pf): có nhiều ưu điểm về lý, hóa học cho sử dụng nông nghiệp, phân bố ở địa hình khá bằng phẳng thuận lợi cho việc thực hiện các biện pháp canh tác. Hiện nay đang sử dụng trồng lúa, trồng cây ăn quả và rau màu.

- Nhóm đất xám bạc màu:

+ Đất xám có tầng loang lỗ (Xf): có nhiều ưu điểm về đặc tính lý, hóa học, phân bố ở địa hình khá bằng phẳng thuận lợi cho việc cung cấp nguồn nước tưới cũng

như thực hiện các biện pháp canh tác nông nghiệp. Thích nghi với chuyên canh lúa nước hoặc luân canh lúa nước với cây trồng cạn hàng năm; cũng có thể trồng cây lâu năm, tùy theo vị trí địa hình và điều kiện thoát thủy mùa mưa.

+ Đất xám glây (Xg): có nhiều ưu điểm cho sử dụng nông nghiệp, đất ít chua, hàm lượng dinh dưỡng cho cây trồng khá cao, phân bố ở địa hình bằng thấp thuận lợi nước tưới cũng như thực hiện các biện pháp canh tác. Hiện nay toàn bộ diện tích đất xám glây là đất ruộng lúa.

- Nhóm đất xám nâu vùng bán khô hạn (Xk): có ưu điểm là ít chua và có bão hòa bazơ cao hơn so với đất xám vùng nhiệt đới ẩm. Nhược điểm là trong đất thường bị thiếu hụt các hợp chất hữu cơ, hàm lượng mùn thường thấp, hạn chế đến hoạt động của các loài sinh vật đất, phân bố trên những bậc địa hình cao, đa số là nhấp nhô, gồ ghề, khó khăn cho việc cung cấp nguồn nước tưới cho cây trồng.

#### **I.4.2. Tài nguyên nước**

- *Nguồn nước mặt*: Nguồn nước mặt trên địa bàn xã được cung cấp bởi hệ thống thủy lợi của sông Dinh và kênh Bắc, ngoài ra còn có hệ thống sông suối nhỏ khác, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

- *Nguồn nước ngầm*: Chưa có số liệu điều tra chính xác nhưng nhìn chung trữ lượng nước ngầm vào loại nghèo, bị nhiễm vôi, các tạp chất với hàm lượng cao. Hiện nay khai thác chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt (khoan giếng, đào giếng) với quy mô nhỏ. Tuy nhiên do lượng nước ngầm không nhiều và phân bố sâu nên việc khai thác rất khó khăn.

#### **I.4.3. Tài nguyên khoáng sản**

Tài nguyên khoáng sản của xã chủ yếu là khai thác mỏ cát, mỏ đất, mỏ đá. Đây là nguồn nguyên vật liệu xây dựng. Vấn đề đặt ra là việc quy hoạch và khai thác như thế nào để vừa mang lại hiệu quả kinh tế trước mắt, vừa đảm bảo sự ổn định bền vững về môi trường.

## **II. Dân số, lao động, đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư**

### **II.1. Đặc điểm dân số, lao động**

#### **II.1.1. Hiện trạng dân số**

- Theo số liệu báo cáo đến cuối năm 2023, dân số toàn xã Nhơn Sơn là 15.923 người với tổng số hộ là 4.119 hộ.

- Tỷ lệ tăng dân số tại xã trong những năm vừa qua chủ yếu là tăng tự nhiên, tăng cơ học là không đáng kể với tỷ lệ tăng dân số hiện trạng là 0,7%.

**Bảng 1: Hiện trạng dân số xã Nhơn Sơn**

<b>Stt</b>	<b>Tên thôn</b>	<b>Số người</b>	<b>Số hộ</b>
1	Thôn Nha Hồ 1	1.725	356
2	Thôn Nha Hồ 2	1.263	367
3	Thôn Lương Cang 1	1.916	473



4	Thôn Lương Cang 2	1.711	480
5	Thôn Núi Ngõng	898	245
6	Thôn Đắc Nhơn 1	1.326	387
7	Thôn Đắc Nhơn 2	1.368	438
8	Thôn Đắc Nhơn 3	1.467	368
9	Thôn Láng Ngựa	499	140
10	Thôn Lương Tri	3.750	865
<b>Tổng</b>		<b>15.923</b>	<b>4.119</b>

(Nguồn: UBND xã cung cấp năm 2023 và đã được phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã tại Quyết định số 2454/QĐ-UBND, ngày 18/9/2023 của UBND huyện Ninh Sơn.)

### II.1.2. Hiện trạng lao động

- Tổng số lao động trong độ tuổi năm 2023 trên địa bàn xã là 7.512 lao động, chiếm 47,18 % dân số. Trong đó:

+ Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực là 7.136 lao động đạt tỷ lệ 95% (nông, lâm, thủy sản 38,2%, công nghiệp - xây dựng 28,7%, dịch vụ 28,4%).

+ Số lao động qua đào tạo là 6.386 lao động/7.512 lao động, đạt tỷ lệ 85,01%

+ Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 4.507 lao động/7.512 lao động, đạt tỷ lệ 60%.

**Bảng 2: Thống kê hiện trạng lao động trên địa bàn xã**

TT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	
		Số người	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Dân số toàn xã</b>	<b>15.923</b>	
<b>II</b>	<b>Lao động trong độ tuổi (tỷ lệ so với dân số)</b>	<b>7.512</b>	<b>47,18</b>
1	Lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực (tỷ lệ so với lao động trong độ tuổi).	7.136	95,0
2	Lao động qua đào tạo (tỷ lệ so với lao động trong độ tuổi).	6.386	85,01
3	Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (tỷ lệ so với lao động trong độ tuổi).	4.507	60,0

### II.2. Đặc điểm văn hóa

- Trải qua một thời gian dài hình thành và phát triển, nhân dân trên địa bàn huyện Ninh Sơn nói chung, xã Nhơn Sơn nói riêng đã xây dựng một nền văn hóa đa dạng, phong phú, các lễ hội truyền thống như lễ hội Katê (Chăm), nghi lễ cầu mưa (Raglai) là những nét văn hóa đặc sắc thu hút du khách đến với địa phương.

- Đời sống văn hóa, xã hội của người dân cơ bản đã được nâng cao. Hàng năm UBND xã tổ chức nhiều các hoạt động văn hóa văn nghệ, các hội thi, tạo được

sự đoàn kết, vui tươi, phấn khởi trong nhân dân, đặc biệt trong các ngày lễ, hội, tết cổ truyền ... Kịp thời tuyên truyền các thông tin, các chính sách của Đảng và nhà nước đến toàn người dân. Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ. Các hoạt động đều thu hút nhân dân tham gia tích cực.

- Trên địa bàn xã có khu di tích Đình Đắc Nhơn được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 01 - QĐ/BT ngày 04/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Hàng năm UBND xã đều có kế hoạch tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Tôn giáo, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa của người dân được quan tâm, bảo tồn. Tình hình hoạt động của các tôn giáo đều tuân thủ đúng theo quy định của Đảng và Nhà nước.

### **II.3. Giáo dục**

- Toàn Xã Nhơn Sơn có 06 trường học: 01 Trường Mẫu giáo, 04 trường tiểu học, 01 trường Trung học cơ sở.

- 06/06 trường đã được đầu tư xây dựng đảm bảo về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và ĐT, đạt tỉ lệ 100%.

- Có 5/6 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 (trường TH Nhơn Sơn A, trường TH Nhơn Sơn B, trường Mẫu giáo Nhơn Sơn, trường TH Nha Hồ và trường THCS Trần Quốc Toản, 01 trường đạt tiêu chuẩn quốc gia mức độ 2 (Trường TH Nhơn Sơn).

- Luôn duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Xã đủ điều kiện đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2.

### **II.4. Y tế**

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, các chương trình y tế quốc gia, y tế dự phòng và phòng chống dịch bệnh có hiệu quả.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm trên địa bàn xã đạt 95,01%, y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

- Số người dân được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt tỷ lệ 92,5%.

- Số người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa người đạt 41,3%.

- Số dân cư có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 73,14%.

## **II.5. Dân tộc và phân bố dân cư**

- Xã Nhơn Sơn có 11 dân tộc sinh sống, chiếm đa số là dân tộc Kinh, còn lại là các dân tộc: Chăm, Raglai,... mỗi dân tộc có một truyền thống và nét văn hoá riêng.

- Dân cư của xã phân bố dọc theo các tuyến giao thông Quốc lộ 27 và tuyến quốc lộ 27 - Lương tri và phân theo các khu vực sản xuất. Mật độ dân số bình quân 503 người/km<sup>2</sup>.

- Dân cư sống tập trung thành các thôn, xóm và ven đường thuận tiện cho buôn bán, đi lại. Trên địa bàn xã bao gồm 10 thôn: thôn Lương Tri, Đắc Nhơn 1, Đắc Nhơn 2, Đắc Nhơn 3, Lương Cang 1, Lương Cang 2, Nha Hồ 1, Nha Hồ 2, thôn Núi Ngõng, Láng Ngựa.

## **III. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế.**

### **III.1. Thực trạng phát triển kinh tế**

Cơ cấu kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng giá trị sản phẩm, nhiều mô hình sản xuất, nâng cao chất lượng giá trị sản phẩm, liên kết chuỗi giá trị sản phẩm gắn với thị trường.

- Tốc độ tăng trưởng đạt 8%/năm. Giá trị sản xuất đạt 564 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, (trong đó: thu từ Nông nghiệp: 204 tỷ đồng; thu từ Thương mại - Dịch vụ: 214 tỷ đồng; thu từ Công nghiệp - Xây dựng: 146 tỷ đồng).

- Tổng diện tích gieo trồng: 2301,14ha /2.150 ha, đạt 107 % kế hoạch, tăng 3% so cùng kỳ, đạt vượt chỉ tiêu Nghị quyết HĐND.

- Tổng sản lượng lương thực đạt: 10.712,23 tấn/8.500 tấn, đạt 126 % kế hoạch, tăng 10,9% so cùng kỳ, đạt vượt chỉ tiêu Nghị quyết HĐND.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 998.925.782đ/1.129.000.000đ, đạt 88%. kế hoạch, ước thực hiện đạt 95%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là: 52,4 triệu đồng/người/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo: giảm còn 2,65%.

### **III.2. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp**

#### **III.2.1. Lĩnh vực nông nghiệp**

a) Trồng trọt:

Tổng diện tích gieo trồng là 2.301,1 ha/2.150 ha, đạt 107% KH, tăng 3% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng lương thực (ước thực hiện vụ mùa 2022): 10.712,23 tấn/8.500 tấn, đạt 126%, tăng 10,9% so với cùng kỳ. Triển khai mô hình

cánh đồng lớn sản xuất lúa giống 150ha cho cánh đồng Chà Vum vụ Đông Xuân 2023 và mô hình trình diễn giống lúa mới tại xứ đồng Chà Vum vụ Mùa 2023.

Triển khai mô hình điểm trồng Nho nhà bạt 0,25 ha thôn Láng Ngựa. Phối hợp Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hố hỗ trợ mô hình điểm trồng cây ăn quả theo hướng hữu cơ tại vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Chà Vum (xoài 0,2 ha, táo 0,2ha). Phát triển 01 sản phẩm OCOOP nho theo tiêu chuẩn 3 sao, nâng tổng sản phẩm OCOOP tại địa phương là 11 sản phẩm.

b) Chăn nuôi:

Công tác phòng, chống dịch bệnh vật nuôi được kiểm soát. Tổng đàn gia súc, gia cầm hiện có: 100.536 con, tăng 19.124 so cùng kỳ. Tiếp tục chuyển giao, nhân rộng mô hình hỗ trợ bò cái sinh sản cho đồng bào dân tộc thuộc chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất và chương trình an sinh xã hội, chương trình hỗ trợ hội viên phụ nữ đến nay trên 174 con. Tiếp nhận và hỗ trợ mô hình trồng cỏ kết hợp chăn nuôi 05 ha cho các hộ trên địa bàn thuộc dự án của Trung tâm khuyến nông tỉnh.

### **III.2.2. Lĩnh vực phi nông nghiệp**

- Thương mại dịch vụ:

+ Khu vực này phát triển ổn định, ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của xã (khoảng 38%). Đến nay, toàn xã có 1.373 hộ kinh doanh thương mại dịch vụ, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là: buôn bán tạp hóa, thu mua nông sản, bán lẻ, dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách, viễn thông, sửa chữa điện tử. Tổng giá trị sản xuất toàn ngành năm 2023 là 214 tỷ đồng.

+ Khuyến khích đầu tư mở rộng các lĩnh vực mua bán, vận chuyển hàng hoá nông sản, gia súc, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống, tạp hóa giải khát và các dịch vụ khác, từng bước phát triển hệ thống thương mại tạo kết nối thông suốt giữa thành thị và nông thôn, hình thành kênh bán buôn đối với một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân, thực hiện tốt cuộc vận động "*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*".

- Công nghiệp, xây dựng:

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã chưa thật sự tạo động lực phát triển mạnh về quy mô, đa dạng về các loại hình sản xuất, phần lớn sản xuất theo hộ gia đình, tập trung chủ yếu các dịch vụ chế biến xay xát lương thực, kinh doanh các loại hình trang trí nội thất, các tiểu thủ công nghiệp nhỏ, sản phẩm chưa đa dạng và đủ sức cạnh tranh. Giá trị sản xuất tăng nhanh nhưng chưa hình thành được các khu, cụm công nghiệp quy mô lớn

### III.3. Đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế

#### a) Thế mạnh, tiềm năng

- Vị trí địa lý của xã và điều kiện đất đai thổ nhưỡng thuận lợi cho phát triển về nông nghiệp, hình thành và phát triển các vùng sản xuất chuyên canh lúa, duy trì cánh đồng lớn, sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: nho, táo....., đồng thời thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi gia súc, như: Bò, dê, cừu và có tuyến đường Quốc lộ 27 chạy qua thuận lợi cho việc sản xuất và kinh doanh.

- Gần với trung tâm thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, có khả năng thu hút đầu tư phát triển các loại hình thương mại dịch vụ, góp phần tạo việc làm cho người lao động tại địa phương.

- Cơ cấu kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng giá trị sản phẩm, nhiều mô hình sản xuất, nâng cao chất lượng giá trị sản phẩm, liên kết chuỗi giá trị sản phẩm gắn với thị trường là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

#### b) Hạn chế trong phát triển kinh tế

- Do ảnh hưởng của tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết, dịch bệnh Covid 19 và giá cả hàng nông sản không ổn định...làm ảnh hưởng lớn đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các khu vực sản xuất vẫn nhỏ lẻ do vậy chưa phát huy được lợi thế về hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp.

- Các ngành kinh tế chưa phát huy được hết khả năng thế mạnh của địa phương như công nghiệp - TTCN, thương mại, dịch vụ du lịch. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng tích cực, tuy nhiên ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao, tiềm năng đất đai và lao động chưa được khai thác triệt để.

### IV. Hiện trạng sử dụng đất và biến động các loại đất

#### IV.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Theo số liệu kiểm kê đất đai của xã Nhơn Sơn đến năm 2023, tổng diện tích tự nhiên của xã là 3.165,49 ha. Trong đó: đất nông nghiệp là 2.246,43 ha, chiếm 70,97% diện tích đất tự nhiên toàn xã; đất phi nông nghiệp là 644,96 ha, chiếm 20,37% diện tích đất tự nhiên toàn xã; đất chưa sử dụng là 274,11 ha chiếm 8,66% tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất toàn xã như sau:

**Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 xã Nhơn Sơn**

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Hiện trạng năm 2023	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn xã</b>		<b>3.165,49</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>		<b>2.246,43</b>	<b>70,97</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUC	881,75	27,86

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.002,68	31,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	227,35	7,18
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,34	0,07
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	132,31	4,18
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>644,96</b>	<b>20,37</b>
2.1	Đất Quốc phòng	CQP	57,10	1,80
2.2	Đất an ninh	CAN		0,00
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,19	0,01
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,21	0,23
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	5,37	0,17
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	96,29	3,04
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	<b>279,78</b>	<b>8,84</b>
	Đất giao thông	DGT	155,72	4,92
	Đất thủy lợi	DTL	88,21	2,79
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,13	0,004
	Đất cơ sở y tế	DYT	0,13	0,004
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	8,71	0,28
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,98	0,13
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,74	0,02
	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,07	0,002
	Đất bãi thải, xử lý chất thải			
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,80	0,03
	Đất làm nghĩa trang - nghĩa địa	NTD	19,57	0,62
	Đất chợ	DCH	1,72	0,05
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,90	0,03
2.9	Đất khu vui chơi giải trí			
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	103,27	3,26
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,22	0,01
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,91	0,12
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,15	0,04
2.14	Đất Sông, ngoài, kênh, rạch, suối	SON	82,80	2,62
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,77	0,21
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>274,11</b>	<b>8,66</b>

(Nguồn: Kiểm kê đất đai 2023 UBND xã Nhơn Sơn)

#### IV.2. Biến động từng loại đất

Tình hình biến động về đất đai tại xã Nhơn Sơn năm 2023 so với hiện trạng sử dụng đất năm 2011 như sau:

\* Phân tích biến động về sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2023:

- Tổng diện tích tự nhiên năm 2011: 3.160,38 ha

- Tổng diện tích tự nhiên năm 2023: 3.165,49 ha

Tăng 5,11 ha do thay đổi địa giới hành chính với các xã.

\* Biến động các loại đất cụ thể như sau:

a) Nhóm đất nông nghiệp:

- Diện tích năm 2011: 2.110,46 ha

- Diện tích năm 2023: 2.246,43 ha.

Tăng 135,97 ha, chủ yếu là tăng diện tích các loại đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất nông nghiệp khác. (theo số liệu thống kê hàng năm của xã).

b) Nhóm đất phi nông nghiệp:

- Diện tích năm 2011: 510,86 ha

- Diện tích năm 2023: 644,96 ha

Tăng 134,10 ha. (theo số liệu thống kê hàng năm của xã)

c) Nhóm đất chưa sử dụng:

- Diện tích năm 2011: 539,06 ha

- Diện tích năm 2023: 274,11 ha

Giảm 264,95 ha. (theo số liệu thống kê hàng năm của xã)

Đất chưa sử dụng của xã là chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng chiếm tỷ lệ rất ít so với diện tích tự nhiên toàn xã (8,66%).

\* Qua kết quả thống kê đất đai năm 2023 so sánh với số liệu thống kê đất đai năm 2011 cho thấy: Năm 2023 trên địa bàn xã có sự biến động về mục đích sử dụng, đối tượng sử dụng và quản lý giữa các loại đất nhưng không lớn, chủ yếu là chuyển mục đích sử dụng từ *nhóm đất nông nghiệp (NNP)*, *đất bằng chưa sử dụng (CSD)* sang *nhóm đất phi nông nghiệp (PNN)*.

**Bảng 4: Đánh giá biến động đất đai xã Nhơn Sơn**

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Hiện trạng năm 2023		So với năm 2011	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tăng (+) Giảm (-)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn xã</b>		<b>3.165,49</b>	<b>100</b>	<b>3.160,38</b>	<b>+5,11</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>		<b>2.246,43</b>	<b>70,97</b>	<b>2.110,46</b>	<b>+135,97</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	881,75	27,86	929,43	-47,68
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.002,68	31,68	944,77	+57,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	227,35	7,18	111,57	+115,78
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,34	0,07	6,45	-4,11

Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn.

1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	132,31	4,18	118,24	+14,07
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>644,96</b>	<b>20,37</b>	<b>510,86</b>	<b>+134,10</b>
2.1	Đất Quốc phòng	CQP	57,10	1,80	67,51	-10,41
2.2	Đất an ninh	CAN		0,00		0,00
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,19	0,01		0,19
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,21	0,23	24,77	-17,56
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	5,37	0,17		5,37
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	96,29	3,04		+96,29
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	<b>279,78</b>	<b>8,84</b>	209,60	+70,18
	Đất giao thông	DGT	155,72	4,92		155,72
	Đất thủy lợi	DTL	88,21	2,79		88,21
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,13	0,004		0,13
	Đất cơ sở y tế	DYT	0,13	0,004		0,13
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	8,71	0,28		8,71
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,98	0,13		3,98
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,74	0,02		0,74
	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,07	0,002		0,07
	Đất bãi thải, xử lý chất thải					
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,80	0,03		0,80
	Đất làm nghĩa trang - nghĩa địa	NTD	19,57	0,62	17,14	2,43
	Đất chợ	DCH	1,72	0,05		1,72
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,90	0,03		0,90
2.9	Đất khu vui chơi giải trí					
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	103,27	3,26	89,55	13,72
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,22	0,01	4,82	-0,69
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,91	0,12		
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,15	0,04	1,26	-0,11
2.14	Đất Sông, ngoài, kênh, rạch, suối	SON	82,80	2,62	113,35	-23,78
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,77	0,21		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>274,11</b>	<b>8,66</b>	<b>539,06</b>	<b>-264,95</b>

Nguồn: Kiểm kê đất đai năm 2011 và thống kê đất đai năm 2023 xã Nhơn Sơn



### **IV.3. Các vấn đề về sử dụng và khai thác đất nông nghiệp**

Thực trạng quản lý sử dụng đất nông nghiệp nói chung trong những năm qua đã có chuyển biến tích cực. Với việc giao đất ổn định lâu dài cho hộ gia đình cá nhân; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lập quy hoạch sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... đã làm cho việc quản lý đất đai tại các địa phương ngày càng chặt chẽ, đảm bảo đúng pháp luật.

Đất nông nghiệp ngày càng được sử dụng hợp lý, mang lại hiệu quả cao trên đơn vị diện tích. Trồng trọt đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh lúa tập trung. Các mô hình sản xuất tiên tiến được duy trì, nhân rộng; chú trọng triển khai các mô hình chuyển đổi, luân canh cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm, mang lại giá trị kinh tế cao, tận dụng các phế phẩm là thức ăn chăn nuôi và cải tạo đất, tiết kiệm nước tưới tăng hiệu quả sử dụng đất, giảm thiểu sâu bệnh, cải thiện môi trường nông nghiệp. Người nông dân đã tiếp cận với phương pháp canh tác cây trồng cạn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh các sản phẩm có lợi thế đặc thù như lúa, nho, táo,... Tăng cường ứng dụng kỹ thuật, đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao, cùng với đầu tư thủy lợi đảm bảo sản xuất lúa luân canh với hoa màu 3 vụ/năm.

### **IV.4. Những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai**

Những năm qua tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn xã Nhơn Sơn được tăng cường. UBND xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện các quy định về đất đai, môi trường. Đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các khu quy hoạch dân cư.

Công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo KHSD đất hàng năm.

Đoàn kiểm tra liên ngành đã tổ chức kiểm tra và tham mưu thực hiện nghiêm việc xử phạt đối với các trường hợp vi phạm trong lấn chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại tài nguyên đất, trong đó có một số trường hợp phải thực hiện biện pháp cưỡng chế.

Tuy nhiên, công tác tham mưu quản lý nhà nước về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường đôi lúc chưa kịp thời, có một số trường hợp tham mưu giải quyết còn chậm, còn buông lỏng công tác quản lý đất đai để xảy ra tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích, xây dựng trên đất nông nghiệp nhưng không kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý; xử lý không cương quyết; Công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng tuy được quan tâm thực hiện nhưng vẫn còn một số dự án chậm, kéo dài; Công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, kiến nghị của người dân có một số trường hợp còn chậm; Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đất

đại, môi trường chưa được thường xuyên, sâu rộng; Công tác thông tin báo cáo, phối hợp đôi lúc chưa kịp thời.

## **V. Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch**

### **V.1. Hiện trạng về nhà ở**

- Thực hiện tiêu chí nhà ở nông thôn, thông qua các nguồn hỗ trợ, nguồn vốn vay và vốn tự có của các hộ gia đình. Đến nay trên địa bàn xã không có nhà tạm và nhà ở dột nát; có 3.282/3.316 hộ có nhà ở đạt chuẩn theo qui định của Bộ Xây dựng, chiếm tỷ lệ 98,97% (diện tích tối thiểu 32m<sup>2</sup> và không bao gồm diện tích bếp, nhà vệ sinh).

- Đọc tuyến Quốc lộ 27, nhà ở của các hộ dân kết hợp với buôn bán nhỏ lẻ, kinh doanh thương mại - dịch vụ. Nhà ở đa dạng về kiến trúc, từ 1-3 tầng, nhà ở kết hợp với khuôn viên cây xanh, sân phơi và chăn nuôi gia súc.

### **V.2. Hiện trạng về công trình công cộng**

#### **V.2.1. Công trình hành chính cơ quan**

- Trụ sở UBND xã  
+ Vị trí: thôn Đắc Nhơn 3  
+ Diện tích đất sử dụng: 0,23 ha.  
+ Trụ sở làm việc 2 tầng, 1 phòng họp, 01 hội trường văn hóa khoảng 120 chỗ.

+ Chất lượng công trình: đang sử dụng tốt.

#### **V.2.2. Công trình Quốc phòng, An ninh**

- Trụ sở công an xã  
+ Nằm tại khu vực thôn Đắc Nhơn 3.  
+ Diện tích sử dụng 0,20 ha.  
+ Chất lượng công trình tốt.

#### **V.2.3. Công trình giáo dục**

a) *Cấp trung học phổ thông*: có trường Trung học phổ thông Lê Duẩn (Nha Hố 2)

- Diện tích đất sử dụng: 2,70 ha.  
- Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.

b) *Cấp trung học cơ sở*:

- Trường THCS Trần Quốc Toản ( Lương Cang 2)

+ Diện tích đất sử dụng: 1,93 ha.

+ Công trình: 3 dãy trường, mỗi dãy 2 tầng trệt và lầu. Có 8 phòng chức năng và 20 phòng học, có khu vệ sinh cho giáo viên, sân bê tông.

- + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- c) Cấp tiểu học:
  - Trường tiểu học Nhơn Sơn A( thôn Lương Cang 1):
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,92 ha.
    - + Công trình bao gồm 3 dãy trường, 1 dãy 2 tầng, 2 dãy 1 tầng.
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
  - Điểm trường tiểu học Nhơn Sơn A (thôn Núi Ngõng):
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,06 ha.
    - + Công trình bao gồm 1 dãy 2 tầng, 2 dãy 1 tầng.
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
  - Trường tiểu học Nhơn Sơn B (thôn Lương Tri):
    - + Diện tích đất sử dụng: 1,05 ha.
    - + Công trình 02 tầng trệt và lầu, gồm 8 phòng.
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
  - Trường tiểu học Nha Hồ (thôn Nha Hồ 1):
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,46 ha
    - + Công trình 2 tầng gồm 8 phòng, 2 phòng chức năng và 6 phòng học.
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
  - Trường tiểu học Nhơn Sơn (thôn Đắc Nhơn 2)
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,30 ha
    - + Công trình gồm 14 phòng học, gồm 7 phòng tầng trệt và 7 phòng tầng lầu.
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
  - Điểm trường tiểu học Nhơn Sơn (thôn Láng Ngựa):
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,10 ha.
    - + Công trình 02 tầng trệt và lầu, gồm 8 phòng.
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- d) Cấp mầm non:
  - Trường mầm non Nhơn Sơn (thôn Đắc Nhơn 2):
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,06 ha.
    - + Công trình cấp IV gồm 04 phòng (02 phòng học, 02 phòng làm việc).
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
  - Điểm trường mầm non Nhơn Sơn (thôn Lương Tri):
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,10 ha.
    - + Công trình cấp IV gồm 04 phòng (02 phòng học, 02 phòng làm việc).
    - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
  - Trường mầm non Sao Mai (thôn Đắc Nhơn 3):
    - + Diện tích đất sử dụng: 0,2 ha.

+ Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.

#### **V.2.4. Công trình y tế**

Trạm Y tế xã (Đắc Nhơn 3)

- Diện tích đất sử dụng: 0,13 ha.
- Công trình cấp IV có tường rào bao quanh.
- Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.

#### **V.2.5. Công trình văn hoá - thể dục thể thao**

- Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 1:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 2:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 3:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,07 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Tri:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Láng Ngựa:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,08 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Núi Ngõng:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Cang 1:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Cang 2:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Nha Hố 1:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Nhà văn hóa thể thao thôn Nha Hố 2:
  - + Diện tích đất sử dụng: 0,05 ha.
  - + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.

- Trung tâm thể dục - thể thao xã: (Đắc Nhơn 3)
- + Diện tích đất sử dụng: 1,20 ha.
- + Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Sân bóng thôn Lương Tri (thôn Lương Tri):
- + Diện tích đất sử dụng: 2,90 ha.

#### **V.2.6. Công trình thương mại dịch vụ**

- Chợ Lương Cang (thôn Lương Cang 2)
- + Diện tích đất sử dụng: 0,34 ha.
- + Công trình cấp IV. Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Chợ thôn Nha Hồ (thôn Nha Hồ 1)
- + Diện tích đất sử dụng: 0,18 ha.
- + Công trình cấp IV. Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Chợ thôn Lương Tri (thôn Lương Tri)
- + Diện tích đất sử dụng: 0,18 ha.
- + Công trình cấp IV. Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Chợ Nhơn Sơn (thôn Đắc Nhơn 3)
- + Diện tích đất sử dụng: 0,52 ha.
- + Công trình cấp IV. Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Công ty nông sản Thái Thuận (thôn Lương Cang 2)
- Trạm trồng trọt và BVTN Ninh Sơn (thôn Lương Cang 2)
- Chợ Nhơn Sơn cũ (thôn Đắc Nhơn 2)
- + Diện tích đất sử dụng: 0,77 ha.
- + Công trình cấp IV.

#### **V.2.7. Công trình bưu chính viễn thông**

- Bưu điện xã Nhơn Sơn (thôn Đắc Nhơn 3)
- + Diện tích đất sử dụng: 0,02 ha
- + Công trình cấp IV. Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.
- Bưu điện Nha Hồ (thôn Nha Hồ 2)
- + Diện tích đất sử dụng: 0,08 ha.
- + Công trình cấp IV. Chất lượng công trình đang sử dụng tốt.

#### **V.2.8. Công trình tín ngưỡng**

Trên địa bàn xã có các công trình tín ngưỡng gồm:

- Đài tưởng niệm liệt sĩ xã
- + Đài tưởng niệm liệt sĩ xã nằm tại khu vực thôn Đắc Nhơn 3.
- + Diện tích sử dụng 0,09 ha.
- + Chất lượng công trình tốt.
- Đình làng Đắc Nhơn (Đắc Nhơn 2) và đình làng Lương Cang.

### V.2.9. Công trình tôn giáo

Trên địa bàn xã có các công trình tôn giáo gồm Chùa Thiên Lâm (Đắc Nhơn 1); Thánh Đường Hồi giáo Bà Ni (Lương Tri) và chùa Phước Long (Lương Cang 1).

**Bảng 5: Hiện trạng công trình công cộng địa bàn xã**

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích đất sử dụng (ha)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công trình hành chính, cơ quan</b>			
1	Trụ sở UBND xã Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 3	0,23	
<b>II</b>	<b>Công trình Quốc phòng, An ninh</b>			
2	Trụ sở công an xã	Đắc Nhơn 3	0,20	
<b>III</b>	<b>Công trình giáo dục</b>			
1	Trường Trung học phổ thông Lê Duẩn	Nha Hồ 2	2,70	
2	Trường THCS Trần Quốc Toản	Lương Cang 2	1,93	
3	Trường Tiểu học Nhơn Sơn A	Lương Cang 1	0,92	
4	Điểm trường Tiểu học Nhơn Sơn A	Núi Ngõng	0,06	
5	Trường Tiểu học Nhơn Sơn B	Lương Tri	1,05	
6	Trường Tiểu học Nha Hồ	Nha Hồ 1	0,46	
7	Trường Tiểu học Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 2	0,30	
8	Điểm trường Tiểu học Nhơn Sơn	Láng Ngựa	0,10	
9	Trường mầm non Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 2	0,06	
10	Điểm trường mầm non Nhơn Sơn	Lương Tri	0,10	
11	Trường Mầm non Sao Mai	Đắc Nhơn 3	0,2	
<b>IV</b>	<b>Công trình y tế</b>			
	Trạm y tế xã	Đắc Nhơn 3	0,13	
<b>V</b>	<b>Văn hóa - thể dục thể thao</b>			
1	Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 1	Đắc Nhơn 1	0,05	
2	Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 2	Đắc Nhơn 2	0,05	
3	Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 3	Đắc Nhơn 3	0,07	
4	Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Tri	Lương Tri	0,05	
5	Nhà văn hóa thể thao thôn Láng Ngựa	Láng Ngựa	0,08	
6	Nhà văn hóa thể thao thôn Núi Ngõng	Núi Ngõng	0,05	
7	Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Cang 1	Lương Cang 1	0,05	
8	Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Cang 2	Lương Cang 2	0,05	
9	Nhà văn hóa thể thao thôn Nha Hồ 1	Nha Hồ 1	0,05	
10	Nhà văn hóa thể thao thôn Nha Hồ 2	Nha Hồ 2	0,05	
11	Trung tâm thể dục - thể thao xã	Đắc Nhơn 3	1,20	
12	Sân bóng thôn Lương Tri	Lương Tri	2,90	
<b>VI</b>	<b>Thương mại dịch vụ</b>			

1	Chợ Lương Cang	Lương Cang 2	0,34	
2	Chợ thôn Nha Hồ	Nha Hồ 1	0,18	
3	Chợ thôn Lương Tri	Lương Tri	0,18	
4	Chợ Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 3	0,52	
5	Công ty Nông sản Thái Thuận	Lương Cang 2		
6	Trạm trồng trọt và BVTV Ninh Sơn	Lương Cang 2		
7	Chợ Nhơn Sơn (cũ)	Đắc Nhơn 2	0,77	
<b>VII</b>	<b>Bưu chính viễn thông</b>			
1	Bưu điện xã	Đắc Nhơn 3	0,02	
2	Bưu điện Nha Hồ	Nha Hồ 2	0,08	
<b>VIII</b>	<b>Công trình Tín ngưỡng</b>			
1	Đài tưởng niệm liệt sĩ xã	Đắc Nhơn 3	0,09	
2	Đình làng Đắc Nhơn	Đắc Nhơn 2	0,13	
3	Đình làng Lương Cang	Lương Cang 1	0,18	
<b>IX</b>	<b>Công trình tôn giáo</b>			
1	Chùa Thiên Lâm	Đắc Nhơn 1	0,74	
2	Thánh Đường Hồi giáo Bà Ni	Lương Tri	0,03	
3	Chùa Phước Long	Lương Cang 1	0,85	

### V.3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

#### V.3.1. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

##### a) Giao thông:

- Xã có tuyến Cao Tốc Bắc - Nam (tuyến Cam Lâm-Vĩnh Hảo) cũng là xã có nút giao thông đầu nối vào tuyến Cao tốc đã bàn giao đưa vào sử dụng.

- Xã có tuyến Quốc lộ 27 đi qua xã có chiều dài 6,8 km, kết cấu mặt đường nhựa 6,8/6,8km. Đoạn đường kéo dài từ đầu giáp ranh phường Đô Vinh đến hết ranh giới xã, bề rộng nền đường 9,0m, hành lang an toàn mỗi bên 4,0 - 6,0 m.

- Đường huyện *DH32*: đi qua xã có chiều dài khoảng 7,0km, kết cấu mặt đường nhựa, bề rộng nền đường 12,0m, hành lang an toàn mỗi bên 2,0 m.

- Đường xã: có tổng chiều dài 11,72km/6 tuyến, được bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt tỷ lệ 100%. Các tuyến đường được bảo trì thường xuyên và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định, có bố trí đèn chiếu sáng đạt tỷ lệ 100%.

- Đường thôn và đường liên thôn: có tổng chiều dài 22,61 km/ 57 tuyến. Được bê tông hoá và bảo trì hàng năm là 22,61/22,61 km, đạt 100%. Hàng năm đều được tu sửa, bảo trì theo quy định. Số tuyến đường thôn và đường liên thôn có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp là 55/57 tuyến, đạt 96,5%.

- Đường ngõ xóm: có tổng chiều dài 18,9 km, trong đó đã được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 18,25 km, đạt tỷ lệ 96,82%.

b) Hiện trạng cấp điện

- Trực tiếp điện cho xã là tuyến 22kV từ trạm biến áp 110/22kV - 2x40MVA của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Hệ thống điện trên địa bàn xã luôn được đầu tư, nâng cấp, cải tạo đồng bộ đảm bảo theo quy hoạch, theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; trên địa bàn xã hiện có các Trạm biến áp/kVA, một số đường dây trung áp, đường dây hạ áp cung cấp điện sinh hoạt cho các hộ gia đình và phục vụ sản xuất; dây dẫn sử dụng dây bọc chạy dọc theo các tuyến đường chính và trong khu dân cư.

- Hiện nay trên địa bàn xã có 4.119/4.119 hộ sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định, đạt tỷ lệ 100%.

c) Hiện trạng cấp nước

- Hiện nay, trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ 02 công trình cấp nước tập trung là Hệ thống cấp nước Mỹ Sơn (trên địa bàn thôn Nha Hố 1, 2, Núi Ngỗng, Lương Cang 1, Lương Cang 2) và Nhà máy cấp nước Ninh Thuận (địa bàn thôn Đắc Nhơn 1, 2, 3, Lương Tri, Láng Ngựa).

- Tổng số hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 4.119/4.119 đạt 100%; Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là 83,3 lít nước/người/ngày đêm.

d) Thoát nước thải - quản lý chất thải rắn - nghĩa trang

- Thoát nước thải:

+ Trên địa bàn xã hầu như chưa có hệ thống thoát nước thải, một số tuyến đường có rãnh thoát bê tông nhưng không đáng kể.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

+ Số hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp đạt tỷ lệ 84,08%.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Công tác thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm thực hiện. Xã duy trì mô hình thu gom rác thải 10/10 thôn và được Công ty TNHH Nam Thành thu gom và vận chuyển rác từ bãi tập kết về nhà máy xử lý đảm bảo không để rác tồn. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 95%, đảm bảo không vớt rác bừa bãi ra môi trường.

+ Thực hiện phân loại rác tại nguồn, phân ra từng loại rác thải hữu cơ dễ phân huỷ, rác thải có thể tái chế thu gom bán phế liệu, tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn đạt 51,3%.



+ Rác thải nhựa như vỏ hộp nhựa, chai nhựa... phát sinh từ các hộ gia đình, đều được tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở thu mua tái chế phế liệu.

+ Các loại chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt tỷ lệ 100%.

- *Nghĩa Trang*: Toàn xã có 19,57 ha đất nghĩa trang. Trong đó có 04 nghĩa trang (thôn Lương Tri, Núi Ngõng, Đắc Nhơn và Nha Hố), có Ban quản lý Nghĩa trang được thành lập, hoạt động của Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật. Mai táng được thực hiện phù hợp với quy định.

### **V.3.2. Hiện trạng về hạ tầng phục vụ sản xuất**

a) Hệ thống đường giao thông nội đồng

Tổng chiều dài các tuyến đường nội đồng trên địa bàn xã Nhơn Sơn là 13,7 km dẫn đến các cánh đồng phục vụ sản xuất, đến nay đã thực hiện cứng hóa bằng hình thức bê tông là 12,3 km/13,7km đạt tỷ lệ 89,8%, đáp ứng nhu cầu sản xuất, vận chuyển hàng hóa của người dân.

b) Hệ thống thủy lợi

- Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 2.150 ha/2.150 ha, đạt 100%.

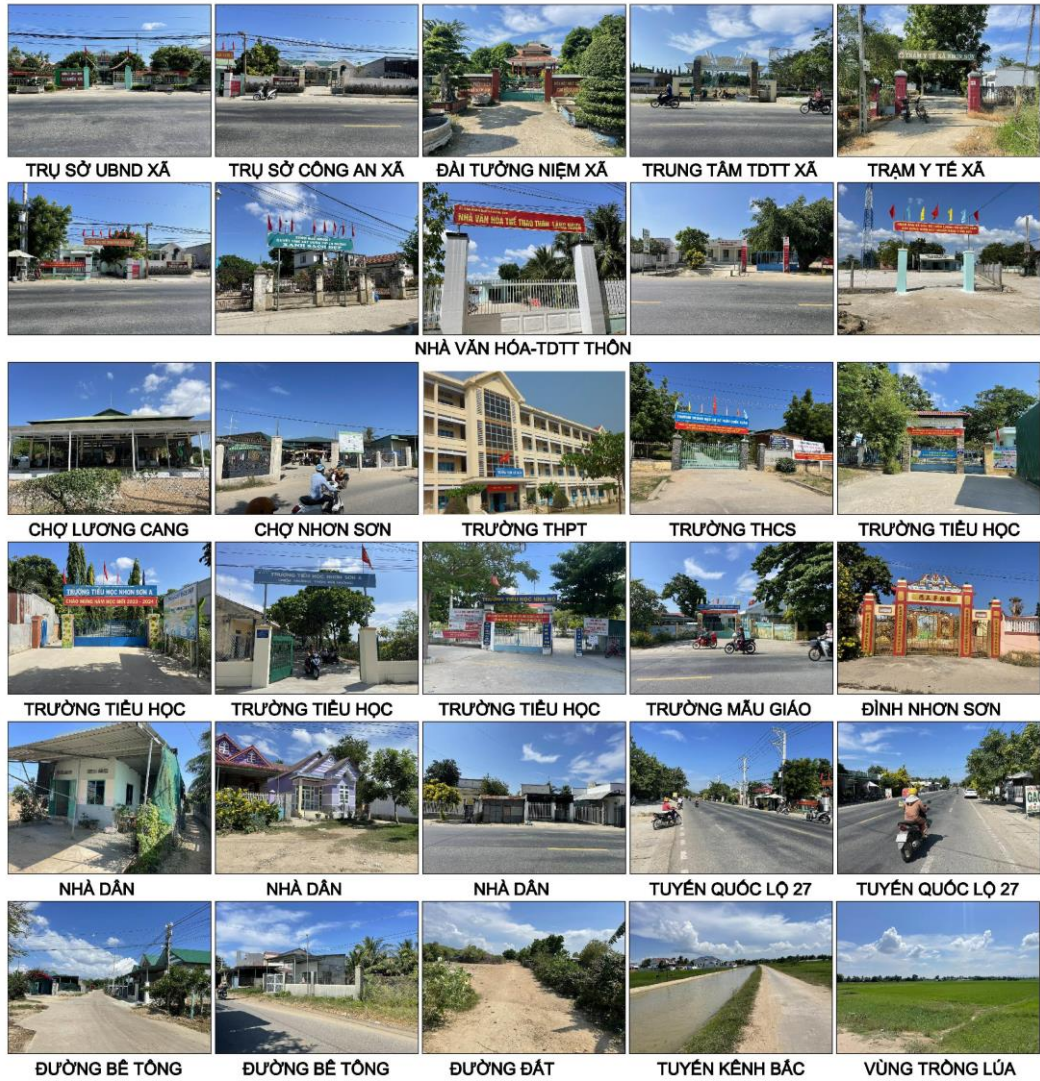
- Trên địa bàn xã có 04 Ban điều hành sản xuất ứng với 04 khu vực: Nha Hố, Lương Cang, Đắc Nhơn, Lương Tri; 01 Tổ dùng nước PIM đã được kiện toàn theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND xã Nhơn Sơn gồm 7 thành viên, đã thành lập 01 Tổ khuyến nông cộng đồng tại Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22/11/2022 của UBND xã gồm 11 thành viên. Từ khi thành lập Tổ khuyến nông đã và đang hoạt động có hiệu quả.

- Tổng số km kênh mương cấp 3 do xã quản lý 30,608 km, đã được kiên cố đạt 100%.

### **V.4. Hiện trạng di tích, danh lam thắng cảnh du lịch**

Ngoài các công trình tôn giáo, tín ngưỡng và đài tưởng niệm liệt sĩ xã phục vụ mục đích tâm linh. Trên địa bàn xã còn có khu di tích Đình Đắc Nhơn được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 01 - QĐ/BT ngày 04/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

## HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂN HÌNH



## VI. Đánh giá việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã

### VI.1. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan

Trong thời gian qua, huyện, xã đã tập trung thực hiện tốt việc xây dựng và quản lý quy hoạch. Tập trung chỉ đạo hoàn thành các đồ án quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển trên địa bàn xã Nhơn Sơn như sau:

- Đồ án Quy hoạch Đồ án nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn. (Quy mô: toàn xã, đã hết hiệu lực). Hiện nay xã đang triển khai thực hiện rà soát quy hoạch xã giai đoạn 2021 - 2025 cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Đề án xây dựng nông thôn mới (theo Quyết định số 4703/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2014 - 2020.

- Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Sơn (Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn.

- Đồ án Quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính xã được phê duyệt tại quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của UBND huyện Ninh Sơn. Hiện nay xã đang triển khai thực hiện rà soát quy hoạch, dự kiến lập mới khu trung tâm xã cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025.

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phục vụ dự án đường cao tốc Bắc - Nam, quy mô 1,74 ha (đã phê duyệt)

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) điểm dân cư xã Nhơn Sơn điểm dân cư số 1 thôn Lương Cang, quy mô 3,50 ha (đã phê duyệt)

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) điểm dân cư xã Nhơn Sơn điểm dân cư số 2 thôn Lương Tri, quy mô 7,80 ha (đã phê duyệt)

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) điểm dân cư xã Nhơn Sơn điểm dân cư số 3 thôn Lương Tri, quy mô 8,91 ha (đã phê duyệt)

- Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư Hợp tác xã nông nghiệp Đắc Nhơn, quy mô 0,417 ha (đã phê duyệt)

- Đồ án quy hoạch phân lô điểm dân cư nông thôn, thôn Lương Tri, quy mô 2,0 ha (đã phê duyệt)

- Các quy hoạch đã được niêm yết công khai để người dân trên địa bàn được biết, để thực hiện đã thực hiện công khai đầy đủ, kịp thời.

## **VI.2. Các dự án đã và đang triển khai**

Công tác xây dựng cơ bản tiếp tục được triển khai thực hiện như:

- Dự án đường Cao tốc Bắc Nam (đã bàn giao đưa vào sử dụng) hiện đang hoàn chỉnh một số hạng mục còn lại.

- Dự án nâng cấp tiết điện Đa Nhim - Tháp Chàm.

- Dự án công trình thủy lợi ABD8.

- Bê tông hóa 3 sân nhà văn hóa - thể thao thôn Đắc Nhơn 1, 2, 3.

- Xây dựng tường rào, mái vòm, cổng chợ Nhơn Sơn.

- Dự án Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn trên địa bàn huyện Ninh Sơn, quy mô 1,5ha (đã phê duyệt dự án đầu tư) đang triển khai các bước tiếp theo.

- Các dự án khai thác đá, khoáng sản

+ Khu khai thác khoáng sản đá xây dựng núi Tiêng, quy mô 3,6 ha; Khu khai thác khoáng sản đá xây dựng núi Tiêng 4, quy mô 4,3ha.

+ Khu vực thăm dò khai thác đá xây dựng, quy mô 8,31 ha (Công ty TNHH TM&XD Sơn Long Thuận và Công ty Cổ phần Việt Ren;

+ Khu vực thăm dò khai thác đá xây dựng, quy mô 27,67ha (thuộc Công ty Cổ phần xây dựng Ninh Thuận).

+ Khu khai thác khoáng sản đá xây dựng, quy mô 6,58 ha; Khu chế biến đá xây dựng, quy mô 3,10 ha (thuộc công ty cổ phần Xây dựng công trình 677).

+ Khu khai thác đất làm vật liệu san lấp, quy mô 10,16 ha (thuộc công ty TNHH Huy An).

+ Khu khai thác đá xây dựng Núi Ngõng, quy mô 9,15 ha.

+ Khu vật liệu san lấp, quy mô 4,60 ha.

### **VI.3. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch, dự án**

Việc chỉ đạo, thực hiện hệ thống các quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã nhìn chung tuân thủ theo quy hoạch được các cấp, ngành thực hiện nghiêm túc, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng nông thôn mới của xã, đồng thời là cơ sở để xã tiếp tục xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có nhiều bất cập, xuất hiện những yếu tố mới dẫn đến một số thay đổi so với quy hoạch:

- Nhiều loại quy hoạch khác nhau, có những đồ án quy hoạch đã được triển khai từ khá lâu, định hướng không còn phù hợp trong giai đoạn mới dẫn đến khó khăn cho kiểm soát thực hiện.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội chưa tương xứng với yêu cầu phát triển; việc quản lý kỹ thuật hạ tầng, thực hiện công tác bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống kết cấu hạ tầng chưa kịp thời.

### **VII. Đánh giá kết quả thực hiện đồ án quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.**

Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã Nhơn Sơn được UBND huyện Ninh Sơn phê duyệt tại Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/10/2012. **Xã chỉ đạt 08/19** tiêu chí nông thôn mới.

Năm 2015 xã **đạt được 19/19** tiêu chí nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là **xã đạt chuẩn nông thôn mới** theo Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 26/10/2015.

Năm 2023 xã Nhơn Sơn **đã đạt 19/19** tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng **xã nông thôn mới nâng cao** theo quy định tại Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành Bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu - mẫu) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025, **cụ thể như sau:**

1.1. Tiêu chí về Quy hoạch: gồm 03 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Đồ án Quy hoạch Đồ án nông thôn mới được phê duyệt tại Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn và đã tổ chức công bố, công khai tại các điểm dân cư tập trung (Trụ sở xã và thôn...) sau khi Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (*trong vòng 15 ngày sau khi quy hoạch được duyệt*).

- Đề án xây dựng nông thôn mới (theo Quyết định số 4703/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2014-2020.

- Quy chế quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Sơn (Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn đã tổ chức công bố, công khai tại các điểm dân cư tập trung (Trụ sở xã và thôn...) sau khi Quy hoạch được phê duyệt (*trong vòng 15 ngày sau khi quy hoạch được duyệt*).

- Quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính xã được phê duyệt tại quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của UBND huyện Ninh Sơn và công bố, công khai tại các điểm dân cư tập trung (Trụ sở xã và thôn...).

- Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện đang tiến hành lập Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn. Đã được phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn tại Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn, Ủy ban nhân dân huyện đang tiến hành các bước tiếp theo của đồ án.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.2. Tiêu chí số 2 về giao thông: Gồm 04 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trên cơ sở được nhà nước đầu tư vốn để xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn, đường nội thôn, cấp ủy đảng và chính quyền huy động thêm từ nguồn vốn đóng góp trong nhân dân bằng hình thức góp công lao động theo nguyên tắc nhà nước và nhân dân cùng làm.

- Các nội dung đã thực hiện: Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa đảm bảo phương tiện (ô tô) đi lại thuận tiện, các tuyến đường trục xã, đường trục thôn được bê tông hóa, cứng hóa thuận tiện đi lại quanh năm, đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa.

- Hiện nay toàn xã đã thực hiện nhựa hóa và bê tông hóa các tuyến đường giao thông chính, thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển của người dân.

- Tổng số tuyến đường trên địa bàn xã được bảo trì thường xuyên và có các hạng mục cần thiết (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) theo quy định là 167/167 tuyến, đạt tỷ lệ 100%.

- Tổng số tuyến đường trên địa bàn xã có bố trí đèn chiếu sáng theo quy định là 146/167 tuyến, đạt tỷ lệ 87,43%.

- Toàn xã có 11,72km đã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa, đạt tỷ lệ 100%.

- Tổng số đường thôn và đường liên thôn có các hạng mục cần thiết và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 49/58 tuyến, đạt tỷ lệ 84,5%.

- Đường ngõ xóm có tổng chiều dài 18,9 km, trong đó đã được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 18,25 km, đạt tỷ lệ 96,82%.

- Tổng chiều dài đường trục chính nội đồng được cứng hóa, đảm bảo hàng hóa vận chuyển thuận tiện quanh năm 13,7 km, đã được cứng hóa 13,7/13,7km, đạt 100%, trong đó được nhựa hóa hoặc bê tông hóa là 12,3 km/13,7km, đạt tỷ lệ 89,8%. Hàng năm một số tuyến đường bị xuống cấp, UBND xã đã triển khai duy tu, sửa chữa các tuyến đường trên

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.3. Tiêu chí 3 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai: Gồm 06 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- Tổng diện tích đất gieo trồng cả năm được tưới của xã là 2.109 ha/2.109ha, đạt 100%. Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 2.150 ha/2.150 ha, đạt 100%. Như vậy tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%.

- Trên địa bàn xã có 04 Ban điều hành sản xuất ứng với 04 khu vực: Nha Hố, Lương Cang, Đắc Nhơn, Lương Tri; 01 Tổ dùng nước PIM đã được kiện toàn theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND xã Nhơn Sơn gồm 7 thành viên, đã thành lập 01 Tổ khuyến nông cộng đồng tại Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22/11/2022 của UBND xã gồm 11 thành viên. Từ khi thành lập Tổ khuyến nông đã và đang hoạt động có hiệu quả.

- Diện tích cây trồng chủ lực của xã (lúa, nho, táo) bình quân là 645 ha, trong đó có diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 645ha/645 ha, đạt 100%.

- Về công tác thủy lợi, từ năm 2017 đến nay, đã đầu tư xây dựng mới 5,1km kênh mương với tổng kinh phí 2.691 triệu đồng; năm 2020, nạo vét 4,6km kênh mương với 2.900 triệu đồng; nâng cấp các tuyến kênh với chiều dài 3.050m, tổng kinh phí 4.500 triệu đồng.



- Các nguồn nước thải trên địa bàn xã được quản lý, kiểm soát chặt chẽ. Không có trường hợp nào vi phạm xả nước thải trong cộng đồng dân cư (*theo biểu mẫu số 3 Phụ lục I kèm theo*).

- Quán triệt đến CBCC và vận động nhân dân phát huy vai trò nâng cao trách nhiệm trong việc chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; quyết định kiện toàn Ban chỉ huy, phân công cụ thể cho thành viên và cán bộ xã tham gia 100% trong công tác PCTT&TKCN. Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã được thường xuyên kiện toàn theo Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 24/11/2022; các thành viên BCH được phân công nhiệm vụ cụ thể theo Quyết định 605/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của BCH PCTT, Xây dựng Phương án PCTT và TKCN, đảm bảo việc chủ động về PCTT theo phương châm 4 tại chỗ; nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai tại xã; các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh (*theo Phụ lục II kèm theo*).

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.4. Tiêu chí số 4 về Điện: gồm 01 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- Hệ thống điện trên địa bàn xã luôn được đầu tư, nâng cấp, cải tạo đồng bộ đảm bảo theo quy hoạch, theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; trên địa bàn xã hiện có các Trạm biến áp/kVA, một số đường dây trung áp, đường dây hạ áp cung cấp điện sinh hoạt cho các hộ gia đình và phục vụ sản xuất; dây dẫn sử dụng dây bọc chạy dọc theo các tuyến đường chính và trong khu dân cư.

- Số hộ sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định là 4.119/4.119 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.5. Tiêu chí số 5 về giáo dục: gồm 06 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường học đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; kết hợp với Hội đồng giáo dục xã kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù; Tổ chức Hội nghị giáo dục triển khai Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra.

- Toàn xã Nhơn Sơn có 06 trường học: 01 Trường Mẫu giáo, 04 trường tiểu học, 01 trường Trung học cơ sở. Đến nay có 06/06 trường đã được đầu tư xây dựng đảm bảo về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và ĐT, đạt tỉ lệ 100%. Có 5/6 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 (trường TH Nhơn Sơn A, trường TH Nhơn Sơn

B, trường Mẫu giáo Nhơn Sơn, trường TH Nha Hồ và trường THCS Trần Quốc Toàn, 01 trường đạt tiêu chuẩn quốc gia mức độ 2 (Trường TH Nhơn Sơn).

Hàng năm, xã đã phối hợp với các nhà trường kiểm tra chất lượng các công trình trường học, báo cáo đề xuất cơ quan cấp trên để tiến hành duy tu, bảo dưỡng khi có tình trạng xuống cấp xảy ra. Đảm bảo tốt điều kiện dạy và học cho giáo viên và học sinh

- Luôn duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Xã đủ điều kiện đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2.

- Cộng đồng học tập được đánh giá, xếp loại Tốt.

- Về mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Xã luôn phối hợp với các đơn vị trường học, các cơ quan đơn vị, xây dựng các mô hình giáo dục thể chất như Hội khỏe phù đổng, các hoạt động ngoại khóa của trường, thành lập CLB bóng chuyền, bóng đá, cầu lông...

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.6. Tiêu chí số 6 về Văn hoá: Gồm 03 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- Trên địa bàn xã có lắp đặt các dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời tại sân Trung tâm học tập cộng đồng của xã được người dân hưởng ứng và tham gia của nhiều người dân. Có 01 sân vận động tọa lạc tại thôn Đắc Nhơn 3 với diện tích 1,2 ha, phục vụ các hoạt động về thể dục, thể thao của địa phương. Có các loại hình hoạt động thể dục, thể thao như: CLB dưỡng sinh (thôn Nha Hồ 1,2), thể dục aerobic (Đắc Nhơn 2,3), CLB bóng chuyền, bóng đá; Tại các trường có Thư viện thu hút học sinh đến nghiên cứu và đọc sách. Trong năm 2022, khánh thành 2 mô hình thư viện trường học thân thiện (trường TH Nhơn Sơn A, Nhơn Sơn B)

- Ngoài ra, tại các thôn còn có các Đội văn nghệ thường xuyên tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ vào các dịp Lễ trong năm hoặc các hoạt động lớn của xã gồm trẻ em, thanh niên và Nhân dân trên địa bàn xã cùng tham gia. Trụ sở thôn làm nơi sinh hoạt văn hóa, làm điểm sinh hoạt cho Nhân dân các thôn.

- Hàng năm, xã có tổ chức các giải bóng đá phong trào, bóng chuyền, cầu lông thu hút lực lượng học sinh và Nhân dân trên địa bàn tham gia.

- Trên địa bàn xã có khu di tích Đình Đắc Nhơn được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 01 - QĐ/BT ngày 04/1/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Trong năm 2022 đã đầu tư xây mới tường thành bảo vệ, nâng cấp một số công trình phụ, có giá trị trên 500 triệu đồng (*Trong đó vốn nhà nước hỗ trợ 180 triệu đồng, phần còn lại là xã hội hóa trong Nhân dân*)



- Toàn xã có 10 thôn đạt chuẩn văn hóa theo quy định theo Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn. Trong đó có 04 thôn/10 thôn đạt chuẩn nông thôn mới (thôn Nha Hồ 1, Nha Hồ 2, Đắc Nhơn 2, Đắc Nhơn 3), đạt tỷ lệ 40%.

- Công đồng học tập của xã được đánh giá, xếp loại Tốt.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Gồm 01 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- UBND xã Nhơn Sơn đã được UBND tỉnh phê duyệt xây dựng mô hình chợ an toàn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 31/5/2022. Diện tích, mặt bằng xây dựng: 642,8m<sup>2</sup>/tổng diện tích đất khuôn viên chợ 5.381m<sup>2</sup>. Có 90 hộ kinh doanh, diện tích 5-7m<sup>2</sup>/điểm kinh doanh đảm bảo chi tiết về diện tích tối thiểu/điểm kinh doanh 3m<sup>2</sup>/điểm kinh doanh theo qui định. Đã ban hành Quyết định thành lập Ban quản lý chợ và Ban hành quy chế hoạt động Ban quản lý chợ. Có Nội quy chợ được niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ.

- Nhà chợ chính được xây dựng bán kiên cố, nền chợ được bê tông hóa..

- Bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình: Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ, có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng, phù hợp với quy mô của chợ, có địa điểm trông giữ xe đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự, khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm, có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ, có phương án và hệ thống cấp điện theo quy định đảm bảo cho hoạt động của chợ, có khu thu gom, lưu chứa rác và kế hoạch vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý tập trung của địa phương, có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm tiêu thoát, dễ dàng thông tắc, Có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông: Gồm 05 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- Hiện nay, trên địa bàn xã có 02 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Đã bố trí cơ sở vật chất phục vụ, cho người dân trên địa bàn xã. Mạng lưới Internet được bao phủ khắp xã.

- Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (*theo độ tuổi lao động*) trên địa bàn xã là 6.869/7.512 người, đạt 87,45%.

- Xã có 02 điểm phục vụ bưu chính cũng là điểm cung cấp xuất bản phẩm trên địa bàn xã.

- Duy trì hoạt động của 33 cụm loa truyền thanh không dây phát theo tần sóng FM là công cụ hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội và chuyển tải các chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đến tận người dân (được lắp đặt năm 2016).

- Triển khai nhiều phần mềm ứng dụng trong công tác chuyên môn và quản lý nhà nước như Phần mềm TD Office, phần mềm MISA, phần mềm quản lý hộ tịch, trang hộp thư điện tử, phần mềm quản lý trẻ em; giải quyết khiếu nại tố cáo, địa chính, ... 100% CBCC đều được trang bị tương đối đầy đủ máy tính, máy in, kết nối mạng nội bộ và internet và xã được trang bị hệ thống truyền hình trực tuyến điểm cầu tại xã. 100% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng qua hệ thống quản lý hồ sơ công việc TD Office (*trừ các hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% người dân trên địa bàn xã xem ít nhất là 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

- Hiện nay, địa phương đã phối hợp với đơn vị viễn thông lắp đặt Wifi miễn phí tại UBND xã và 10 điểm tại Nhà văn hóa - thể thao của 10 thôn.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: gồm 01 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Thực hiện tiêu chí nhà ở nông thôn, thông qua các nguồn hỗ trợ, nguồn vốn vay và vốn tự có của các hộ gia đình. Đến nay trên địa bàn xã không có nhà tạm và nhà ở dột nát; có 3.282/3.316 hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng, chiếm tỷ lệ 98,97% (*diện tích tối thiểu 32m<sup>2</sup> và không bao gồm diện tích bếp, nhà vệ sinh*).

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.10. Tiêu chí số 10 về thu nhập: Gồm 01 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tập trung chỉ đạo vận động nông dân chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo xem đây là tiêu chí quan trọng trong 19 tiêu chí nông thôn mới.

- Để đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đặc biệt là ngân hàng chính sách xã hội đã hỗ trợ các hộ dân trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Các doanh

ng nghiệp đã đầu tư thêm cơ sở mới, mở rộng sản xuất, tích cực tham gia chương trình hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ cho các hộ khó khăn giúp các hộ phát triển kinh tế. Đặc biệt là nguồn vốn từ trong nội lực của nhân dân, đầu tư cho phát triển kinh tế để nâng cao thu nhập, chiếm 60% tổng vốn đầu tư.

- Thu nhập trên địa bàn xã đạt: 635,454 triệu đồng/12.127 người, đạt 52,4 triệu đồng/người/năm.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.11. Tiêu chí số 11 về hộ nghèo: gồm 01 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- Tổng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và hộ cận nghèo đa chiều là 2,65% (tổng số hộ nghèo của xã 146 hộ, trong đó có 46 hộ nghèo không có khả năng lao động, có 68 hộ cận nghèo, trong đó có 60 hộ cận nghèo không có khả năng lao động), đính kèm Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND xã Nhơn Sơn về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 và Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.12. Tiêu chí số 12 về lao động: gồm 03 chỉ tiêu

a) Kết quả thực hiện:

- UBND xã phối hợp với các ban ngành đoàn thể của xã, 10 thôn thực hiện thống kê số người trong độ tuổi lao động có tên trong hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của xã, trong thời gian tham chiếu có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) từ 01 giờ trở lên để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.

- Hàng năm, UBND xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức các lớp dạy nghề trên địa bàn xã. Trong năm 2022, xã đã tổ chức 03 lớp dạy nghề: lớp nghiệp vụ bếp với 35 học viên, lớp điện dân dụng với 36 học viên, lớp nghiệp vụ bàn với 33 học viên.

- Tổng số lao động trên địa bàn xã là 7.512 lao động. Số lao động qua đào tạo là 6.386 lao động/7.512 lao động, đạt tỷ lệ 85,01%

- Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 4.507 lao động/7.512 lao động, đạt tỷ lệ 60%.

- Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực là 95% (nông, lâm, thủy sản 38,2%, công nghiệp - xây dựng 28,7%, dịch vụ 28,4%) đảm bảo chỉ tiêu quy định.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.13. Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: gồm 08 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Trên địa bàn xã có 1 Hợp tác xã sản xuất chế biến nho, táo Nhơn Sơn, hoạt động đúng theo Luật Hợp tác xã. Hợp tác xã có 09 thành viên, ngành nghề chính là sản xuất, chế biến nho táo; Trồng cây ăn quả; Mua bán rau củ, quả sau thu hoạch. Được đánh giá, xếp loại đạt loại khá năm 2022 theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- HTX đã được đầu tư hỗ trợ thực hiện “mô hình trình diễn sản xuất táo công nghệ cao gắn với thành lập hợp tác xã nho, táo Nhơn Sơn” với quy mô 2,78 ha, sản xuất theo quy trình phủ lưới gắn với tưới nước và phun xịt thuốc tự động. Tổng kinh phí mô hình 1.194 triệu đồng. Vận động thêm một số thành viên sản xuất táo liên kết sản xuất, đồng thời hỗ trợ tập huấn và xây dựng mô hình sản xuất táo theo tiêu chuẩn VietGap (đã được cấp giấy chứng nhận VietGap) được 4.85 ha.

- Trên địa bàn xã có 03 mô hình liên kết với HTX: Sản xuất táo công nghệ cao theo Tiêu chuẩn Vietgap gắn với tiêu thụ sản phẩm; sản xuất nho táo gắn với tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp Thái Thuận; Tổ liên kết sản xuất lúa giống cánh đồng Chà Vum gắn với tiêu thụ sản phẩm

- Về sản phẩm OCOP, trên địa bàn xã hiện nay có 11 sản phẩm có chứng OCOP: 10 sản phẩm nho táo Thái Thuận được chứng nhận đạt chuẩn 3 sao và 01 sản phẩm Nho Trí Hà của hộ kinh doanh Nguyễn Đình Trí thôn Láng Ngựa được chứng nhận OCOP 3 sao.

- Có 02 mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao: Sản xuất nho an toàn Công nghệ cao nhà màng theo Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND huyện; mô hình táo công nghệ cao kết hợp phun xịt tự động theo Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện;

- 01 sản phẩm Nho Trí Hà của hộ kinh doanh Nguyễn Đình Trí thôn Láng Ngựa được chứng nhận OCOP 3 sao đã thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.

- Xã có 3 sản phẩm nông nghiệp chủ lực: nho, táo, lúa. Có 2/3 sản phẩm Nho, táo Thái Thuận và Nho Trí Hà được bán trên kênh thương mại điện tử đạt 66,67%.

- Vùng trồng Mãng tây xuất khẩu: EX-NTOR-0003MANGTAY.

- Hiện nay, xã chưa có điểm du lịch. Tuy nhiên, địa phương đang triển khai thực hiện mô hình du lịch gắn với sản phẩm đặc thù địa phương trong năm 2023.

- Xã đang triển khai mô hình trồng nho hồng nhật ứng dụng công nghệ cao trong nhà màng của hộ ông Nguyễn Đình Trí, thôn Láng Ngựa. Mô hình trồng nho trong nhà màng nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, hạn chế sâu bệnh, sản phẩm

mô hình bước đầu tương đối đạt chất lượng. Mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với mô hình trồng nho ngoài trời theo phương pháp truyền thống và đang được người dân trong vùng nhiệt tình hưởng ứng tích cực và có khả năng nhân rộng.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.14. Tiêu chí số 14 về Y tế: Gồm 04 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- UBND xã xây dựng Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 10/2/2022 triển khai vận động đối tượng tham gia BHXH, BHYT năm 2022; Kế hoạch số 81/KH-UBND, ngày 25/7/2022 triển khai tổ chức vận động đối tượng tham gia BHYT cận nghèo và hộ gia đình năm 2022 trên địa bàn xã. Kết quả thực hiện:

- Số người dân tham gia BHYT là 11.522/12.127 người đạt 95,01%.

- Số người dân được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là 11.214/12.127 đạt tỷ lệ 92,5%.

- Số người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa là 5.017/12.127 người đạt 41,3%.

- Số dân cư có sổ khám chữa bệnh điện tử là 8.870/12.127 người, đạt 73,14%.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công: Gồm 03 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện.

- Hệ thống mạng nội bộ và hạ tầng CNTT tại xã được quan tâm và đẩy mạnh đảm bảo công tác thực hiện giải quyết TTHC thông qua hệ thống một cửa điện tử.

- Triển khai nhiều phần mềm ứng dụng trong công tác chuyên môn và quản lý nhà nước như Phần mềm TD Office, phần mềm MISA, phần mềm quản lý hộ tịch, trang hộp thư điện tử, phần mềm quản lý trẻ em; giải quyết khiếu nại tố cáo, địa chính,...100% CBCC đều được trang bị tương đối đầy đủ máy tính, máy in, kết nối mạng nội bộ và internet và xã được trang bị hệ thống truyền hình trực tuyến điểm cầu tại xã. 100% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng qua hệ thống quản lý hồ sơ công việc TD Office (*trừ các hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến triển khai mức độ 3,4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến. Trong năm 2022, giải quyết thủ tục hành chính Dịch vụ công mức độ 3,4 với tổng số hồ sơ là 1.067/1.076 hồ sơ, đạt 93,16%.

- Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo quy định. UBND xã thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thủ tục hành chính được giải quyết thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã. Tất cả các hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hẹn, không có hồ sơ trễ hẹn.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.16. Tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật: Gồm 3 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Xã Nhơn Sơn được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 theo Quyết định số 149/QĐ- UBND ngày 25/01/2022 của UBND huyện Ninh Sơn về việc công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021.

- Xã có 01 mô hình điển hình về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác hòa giải cơ sở thôn Lương Tri (*Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Nhơn Sơn*), duy trì 10 Tổ hòa giải ở cơ sở tương ứng với 10 thôn, các mô hình hoạt động hiệu quả. Phát huy được vai trò của mô hình trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật người dân hiểu và biết về pháp luật, công tác hòa giải, giúp chính quyền địa phương giải quyết đáng kể các trường hợp xảy ra tại cơ sở. Nhờ đó tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp trong phạm vi hòa giải được hòa giải thành 27/30 vụ, đạt 90%.

- Công tác trợ giúp pháp lý cho người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được quan tâm đạt 100%, với 509 người dân có nhu cầu trợ giúp pháp lý trong năm 2022.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường: Gồm 12 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (*gia súc, gia cầm*), nuôi trồng thủy sản có hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình BVMT khác, có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải. Có 01 cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản tại thôn Nha Hồ 1 có hạ tầng kỹ thuật đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Xã có 01/01 cơ sở SX-KD nuôi trồng thủy sản, làng nghề bảo đảm quy định về môi trường đạt 100%. Cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (*gia súc, gia cầm*), nuôi trồng thủy sản có hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình BVMT khác, có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo quy định về môi trường

- Công tác thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm thực hiện. Xã duy trì mô hình thu gom rác thải 10/10 thôn; Tàn suất thu gom rác

trong dân theo lịch và được Công ty TNHH Nam Thành thu gom và vận chuyển rác từ bãi tập kết về nhà máy xử lý đảm bảo không để rác tồn. Có kế hoạch số thu gom rác thải sinh hoạt sinh hoạt năm 2022 và báo cáo về việc thu gom rác thải sinh hoạt. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định là 5.061 m<sup>3</sup>/5.328 m<sup>3</sup> đạt 95%. bao gồm cả tỷ lệ thu gom trong dân, không phụ thuộc vào tỷ lệ thu gom của Công ty Nam Thành, đảm bảo không vứt rác bừa bãi ra môi trường.

- Số hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp là 3.312/3.939 hộ, đạt 84,08%.

- Về việc phân loại rác tại nguồn, UBND xã còn tuyên truyền vận động Nhân dân xử lý rác thải sinh hoạt bằng cách như phân ra từng loại rác thải hữu cơ dễ phân huỷ, rác thải có thể tái chế thu gom bán phế liệu trong năm 2022, các hội đoàn thể xã đã tổ chức tuyên truyền phân loại rác thải tại hộ gia đình trên địa sản với 100% các Hội viên tham gia, và tiếp tục nhân rộng mô hình này. Đến nay tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn là 2.021/3.939 hộ đạt 51,3%.

- Xã có 36 bờ rác được bố trí tại các khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để người dân tự gom các bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải rắn nguy hại và được thu gom và xử lý, được thu gom vận chuyển 512m<sup>3</sup>/512m<sup>3</sup>, đạt 100%, Chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý theo quy định của ngành Y tế, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%.

- Các loại chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt 1.005m<sup>3</sup> như rơm rạ, vỏ trấu, ngon bắp, phân gia súc (dê, bò, heo),...đều được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu phục vụ lại trong sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường là 1.005m<sup>3</sup>/1.005 m<sup>3</sup> đạt 100%.

- Các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm không để dịch bệnh lây lan, kéo dài. Tổng số hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh là 270/274 hộ đạt tỷ lệ 98%.

- Xã có 04 nghĩa trang (thôn Lương Tri, Núi Ngõng, Đắc Nhơn và Nha Hố). Có Ban quản lý Nghĩa trang được thành lập, hoạt động của Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật. Mai táng được thực hiện phù hợp với quy định.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng 6/118 người đạt 5,08%

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 4,88m<sup>2</sup>/người. Trong đó, tổng diện tích khu công cộng là 77.823,5 m<sup>2</sup>/15.923 nhân khẩu.

- Rác thải nhựa như vỏ hộp nhựa, chai nhựa... phát sinh từ các hộ gia đình, đều được tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở thu mua tái chế phế liệu. 1.628/1.628 m<sup>3</sup> đạt 100%.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.18. Tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống: Gồm 08 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Tổng số hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 3.939/3.939 đạt 100%; Trên địa bàn xã có 02 hệ thống cấp nước tập trung.. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là 83,3 lít nước/người/ngày đêm.

- Hiện nay, trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ 02 công trình cấp nước tập trung là Hệ thống cấp nước Mỹ Sơn (trên địa bàn thôn Nha Hồ 1,2, Núi Ngỗng, Lương Cang 1, Lương Cang 2), Nhà máy cấp nước Ninh Thuận (địa bàn thôn Đắc Nhơn 1,2,3, Lương Tri, Láng Ngựa).

- Hàng năm, xã tiến hành kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kết quả kiểm tra 100% các hộ sản, xuất kinh doanh được tập huấn về an toàn thực phẩm và chấp hành đúng quy định.

- Đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đảm bảo an toàn thực phẩm xã (*Quyết định số 19/QĐ-UBND, ngày 18/01/2021 về việc thành lập BCD đảm bảo an toàn thực phẩm xã Nhơn Sơn*). Hàng năm, ban hành các Quyết định thành lập các Đoàn kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã; xây dựng kế hoạch số 09/KH-UBND, ngày 13/01/2022 về đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán năm 2022; lập danh sách cho các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã tham gia tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm ngành công thương; các cơ sở sản xuất, kinh doanh đều có Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 1.373/1.373 cơ sở đạt 100% các hộ sản xuất kinh doanh được tập huấn về an toàn thực phẩm và chấp hành đúng quy định.

- Không có sự cố về ATTP xảy ra trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ cơ sở chế biến, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm là 01/01 cơ sở, đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: 3.316/3.316 hộ, đạt 100%. Tổng số hộ trên địa bàn xã là 3.939 hộ nhưng số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt 3.316 hộ là do trong một gia đình có nhiều hộ nhưng cùng sử dụng chung nhà tiêu, nhà tắm, một số hộ đi làm ăn xa không sử dụng (623 hộ).

- Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt: Không có.



b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

1.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng - An ninh: Gồm 02 chỉ tiêu.

a) Kết quả thực hiện:

- Hàng năm, UBND xã đã xây dựng kế hoạch về việc xây dựng lực lượng dân quân đảm bảo đủ số lượng và chất lượng, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đã tổ chức huấn luyện cho các đối tượng dân quân theo quy định, hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo tốt về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Tỷ lệ giao quân hàng năm đều đủ và vượt chỉ tiêu giao. Năm 2022, BCH quân sự xã được đánh giá, xếp loại Khá.

- Hiện nay, biên chế BCH Quân sự xã gồm 01 đồng chí Chỉ huy trưởng và 01 đồng chí Chỉ huy phó. Trong năm 2022 phát triển 02 đảng viên. Có 10 thôn đội trưởng trong đó có 10 thôn đội trưởng của 10 thôn là Đảng viên, đạt tỷ lệ 100%.

- Công tác xây dựng Nông thôn mới luôn được Đảng ủy, UBND, Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ xã quan tâm, chỉ đạo. Nhận thức của quần chúng nhân dân về vai trò, trách nhiệm trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, góp phần xây dựng nông thôn mới ngày càng được nâng cao.

- Hàng năm, Công an xã luôn chủ động tham mưu Đảng ủy, UBND xã xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT, tham mưu Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã tổ chức khảo sát, đánh giá đúng thực trạng nông thôn theo các yêu cầu của tiêu chí số 19.2 trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới của Quốc gia. Đến nay, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã luôn được giữ vững ổn định, không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người kéo dài.

- Nhìn chung, công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả rõ nét. Trong năm 2022, Về trật tự an toàn xã hội: Xảy ra 54 vụ cụ thể: Khai thác- vận chuyển khoáng sản trái phép 19 vụ/19 đối tượng, lập hồ sơ xử lý với tổng số tiền 9.300.000 đồng; Cờ bạc: 04 vụ/19 đối tượng, đã xử phạt với tổng số tiền là 25.000.000 đồng; Trộm cắp tài sản: 02 vụ/02 đối tượng; Đánh nhau: 05 vụ/09 đối tượng, ra quyết định xử phạt số tiền: 12.700.000 đồng; Ma Túy: Xảy 14 vụ/18 đối tượng, xử phạt hành chính: 11.250.000 đồng, cảnh cáo với 04 đối tượng; quản lý theo nghị định 120/CP 01 đối tượng; Cai nghiện bắt buộc 01 đối tượng; bàn giao Công an huyện Ninh Phước 02 đối tượng; Xử lý, vận động, thu hồi VK-VL-CCHT: 03 vụ/03 đối tượng, xử phạt với tổng số tiền 8.000.000 đồng; Môi trường: 01 vụ việc/01 đối tượng; xử phạt hành chính: 2.000.000 đồng; Kinh tế: 02 vụ việc/ 02 đối tượng vận chuyển hàng hóa không rõ nguồn gốc, xử phạt hành chính: 1.250.000 đồng; Hình sự: 01 vụ/07

đối tượng, lập hồ sơ chuyên cơ quan điều tra Công an huyện; Cháy nổ: 01 vụ, không có thiệt hại về người. Quảng cáo 01 vụ/01 đối tượng, Vận động ra đầu thú 01 vụ/01 đối tượng.

- Hiện nay, trên địa bàn xã có 2 mô hình camera an ninh được lắp đặt tại thôn Nha Hồ 2 và khu cầu Cầu sắt giáp ranh giữa thôn Lương Tri và Đắc Nhơn 2, phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Địa phương cũng đã xây dựng 07 mô hình an toàn về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông và PCCC tại các thôn, cụ thể: Mô hình Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy thôn Nha Hồ 1, Nha Hồ 2, Núi Ngõng, Lương Cang 1; Mô hình “Làng Chăm an toàn về an ninh trật tự và trật tự an toàn giao thông”; Mô hình “Trường học an toàn về ANTT-TTATGT và PCCC trường THPT Lê Duẩn” và “Trường học an toàn về ANTT-TTATGT và PCCC trường THCS Trần Quốc Toản”.

- Xã không phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an.

b) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí

Bảng 6: Kết quả thực hiện các tiêu chí NTM nâng cao trên địa bàn xã (theo Báo cáo số 210/BC-UBND ngày 10/11/2022 của UBND xã Nhơn Sơn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Có quy hoạch chung xây dựng xã còn <b>thời hạn</b> hoặc đã được phê duyệt điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.	- UBND huyện Ninh Sơn đã ban hành Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xã Nhơn Sơn. Xã đã triển khai thực hiện nhưng chưa được phê duyệt chính thức do quy hoạch tỉnh đang điều chỉnh. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt sẽ phê duyệt quy hoạch chung của xã để đảm bảo tính đồng bộ; đồng thời sẽ ban hành Quy định quản lý quy hoạch	<b>Đạt</b>
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.	Có Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định tại Mục 7 và Mục 8 Luật Xây dựng năm 2014		
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới đã được phê duyệt phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch của huyện, tỉnh. Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư được duyệt đảm bảo tuân thủ quy định tại Mục 2 Chương II của Thông tư số 02/2017/TT-BXD		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
			ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.	chung xây dựng xã.	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp và có các hạng mục cần thiết ( <i>biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...</i> ) theo quy định.	Tổng số tuyến đường xã được bảo trì thường xuyên và có các hạng mục cần thiết đạt tỷ lệ 100%; tổng số tuyến đường xã đã được bố trí đèn chiếu sáng đạt tỷ lệ $\geq 85\%$ , tổng số km đường xã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt tỷ lệ $\geq 75\%$ , phần còn lại được cứng hóa theo hình thức khác.	- 6/6 tuyến đường xã được bảo trì thường xuyên và có các hạng mục cần thiết ( <i>biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...</i> ) theo quy định, có bố trí đèn chiếu sáng đạt tỷ lệ 100%. - Toàn xã có 11,72 km đã được bê tông hóa hoặc nhựa hóa, đạt tỷ lệ 100%	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100% và có các hạng mục cần thiết theo quy định ( <i>biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...</i> ) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt $\geq 30\%$ .	Tổng số km đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%; tổng số tuyến đường thôn và đường liên thôn được bảo trì hàng năm và có các hạng mục cần thiết và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ $\geq 30\%$	Tỷ lệ cứng hóa đạt 100% ( <i>22,61 km/22,61 km</i> ); Tổng số đường thôn và đường liên thôn có các hạng mục cần thiết và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 55/57 tuyến, đạt tỷ lệ 96,5%	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp đạt chỉ tiêu quy định theo từng loại xã.	Tổng số km đường ngõ xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp đạt tỷ lệ $\geq 90\%$	Đường ngõ xóm có tổng chiều dài 18,9 km, trong đó đã được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là 18,25 km, đạt tỷ lệ 96,82%.	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.	Tổng số km đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt tỷ lệ $\geq 75\%$ , phần còn lại được cứng hóa theo hình thức khác	Tỷ lệ cứng hóa đạt 89,8%. ( <i>12,3 km/13,7 km</i> ), trong đó cứng hóa bằng hình thức bê tông là 12,3 km	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 90%.	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên.	Đất sản xuất nông nghiệp được tưới của xã là 2.109 ha/2.109 ha, đạt 100%. Đất sản xuất nông nghiệp và phi nông	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
				<p>nghiep được tiêu chủ động là 2.150 ha/2.150 ha, đạt 100%</p>	
		<p><b>3.2.</b> Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả và bền vững.</p>	<p>- Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi ( Có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận; Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định)</p> <p>- Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt từ 70 điểm trở lên.</p>	<p>- Trên địa bàn xã có 01 Tổ dùng nước PIM đã được kiện toàn theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND xã gồm 07 thành viên và các thành viên đều sử dụng dịch vụ thủy lợi của tổ.</p> <p>Có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt 90 điểm</p>	
		<p><b>3.3.</b> Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.</p>	<p>Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt <math>\geq 30\%</math></p>	<p>Diện tích cây trồng chủ lực của xã (lúa, nho, táo) bình quân là 645 ha, trong đó có diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 645ha/645 ha, đạt 100%</p>	
		<p><b>3.4.</b> Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.</p>	<p>100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng của xã được bảo trì hàng năm</p>	<p>100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng của xã được bảo trì hàng năm (có lập kế hoạch bảo trì và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100%)</p>	
		<p><b>3.5.</b> Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xã vào công trình thủy lợi.</p>	<p>Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xã vào công trình thủy lợi ( biểu mẫu số 3 Phụ lục I).</p>	<p>Các nguồn nước thải trên địa bàn xã được quản lý, kiểm soát chặt chẽ. Không có trường hợp nào vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi (theo biểu mẫu số 3 Phụ lục I kèm theo)</p>	<b>Đạt</b>
		<p><b>3.6.</b> Đảm bảo yêu cầu</p>	<p>Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng</p>	<p>- Kế hoạch phòng</p>	

Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm tại chỗ.	chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Cụ thể: - Đảm bảo tất cả các mục yêu cầu “có” tại cột yêu cầu phải đáp ứng “có”. - Kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm.	chống thiên tai giai đoạn 2021-2026 số 110/KH-UBND ngày 29/11/2022 và Phương án PCTT năm 2022 số 02 ngày 29/11/2022; QĐ kiện toàn BCH PCTT số 604/QĐ-UBND ngày 24/11/2022. - Kết quả đánh giá theo Phụ lục II đạt 100 điểm.	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt tỷ lệ theo qui định của Bộ tiêu chí đối với từng loại xã.	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên tổng số hộ dân trên địa bàn xã đạt $\geq 99\%$ (đối với xã ĐBKK tỷ lệ đạt $\geq 98\%$ ).	Có 3.939/3.939 hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn, đạt 100%	Đạt
5	Giáo dục	5.1. 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	100% các trường học trên địa bàn xã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	Có 5/6 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Mẫu giáo Nhơn Sơn, TH Nhơn Sơn A, TH Nhơn Sơn B, TH Nha Hồ và trường THCS Trần Quốc Toản), 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (Trường TH Nhơn Sơn)	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi do cấp thẩm quyền công nhận.	Đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3, PCGD THCS mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (Quyết định số 3022/QĐ-UBND, ngày 30/11/2022 của UBND huyện Ninh Sơn đạt chuẩn phổ cập Giáo dục – Xóa mù chữ năm 2022)	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3.	Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3 do cấp thẩm quyền công nhận.		
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2.	Đạt chuẩn xóa mù chữ đạt mức độ 2 do cấp thẩm quyền công nhận.		
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại.	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại đạt loại khá trở lên.	- Cộng đồng học tập được đánh giá, xếp loại Tốt (Báo cáo số	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
				689/BC-BCĐXDXXHT ngày 12/12/2022 của BCD xây dựng xã hội học tập huyện Ninh Sơn).	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền đáp ứng các yêu cầu: Có sân chơi, bãi tập, trang thiết bị các môn cơ bản (cầu lông, bóng da, áo phao, tạ, dây thừng,...), tham gia thể dục thể thao do ngành, địa phương tổ chức,...	Xã luôn phối hợp với các trường học xây dựng các mô hình giáo dục thể chất cho học sinh có sân chơi, bãi tập, trang thiết bị các môn cơ bản (bóng chuyền, bóng đá, cầu lông.....) và tham gia các Hội khỏe phù đồng, các hoạt động ngoại khóa của trường do ngành giáo dục và địa phương tổ chức.	<b>Đạt</b>
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.	<p>- Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời đối với các xã đồng bằng (50% đối với các xã miền núi).</p> <p>- Hoạt động văn hóa văn nghệ (Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị: Đồng bằng 12 cuộc/năm; miền núi tối thiểu 4 cuộc/ năm; Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng: Đồng bằng 4 cuộc/năm; miền núi tối thiểu 2 cuộc/năm; Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ: Đồng bằng 5 câu lạc bộ trở lên; miền núi 3 câu lạc bộ trở lên; Thư viện, phòng đọc sách, báo: Đồng bằng hoạt động tốt; miền núi có hoạt động; Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa: Đồng bằng tối thiểu 30% trở lên/tổng số dân; miền núi tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân).</p> <p>- Hoạt động thể dục thể thao (Thi đấu thể thao: Đồng bằng 6 cuộc/năm; miền núi 4 cuộc/năm; Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: Đồng bằng tối thiểu 25%/tổng số dân; miền núi tối thiểu</p>	Trên địa bàn xã có lắp đặt các dụng cụ TD, TT ngoài trời tại sân TT học tập cộng đồng của xã được người dân hưởng ứng và tham gia. Có 01 sân vận động tại thôn Đắc Nhơn 3 với diện tích 1,2 ha, phục vụ các hoạt động về TD, TT của địa phương. Có các loại hình hoạt động thể dục, thể thao như: CLB dưỡng sinh (thôn Nha Hố 1,2), thể dục aerobic (Đắc Nhơn 2,3), CLB bóng chuyền, bóng đá; Tại các trường có Thư viện thu hút học sinh đến nghiên cứu và đọc sách. Năm 2022, khánh thành 2 mô hình thư viện trường học thân thiện (TH Nhơn Sơn A, Nhơn Sơn B) - Ngoài ra, tại các thôn còn có các Đội văn nghệ	<b>Đạt</b>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
			20 %/tổng số dân) - Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em ( <i>Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: Đồng bằng Đạt 30% thời gian hoạt động; miền núi Đạt 20% thời gian hoạt động</i> ).	thường xuyên tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ vào các dịp Lễ trong năm hoặc các hoạt động lớn của xã gồm trẻ em, thanh niên và Nhân dân trên địa bàn xã cùng tham gia. - Hàng năm, xã có tổ chức các giải bóng đá phong trào, bóng chuyền, cầu lông thu hút lực lượng học sinh và Nhân dân trên địa bàn tham gia.	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	Di sản văn hóa trên địa bàn xã (nếu có) được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	- Trên địa bàn xã có khu di tích Đình Đắc Nhơn được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 01 - QĐ/BT ngày 04/1/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Trong năm 2022 đã đầu tư xây mới tường thành bảo vệ, nâng cấp một số công trình phụ, có giá trị trên 500 triệu đồng	<b>Đạt</b>
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới $\geq 40\%$	Thôn vừa đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định vừa đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 40\%$ .	Có 04 thôn/10 thôn (Nha Hố 1, Nha Hố 2, Đắc Nhơn 2, Đắc Nhơn 3) vừa đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định vừa đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 40%. ( <i>Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn</i> )	<b>Đạt</b>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
7	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>	Xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo tiêu chí xã nông thôn mới và đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định về chợ kinh doanh thực phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ phải đáp ứng tiêu chí/yêu cầu quy định tại TCVN 11856: 2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.</li> <li>- Siêu thị phải đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Chương 2 Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành quy chế siêu thị, trung tâm thương mại.</li> </ul>	Chợ Nhơn Sơn đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo tiêu chí xã NTM và đáp ứng quy định về chợ kinh doanh thực phẩm (Chợ được UBND tỉnh phê duyệt xây dựng mô hình chợ ATTP trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 31/5/2022).	<b>Đạt</b>
8	<b>Thông tin và truyền thông</b>	<b>8.1.</b> Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.	Điểm phục vụ bưu chính ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn nông thôn mới phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.	02 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng điều kiện của xã đạt chuẩn NTM và có phục vụ dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.	<b>Đạt</b>
		<b>8.2.</b> Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (theo độ tuổi lao động) đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động trên địa bàn xã có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 80% (đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu 50%).	- Số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (theo độ tuổi lao động) trên địa bàn xã là 6.869/7.512 người, đạt 87,45%.	<b>Đạt</b>
		<b>8.3.</b> Có dịch vụ báo chí truyền thông.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên;</li> <li>- 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet;</li> <li>- Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10/10 thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên</li> <li>- 02 điểm phục vụ bưu chính cũng là điểm cung cấp xuất bản phẩm trên địa bàn xã.</li> <li>- 100% hộ dân trên địa bàn xã xem được ít nhất là 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.</li> </ul>	
		<b>8.4.</b> Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%.</li> <li>- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 21/21 cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số, đạt 100 %</li> <li>- Có 5.536/7.512 người dân trong độ tuổi lao</li> </ul>	



Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		kết quả xây dựng NTM.	100% (đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu 80%). - Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 70% (đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu 50%). - 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử;	động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 73,7% - Các Sản phẩm OCOP của xã (nho táo Thái Thuận, nho Trí Hà) được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử.	
		<b>8.5.</b> Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).	Có các điểm công cộng có mạng wifi miễn phí gồm: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế, Trường học, nhà văn hóa thôn, các điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí cộng đồng, chợ.	- Hiện nay, địa phương đã phối hợp với đơn vị viễn thông lắp đặt Wifi miễn phí tại UBND xã và 10 điểm tại Nhà văn hóa - thể thao của 10 thôn.	<b>Đạt</b>
<b>9</b>	<b>Nhà ở dân cư</b>	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 95\%$ .	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 95\%$ .	Có 3.282/3.316 hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng, chiếm tỷ lệ 98,97%	<b>Đạt</b>
<b>10</b>	<b>Thu nhập</b>	TNBQ đầu người	TNBQ đầu người $\geq 52$ triệu đồng/người/năm	TNBQ đầu người $\geq 52,4$ triệu đồng/người/năm.	<b>Đạt</b>
<b>11</b>	<b>Nghèo đa chiều</b>	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Tổng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 của xã $< 3\%$	Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 2,65% (trong tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 2,45% và tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 0,2%) theo Quyết định số 3327/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn.	<b>Đạt</b>
<b>12</b>	<b>Lao động</b>	<b>12.1.</b> Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt $\geq 80\%$	Số lao động qua đào tạo 6.288/7.512 đạt 83,7%.	<b>Đạt</b>
		<b>12.2.</b> Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của xã đạt $\geq 30\%$	Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 4.687/7.512 đạt 62,4%	
		<b>12.3.</b> Tỷ lệ lao động	Tỷ lệ lao động làm việc trong các	- Tỷ lệ lao động làm	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn xã đạt $\geq 63\%$	việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực là 95% (nông, lâm, thủy sản 38,2%, công nghiệp - xây dựng 28,7%, dịch vụ 28,4%) đảm bảo chỉ tiêu quy định.	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1 Xã có ít nhất 01 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	- Có ít nhất 01 HTX hoạt động hiệu quả ( Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành; Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên HTX; Được đánh giá, xếp loại đạt loại khá trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Có quy mô thành viên đủ lớn). - Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong 3 năm liền trước năm xét công nhận.	- Hợp tác xã sản xuất chế biến nho, táo Nhơn Sơn hoạt động hiệu quả (theo kết quả thẩm định đánh giá ở tiêu chí xã NTM) và có hợp đồng liên kết sản xuất với Công ty TNHH sản xuất và thương mại nông sản Thái Thuận, tiêu thụ hàng năm trên 30% sản lượng nho, táo của HTX	<b>Đạt</b>
		13.2. Xã có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.	- Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên còn thời hạn theo quyết định của UBND tỉnh <b>hoặc</b> có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của xã đáp ứng các điều kiện sau: Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định; Có thương hiệu sản phẩm (được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý); Có bao bì, nhãn mác theo quy định; Có kênh phân phối ổn định và hiệu quả (tỷ trọng sản phẩm chủ lực được tiêu thụ qua kênh phân phối $\geq 50\%/năm$ ) trong ít nhất 02 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã NTM nâng cao.	- Có 11 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao (10 sản phẩm nho táo Thái Thuận và 01 sản phẩm Nho Trí Hà ) còn thời hạn	<b>Đạt</b>
		13.3. Xã có ít nhất 01 mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ	- Có mô hình kinh tế ứng dụng CNC đáp ứng một trong các điều kiện sau: Có Khu nông nghiệp CNC được cơ quan NN có thẩm quyền thành lập hoặc phê duyệt; Có	- Có 02 mô hình ứng dụng công nghệ cao: Sản xuất nho an toàn Công nghệ cao nhà màng theo Quyết định	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo ATTP	<p>Doanh nghiệp NN được cấp Giấy chứng nhận DN CNC; Mô hình kinh tế có quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương và đầu tư sản xuất để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường</p> <p><b>Hoặc</b></p> <p>Có mô hình NN áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu đáp ứng các điều kiện: có quy mô phù hợp đặc điểm phát triển kinh tế của địa phương (<i>căn cứ vào từng loại hình sản xuất cây trồng, vật nuôi có các khâu cơ giới hóa khác nhau</i>); được đánh giá là đạt khi điểm trung bình các khâu <math>\geq 65</math> điểm <b>Hoặc</b></p> <p>Có liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo đảm ATTP đáp ứng các điều kiện sau: Có mô hình LKSX và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên HĐ liên kết ổn định và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết; SP mô hình liên kết được cấp giấy chứng nhận đảm bảo ATTP hoặc tương đương còn hiệu lực.</p>	số 2425/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND huyện; mô hình táo công nghệ cao kết hợp phun xịt tự động theo Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND huyện; phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế của xã; tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường	
		<b>13.4.</b> Xã có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.	Có ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	- Sản phẩm Nho Trí Hà của hộ kinh doanh Nguyễn Đình Trí được chứng nhận OCOP 3 sao đã thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.	<b>Đạt</b>
		<b>13.5</b> Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử $\geq 50\%$ .	Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử đạt $\geq 50\%$	Có 2/3 sản phẩm Nho, táo Thái Thuận và Nho Trí Hà được bán trên kênh thương mại điện tử đạt 66,67%.	
		<b>13.6</b> Xã có vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp	Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	- Vùng trồng Mãng tây xuất khẩu: EX-NTOR 0003MANGTAY.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		mã vùng			
		<b>13.7</b> Xã có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	- Hiện nay, xã chưa có điểm du lịch.	
		<b>13.8</b> Xã có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)	Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo tối thiểu 02 tiêu chí trong các tiêu chí sau: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; giữ gìn bản sắc văn hóa; không gây ô nhiễm môi trường.	- Mô hình trồng nho hồng nhật ứng dụng CNC trong nhà màn của hộ ông Nguyễn Đình Trí không gây ô nhiễm môi trường, hạn chế sâu bệnh; tạo giá trị gia tăng cho SP mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với mô hình trồng nho ngoài trời theo phương pháp truyền thống	
14	Y tế	<b>14.1.</b> Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 95\%$ .	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 95\%$ .	- Số người dân tham gia BHYT là 11.508/12.127 người đạt 95%.	<b>Đạt</b>
		<b>14.2.</b> Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 90\%$ .	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt $\geq 95\%$ .	- Số người dân được quản lý sức khỏe là 11.214/12.127 đạt tỷ lệ 92,5%.	
		<b>14.3.</b> Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 40\%$ .	Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt $\geq 40\%$ .	- Số người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa là 5.017/12.127 người đạt 41,3%.	
		<b>14.4.</b> Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 70\%$ .	Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 70\%$	Số dân cư có sổ khám chữa bệnh điện tử là 8.870/12.127 đạt 73,14%	
15	Hành chính công	<b>15.1.</b> Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng các yêu cầu sau: - Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ và hạ tầng CNTT để thực hiện giải quyết giải quyết TTHC thông qua hệ thống một cửa điện tử của tỉnh. - 100% dịch vụ công trực tuyến triển khai mức độ 4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến.	- Hệ thống mạng nội bộ và hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC thông qua hệ thống một cửa điện tử . -100% dịch vụ công trực tuyến triển khai mức độ 4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến. - 100% hồ sơ công việc	<b>Đạt</b>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
			- 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng ( <i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i> ).	cấp xã được xử lý trên môi trường mạng ( <i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i> ).	
		<b>15.2.</b> Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	- Đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến triển khai mức độ 3,4 và thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến	
		<b>15.3.</b> Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.	Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp ( <i>Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết; 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định; Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ; Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên.; Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt)</i>	- Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của xã. - Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo quy định. UBND xã thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thủ tục hành chính được giải quyết thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã. Tất cả các hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hẹn, không có hồ sơ trễ hẹn. - Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ được xếp loại tốt; đảm bảo mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp	<b>Đạt</b>
<b>16</b>	<b>Tiếp cận Pháp luật</b>	<b>16.1.</b> Có ít nhất 01 mô hình điển hình về	Có ít nhất 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa	- Xã có 01 mô hình điển hình về tuyên	<b>Đạt</b>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.	truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và công tác hòa giải cơ sở thôn Lương Tri ( <i>Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Nhơn Sơn</i> ), duy trì 10 Tổ hòa giải ở cơ sở tương ứng với 10 thôn, các mô hình hoạt động hiệu quả. Phát huy được vai trò của mô hình trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật người dân hiểu và biết về pháp luật, công tác hòa giải, giúp chính quyền địa phương giải quyết đáng kể các trường hợp xảy ra tại cơ sở.	
		<b>16.2.</b> Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp,vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt $\geq 90\%$ .	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp,vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt $\geq 90\%$ .	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp trong phạm vi hòa giải được hòa giải thành 27/30 vụ, đạt 90%.	
		<b>16.3.</b> Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý đạt $\geq 90\%$ .	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý đạt $\geq 90\%$ .	- Công tác trợ giúp pháp lý cho người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được quan tâm đạt 100%, với 509 người dân có nhu cầu trợ giúp pháp lý trong năm 2022.	
17	Môi trường	<b>17.1.</b> Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ ( <i>gia súc, gia cầm</i> ), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	Các khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ ( <i>gia súc, gia cầm</i> ), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu sau: - Có HT thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình BVMT khác, cụ thể: - Có HT thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung. - Thực hiện quan trắc môi trường	Có 01 cơ sở sản xuất - kinh doanh nuôi trồng thủy sản tại thôn Nha Hồ 1 có hạ tầng kỹ thuật đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Có hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải,; có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải	<b>Đạt</b>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
			theo quy định. - Có công trình BVMT theo quy định, bao gồm: Công trình xử lý chất thải là công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, CTR và CTNH; Công trình thu gom, lưu giữ CTR là công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ CTR thông thường, CTR nguy hại để đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển CTR đến địa điểm xử lý hoặc tái sử dụng, tái chế; Công trình BVMT khác.		
		<b>17.2.</b> Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn xã đạt $\geq 100\%$ .	- Xã có 01 cơ sở SX-KD nuôi trồng thủy sản, bảo đảm quy định về môi trường đạt 100%.	
		<b>17.3.</b> Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt $\geq 85\%$ .	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định là $5.061 \text{ m}^3/5.328 \text{ m}^3$ đạt 95%. (bao gồm cả tỷ lệ thu gom trong dân và của Công ty Nam Thành), đảm bảo không vớt rác bừa bãi ra môi trường.	
		<b>17.4.</b> Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt $\geq 40\%$	- Số hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp là 3.312/3.939 hộ, đạt 84,08%.	
		<b>17.5.</b> Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt $\geq 50\%$ .	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn xã đạt $\geq 50\%$ .	Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn đạt 51.3% (2.021/3.939 hộ)	<b>Đạt</b>
		<b>17.6.</b> Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu sau về bảo vệ môi	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.	Xã có 36 bộ rác được bố trí tại các khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để người dân tự gom các bao gói thuộc BVTV sau sử dụng để	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		trường đạt 100%.		thu gom và xử lý, đạt 100%, (512m <sup>3</sup> /512m <sup>3</sup> ). CTR y tế được thu gom, xử lý theo quy định của ngành Y tế, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt tỷ lệ 100%.	
		<b>17.7.</b> Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt $\geq 80\%$ .	Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt $\geq 80\%$ .	- Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường là 1.005m <sup>3</sup> /1.005 m <sup>3</sup> đạt 100%.	
		<b>17.8.</b> Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt $\geq 90\%$	Số hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 270/274 hộ đạt 98,5%	
		<b>17.9.</b> Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.	Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định pháp luật và theo quy hoạch	- Xã có 04 nghĩa trang (thôn Lương Tri, Núi Ngõng, Đắc Nhơn và Nha Hố). Có Ban quản lý Nghĩa trang được thành lập, hoạt động của Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật. Mai táng được thực hiện phù hợp với quy định.	<b>Đạt</b>
		<b>17.10.</b> Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt $\geq 5\%$ .	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt $\geq 5\%$	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng 6/118 người chết đạt 5,08%	
		<b>17.11.</b> Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 4m <sup>2</sup> /người.	Chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$ .	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 4,88 m <sup>2</sup> /người (tổng diện tích khu công cộng là 77.823,5 m <sup>2</sup> /15.923 nhân khẩu)	
		<b>17.12.</b> Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng,	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng,	Rác thải nhựa như vỏ hộp nhựa, chai nhựa...	<b>Đạt</b>



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt chỉ tiêu đối với từng loại xã.	tái chế, xử lý theo quy định đạt $\geq 70\%$ (đối với xã ĐBKK đạt $\geq 50\%$ ).	phát sinh từ các hộ gia đình, đều được tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở thu mua tái chế phế liệu đạt tỷ lệ 100% (1.628/1.628 m <sup>3</sup> chất thải nhựa phát sinh)	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt $\geq 50\%$	100% hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (3.939/3.939 hộ)	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ ngày đêm đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Số lượng nước cấp sinh hoạt (tính bằng lít) đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt $\geq 60$ lít/ người	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là 83,3 lít nước/người/ngày đêm.	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững khi đáp ứng yêu cầu $\geq 30\%$ (đối với xã ĐBKK là $\geq 25\%$ ).	Trên địa bàn xã không có công trình cấp nước tập trung. Người dân sử dụng nước sạch từ 02 công trình cấp nước tập trung là Hệ thống cấp nước Mỹ Sơn (xã Mỹ Sơn) và Nhà máy cấp nước Ninh Thuận (phường Đô Vinh). Không đánh giá nội dung này.	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%	Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%	1.373/1.373 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã ký cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tỷ lệ 100%	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không có sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở chế biến, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	Tỷ lệ cơ sở chế biến, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về ATTP đạt $\geq 80\%$ .	- Tỷ lệ cơ sở chế biến, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm là	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.		01/01 cơ sở, đạt 100%.	
		<b>18.7.</b> Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt chỉ tiêu theo quy định đối với từng loại xã.	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt $\geq 95\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 97% (3.821/3.939 hộ)	
		<b>1.8.</b> Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%.	100% bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã đảm bảo vệ sinh môi trường	- Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt: Không có.	
19	Quốc phòng và an ninh	<b>19.1.</b> Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.	Bảo đảm tổ chức, biên chế theo đúng quy định, cấp ủy hoạt động hiệu quả, tổ chức giáo dục quốc phòng an ninh theo đúng kế hoạch; cán bộ, chiến sỹ chấp hành nghiêm pháp luật, kỷ luật và phải đạt: - Biên chế Ban Chỉ huy quân sự xã có 01 Chỉ huy trưởng và 01 – 02 Phó Chỉ huy trưởng. - 100% Chi bộ Quân sự có cấp ủy. - Phát triển 02 – 03 Đảng viên trong dân quân/năm. - Tối thiểu 80% thôn đội trưởng là Đảng viên.	- Hiện nay, BCH Quân sự xã có 1 Chỉ huy trưởng và 01 chỉ huy phó; Chi bộ có cấp ủy. Trong năm 2022 phát triển 02 đảng viên. Có 10/10 thôn đội trưởng là Đảng viên. - Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022 của UBND xã về công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2022; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 17/02/2022 về huấn luyện LLDQ. - Xây dựng và triển khai Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 17/02/2022 về huấn luyện LLDQ. - Hàng năm thực hiện việc tuyển quân, xã có tỷ lệ giao quân hàng năm đều đủ và vượt chỉ tiêu giao.	<b>Đạt</b>
		<b>19.2.</b> Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây	- Đảng ủy xã có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo	- Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết 57-NQ/ĐU ngày 01/02/2022 về tăng cường sự lãnh đạo	<b>Đạt</b>

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
		<p>tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.</p>	<p>đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/201 của Bộ Công an.</li> <li>- Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật: Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.</li> <li>- Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng).</li> <li>- Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự .</li> <li>- Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên, không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn</li> </ul>	<p>của Đảng đối với công tác PC, CC và cứu hộ cứu nạn năm 2022; Nghị quyết 55-NQ/ĐU ngày 25/01/2022 về Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2022.</p> <p>UBND xã ban hành Kế hoạch số 18//KH-UBND ngày 17/02/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không xảy ra các hoạt động theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an.</li> <li>- Không có khiếu kiện đông người kéo dài.</li> <li>- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng,</li> <li>- Có 07 mô hình an toàn về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông và PCCC tại các thôn, cụ thể: Mô hình Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy thôn Nha Hố 1, Nha Hố 2, Núi Ngõng, Lương Cang 1; Mô hình “Làng Chăm an toàn về an ninh trật tự</li> </ul>	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện của xã	Kết quả tự đánh giá của xã
			<p>thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật.</p> <p>- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (<i>giao thông, cháy, nổ</i>) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (<i>trừ trường hợp bất khả kháng</i>).</p> <p>- Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.</p>	<p>và trật tự an toàn giao thông”; Mô hình “Trường học an toàn về ANTT-TTATGT và PCCC trường THPT Lê Duẩn” và “Trường học an toàn về ANTT-TTATGT và PCCC trường THCS Trần Quốc Toàn”.</p> <p>- Không thuộc danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự</p> <p>- Tập thể công xã đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” năm 2022.</p>	

## **PHẦN 2: TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN**

### **I. Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn quy hoạch**

#### **I.1. Dự báo quy mô dân số**

##### **a) Cơ sở dự báo:**

Cơ sở dự báo dân số của đồ án dựa trên các tiêu chí sau:

- *Dựa trên định hướng phát triển kinh tế - xã hội:*

+ Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Nhơn Sơn trong tổng thể kinh tế - xã hội huyện Ninh Sơn đến năm 2030.

+ Động lực phát triển đô thị, phát triển dân số từ định hướng mở rộng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Dựa trên tỷ lệ gia tăng dân số hàng năm:* bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học do sự dịch chuyển lao động từ ngoại tỉnh và nội tỉnh đến làm việc ở các ngành dịch vụ thương mại trên địa bàn xã.

##### **b) Phương pháp luận dự báo dân số:**

*Công thức tính dự báo dân số theo tỷ lệ tăng dân số:*

$$A_n = A_0 \times (1+B)^{(n-n_0)}$$

$A_n$  : Dân số tại năm n

$A_0$  : Dân số hiện trạng

B : Tỷ lệ gia tăng dân số (tính đến năm n)

n : năm hiện trạng

$n_0$  : năm quy hoạch

- Dân số hiện trạng xã Nhơn Sơn năm 2023 là 15.923 người với tổng số hộ là 4.119 hộ và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện trạng là 0,70%.

- Dự báo tỷ lệ tăng tự nhiên và cơ học giai đoạn 2023 - 2030 trung bình 1,2%/năm.

- Dự báo tỷ lệ tăng tự nhiên và cơ học giai đoạn 2030 - 2035 trung bình 1,0%/năm.

Kết quả dự báo quy mô dân số/ số hộ qua các giai đoạn 5 năm, 10 năm như sau:

+ Dân số dự báo đến năm 2025: 16.503 người/ 4.264 hộ

+ Dân số dự báo đến năm 2030 : 17.517 người/4.518 hộ.

+ Dân số dự báo đến năm 2035 : 18.411 người/4.741 hộ.

**Bảng 7: Dự báo dân số đến năm 2035 xã Nhơn Sơn**

Stt	Tên thôn	Hiện trạng năm 2023		Định hướng đến năm 2025		Định hướng đến năm 2030		Định hướng đến năm 2035	
		Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ
1	Thôn Nha Hố 1	1.725	356	1.788	372	1.898	399	1.995	423
2	Thôn Nha Hố 2	1.263	367	1.309	379	1.389	399	1.460	416
3	Thôn Lương Cang 1	1.916	473	1.986	490	2.108	521	2.215	548
4	Thôn Lương Cang 2	1.711	480	1.773	496	1.882	523	1.978	547
5	Thôn Núi Ngõng	898	245	931	253	988	267	1.038	280
6	Thôn Đắc Nhơn 1	1.326	387	1.374	399	1.459	420	1.533	439
7	Thôn Đắc Nhơn 2	1.368	438	1.418	450	1.505	472	1.582	491
8	Thôn Đắc Nhơn 3	1.467	368	1.520	381	1.614	405	1.696	425
9	Thôn Láng Ngựa	499	140	517	145	549	152	577	159
10	Thôn Lương Tri	3.750	865	3.887	899	4.125	959	4.336	1.011
	<b>Tổng</b>	<b>15.923</b>	<b>4.119</b>	<b>16.503</b>	<b>4.264</b>	<b>17.517</b>	<b>4.518</b>	<b>18.411</b>	<b>4.741</b>

## I.2. Dự báo lao động

- Nguồn lao động trong độ tuổi năm 2023 trên địa bàn xã là 7.512 lao động, chiếm 47,18% dân số; Số lao động làm việc trong các ngành nghề kinh tế chủ lực là 7.136 lao động đạt tỷ lệ 95% số lao động trong độ tuổi. Dự báo lao động của xã đến năm 2035 như sau:

**Bảng 8: Dự báo lao động xã đến năm 2035**

	Hạng mục	Hiện trạng năm 2023	Dự báo		
			Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035
<b>I</b>	<b>Tổng dân số toàn xã (người)</b>	<b>15.923</b>	<b>16.503</b>	<b>17.517</b>	<b>18.411</b>
<b>II</b>	<b>Dân số trong tuổi lao động (người)</b>	<b>7.512</b>	<b>8.334</b>	<b>9.652</b>	<b>11.212</b>
	<i>- Tỷ lệ so với tổng dân số (%)</i>	47,18	50,50	55,10	60,90
<b>III</b>	<b>Tổng số lao động có việc làm thường xuyên trong các ngành kinh tế (người)</b>	7.136	7.917	9.169	10.651
	<i>- Tỷ lệ số lao động trong độ tuổi (%)</i>	95,0	95,00	95,00	95,00
1	Lao động qua đào tạo (người)	6.386	7.459	8.735	10.270
	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)</i>	85,01	89,5	90,5	91,6
2	Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (người)	4.507	5.250	6.274	7.848
	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)</i>	60,0	63,00	65,00	70,00

## **II. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo**

### **II.1. Tính chất, chức năng**

- Là xã nông thôn mới, thuộc vùng kinh tế động lực, là một trong những xã trọng điểm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Đông Nam của huyện, phân vùng phát triển kinh tế huyện Ninh Sơn, bổ sung một số chức năng của huyện Ninh Sơn như “Nông- lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năng lượng, thương mại và dịch vụ”.

- Là xã đồng bằng có diện tích và điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển nông nghiệp, gắn với phát triển thương mại, dịch vụ thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp và là vùng phụ cận của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

### **II.2. Dự báo loại hình kinh tế chủ đạo**

- Kinh tế chủ đạo của xã là phát triển nông nghiệp, trong giai đoạn tới sẽ chuyển dịch mạnh mẽ sang phát triển thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng. Nông nghiệp phát triển mạnh theo hướng tập trung quy mô lớn, hình thành các vùng chuyên canh: lúa chất lượng cao, vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản,... trên cơ sở áp dụng theo hướng nông nghiệp công nghệ cao đáp ứng tốt cho thị trường quanh khu vực. Khai thác tiềm năng lợi thế đất đai, giao thông, lao động, bố trí quỹ đất, thu hút đầu tư để xây dựng phát triển các khu tiểu thủ công nghiệp nhẹ như may mặc, giày da, ...

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, quan tâm xây dựng phát triển kinh tế cùng với bảo vệ giữ gìn văn hóa.

### **II.3. Sản phẩm chủ đạo**

Trên cơ sở phân tích thế mạnh, tiềm năng phát triển của xã Nhơn Sơn, xã có 3 sản phẩm nông nghiệp chủ lực: nho, táo, lúa. Có 2/3 sản phẩm Nho, táo Thái Thuận và Nho Trí Hà được bán trên kênh thương mại điện tử đạt 66,67%.

### **II.4. Khả năng thị trường**

- Thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ đạo của xã: đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã, các xã lân cận, các điểm thu mua chế biến nông sản. Ngoài ra sẽ phát triển ra toàn huyện, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các huyện trong tỉnh.

- Đối với các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn xã phải chuyển hướng sang chế biến sâu để tích trữ được lâu hơn, chờ thời cơ theo thị trường và khả năng tiếp cận thị trường tiêu thụ rộng hơn.

- Sản phẩm sản xuất phải sản xuất theo hướng sạch, đảm bảo về chất lượng và số lượng, đảm bảo đầy đủ các chứng nhận theo quy định. Nhằm đáp

ứng nhu cầu của tiêu thụ thị trường trong tỉnh, ngoài tỉnh.

### **III. Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất**

- Xã Nhơn Sơn có hệ thống đường Quốc lộ 27 đi qua, các tuyến đường trục xã, đường trục thôn, đường liên thôn, xóm, đường đến các khu sản xuất...; được đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển của xã.

- Hiện nay, hệ thống điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất cơ bản đáp ứng nhu cầu, các tuyến trung áp chính và trạm biến áp đã được đầu tư hầu khắp đến các thôn là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội.

- Cùng với các chính sách đầu tư phát triển, xã cần khai thác triệt để tiềm năng hiện có. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các hộ gia đình đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, đầu tư và phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ; từng bước giảm tỷ trọng ngành sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành sản xuất phi nông nghiệp nhằm gia tăng nhanh giá trị sản xuất, trở thành nguồn thu kinh tế chính trên địa bàn.

- Quỹ đất để xây dựng phát triển khu dân cư tập trung của xã được dựa trên cơ sở hiện trạng diện tích nông nghiệp, diện tích đất phi nông nghiệp tăng lên từ việc quy hoạch chỉnh trang những khu vực đông dân cư sinh sống.

- Việc phát triển các điểm dân cư mới để đáp ứng nhu cầu dân sinh là thực tế khách quan không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, cần chú trọng việc bố trí theo hướng tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, làm tiền đề cho quá trình đô thị hoá.

### **IV. Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ; quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình**

#### **IV.1. Quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ**

Căn cứ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Do xã Nhơn Sơn nằm trong khu vực định hướng phát triển mở rộng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm giai đoạn đến năm 2025 sẽ được đầu tư phát triển và đánh giá tiêu chí đô thị giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2050. Do đó đề xuất chỉ tiêu áp dụng đối với xã Nhơn Sơn: Chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật áp dụng chỉ tiêu đô thị loại II, nhằm đảm bảo sự kết nối đồng bộ, phù hợp định hướng phát triển đô thị thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình được tính toán cụ thể như sau:



**Bảng 9: Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại công trình**

STT	Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Diện tích yêu cầu (QCVN01:2021/BXD)
<b>Dân số (người)</b>			<b>18.411</b>
<b>I</b>	<b>Đất trụ sở cơ quan</b>	$\geq 1000 \text{ m}^2$	<b>0,1 ha</b>
<b>II</b>	<b>Đất giáo dục</b>		<b>3,74 ha</b>
1	Trường Mầm non	50 cháu/1000 người x 12m <sup>2</sup> /cháu	1,02 ha
2	Trường Tiểu học	65 học sinh/1000 người x 10m <sup>2</sup> /học sinh	1,10 ha
3	Trường THCS	55 học sinh/1000 người x 10m <sup>2</sup> /học sinh	0,93 ha
4	Trường THPT	40 học sinh/1000 người x 10m <sup>2</sup> /học sinh	0,68 ha
<b>III</b>	<b>Đất y tế</b>		
1	Trạm y tế xã	1 trạm x 500m <sup>2</sup> /trạm	0,05 ha
2	Trung tâm y tế	4 giường/ 1000 người	68 giường
		100 m <sup>2</sup> /giường	0,68 ha
<b>IV</b>	<b>Đất văn hóa TDTT</b>		
	Sân thể thao cơ bản	1,0 ha/công trình	1,0 ha
		0,6 m <sup>2</sup> /người	0,30 ha
	Sân vận động	2,5 ha/công trình	2,5 ha
		0,8 m <sup>2</sup> /người	0,4 ha
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	1 công trình x 500m <sup>2</sup> /công trình	0,5 ha
		0,8m <sup>2</sup> /người	0,4 ha
<b>V</b>	<b>Đất thương mại</b>		<b>0,23</b>
1	Chợ	1 chợ/xã	0,20
2	Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	0,03
<b>VI</b>	<b>Điểm phục vụ bưu chính viễn thông</b>		<b>0,015</b>
1	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	0,015

#### **IV.2. Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình**

Chỉ tiêu đất ở cho từng loại gia đình trên địa bàn xã áp dụng theo Quyết định 93/2014/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc quy định hạn mức đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

##### *a) Hộ sản xuất nông nghiệp*

- Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường. Khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải  $> 20$  m.

- Khu sản xuất phải bố trí gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở nhưng phải cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước...

- Các công trình phục vụ sản xuất như kho nông sản, kho giống lúa, ngô, kho phân hóa học và thuốc trừ sâu, kho nông cụ vật tư, xưởng sửa chữa cơ khí nông cụ,... phải bố trí liên hệ thuận tiện với đường giao thông nội đồng. Khoảng cách từ các kho phân hóa học đến khu ở không được  $< 100$  m.

- Đất ở cho các hộ sản xuất nông nghiệp, diện tích  $\leq 300\text{m}^2/\text{hộ}$ , gắn liền với đất ở hiện trạng.

##### *b) Hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ*

- Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình.

- Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mỗi giao thông.

- Đất ở cho các hộ phi nông nghiệp, diện tích  $\leq 250\text{m}^2/\text{hộ}$ .

### **PHẦN 3: ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ**

#### **I. Định hướng tổ chức hệ thống khu trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo chỉnh trang**

##### **I.1. Định hướng cơ cấu tổ chức không gian toàn xã**

Căn cứ quỹ đất hiện có của địa phương, kế thừa hiện trạng các công trình công cộng hiện có. Tổ chức không gian toàn xã phù hợp với mục đích sinh hoạt và sản xuất của địa phương.

Khai thác tuyến quốc lộ 27, dọc 02 bờ sông Dinh; làm 2 trục không gian chính, phát triển không gian xã dọc theo các tuyến đường này. Đồng thời khai thác đường huyện (ĐH32) và đường huyện (ĐH31), phát triển tuyến giao thông 702B; 705B kết nối quốc lộ 27 và tuyến cao tốc Bắc Nam. Trên cơ sở đó hình thành không gian các khu chức năng như sau:

- Không gian ở kết hợp phát triển thương mại dịch vụ tập trung dọc tuyến quốc lộ 27.

- Vùng mở rộng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, quy mô 92,54 ha (Định hướng phát triển đất dân dụng đơn vị ở).

- Vùng phát triển sản xuất nông nghiệp

- + Vùng phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung thuộc các xứ đồng Cà Sơn; xứ đồng đất làng, xứ đồng đất soi thôn Lương Cang; xứ đồng Láng Ngựa và cánh đồng Chà Vum.

- + Vùng phát triển nông nghiệp khác tập trung tại các khu vực: phía Bắc thôn Núi Ngõng (vùng 1); phía Tây thôn Lương Tri (vùng 2); phía Đông dọc chân núi Hòn Dài (vùng 3).

- + Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung dọc theo kênh Bắc.

- + Khu nông nghiệp công nghệ cao thuộc xứ đồng Cà Sơn.

- + Xưởng chế biến giống Trung tâm Nha Hồ; Trung tâm thực nghiệm sản xuất giống Nha Hồ; Viện nghiên cứu bông và phát triển nông thôn.

- Vùng phát triển tiêu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ:

- + Khu khai thác khoáng sản đá xây dựng, quy mô 6,58 ha; Khu chế biến đá xây dựng, quy mô 3,10 ha (thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 677).

- + Khu khai thác đá xây dựng thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng Ninh Thuận.

- + Khu khai thác đất làm vật liệu san lấp, quy mô 10,16 ha (thuộc Công ty TNHH Huy An).

- + Khu khai thác đá xây dựng Núi Ngõng, quy mô 9,15 ha.

- + Khu vật liệu san lấp, quy mô 22,66 ha.

+ Khu vực thăm dò khai thác đá xây dựng tại khu vực núi Tiêng 4, quy mô 4,3047 ha; Khu vực thăm dò khai thác đá xây dựng, quy mô 35,977 ha (thuộc Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận).

+ Khu vực xây dựng nhà máy chế biến đá, quy mô 2,72 ha.

+ Nhà máy chế biến đá xây dựng núi ngỗng, quy mô 1,14 ha (Công ty Cổ phần NCS)

+ Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn (quy mô 1,5 ha).

+ Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, quy mô 2,73 ha.

## **I.2. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã**

Khu trung tâm xã: giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, trung tâm xã tập trung tại thôn Đắc Nhơn 1, Đắc Nhơn 2 và Đắc Nhơn 3. Tổ chức không gian khu trung tâm xã Nhơn Sơn với các phân khu sau:

- Trung tâm xã: bao gồm khu vực tập trung các công trình công cộng cấp xã như: trụ sở UBND- HĐND xã, trường tiểu học, trường Trung học cơ sở, chợ, đài tưởng niệm, bưu điện, sân vận động, nằm trên trục đường chính quan trọng của xã là đường Quốc lộ 27.

- Khu dân cư hiện hữu chỉnh trang kết hợp sản xuất: Bao gồm khu ở hiện hữu chỉnh trang và khu sản xuất (nông nghiệp, phi nông nghiệp).

- Khu dân cư mở rộng kết hợp sản xuất: Bao gồm khu ở mở rộng và khu sản xuất (nông nghiệp, phi nông nghiệp).

- Công trình được bố trí thuận tiện với tuyến đường giao thông chính, khoảng cách đến các khu dân cư trong bán kính đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí của người dân trong khu vực.

## **I.3. Tổ chức không gian khu dân cư mới và khu dân cư cải tạo chỉnh trang**

- Các khu dân cư hiện hữu của xã Nhơn Sơn nằm trên địa bàn các thôn Nha Hố 1, 2; thôn Lương Cang 1, 2; thôn Núi Ngỗng; thôn Đắc Nhơn 1, 2, 3, thôn Láng Ngựa và thôn Lương Tri.

- Phát triển thêm các khu dân cư theo các đồ án quy hoạch đã duyệt và dự kiến gồm:

\* Các khu dân cư theo đồ án quy hoạch đã duyệt gồm:

+ Khu tái định cư phục vụ dự án đường cao tốc Bắc - Nam, quy mô 1,74 ha (thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu tái định cư phục vụ dự án đường cao tốc Bắc - Nam, đã phê duyệt).

+ Khu dân cư Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đắc Nhơn, quy mô 0,417 ha (thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đắc Nhơn, đã phê duyệt).

+ Điểm dân cư số 1 thôn Lương Cang, quy mô 3,57 ha (thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) điểm dân cư xã Nhơn Sơn điểm dân cư số 1 thôn Lương Cang, đã phê duyệt).

+ Điểm dân cư nông thôn, thôn Lương Tri, quy mô 2,0 ha (thuộc đồ án quy hoạch phân lô điểm dân cư nông thôn, thôn Lương Tri, đã phê duyệt).

+ Điểm dân cư số 2 thôn Lương Tri, quy mô 7,80 ha (thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) điểm dân cư xã Nhơn Sơn điểm dân cư số 2 thôn Lương Tri, đã phê duyệt).

+ Điểm dân cư số 3 thôn Lương Tri, quy mô 8,91 ha (thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) điểm dân cư xã Nhơn Sơn điểm dân cư số 3 thôn Lương Tri, đã phê duyệt).

\* Các khu dân cư dự kiến gồm:

+ Khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Sơn, quy mô 61,0 ha (thuộc danh mục dự kiến lập Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu trung tâm xã Nhơn Sơn, giai đoạn 2030).

+ Khu dân cư kết hợp dịch vụ hỗn hợp, quy mô 34,54 ha (thuộc danh mục dự kiến lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư kết hợp dịch vụ hỗn hợp xã Nhơn Sơn, giai đoạn 2030).

+ Điểm dân cư dự kiến Lương Cang 2, quy mô 5,61 ha (thuộc danh mục dự kiến lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) điểm dân cư xã Nhơn Sơn).

+ Mở rộng dân cư Nông Trang thôn Nha Hồ 1, quy mô 8,63 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Nha Hồ 2, quy mô 3,48 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Nha Hồ 2, quy mô 0,51 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Lương Cang 2, quy mô 4,74 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Lương Cang 1, quy mô 3,65 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Đắc Nhơn 1, quy mô 1,10 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Lương Tri, vị trí 1 quy mô 1,48 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Lương Tri, vị trí 2 quy mô 9,62 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Láng Ngựa, quy mô 2,45 ha (năm 2030).

+ Mở rộng dân cư thôn Nha Hồ 2, quy mô 0,79 ha (sau năm 2030).

- + Mở rộng dân cư thôn Đắc Nhơn 3, quy mô 1,48 ha (sau năm 2030).
- + Mở rộng dân cư thôn Lương Cang 1, quy mô 8,18 ha (sau năm 2030)
- + Mở rộng dân cư thôn Lương Cang 2, quy mô 1,13 ha (sau năm 2030)
- + Mở rộng dân cư thôn Lương Cang 2, quy mô 2,75 ha (sau năm 2030)
- + Mở rộng dân cư thôn Đắc Nhơn 1 và Lương Cang 1, quy mô 9,66 ha (sau năm 2030)
- + Mở rộng đất ở dân cư thôn Láng Ngựa vị trí 1, quy mô 1,12 ha (sau năm 2030)
- + Mở rộng đất ở dân cư thôn Láng Ngựa vị trí 2, quy mô 4,12 ha (sau năm 2030)
- + Mở rộng đất ở dân cư thôn Lương Tri vị trí 1, quy mô 2,21 ha (sau năm 2030)
- + Mở rộng đất ở dân cư thôn Lương Tri vị trí 2, quy mô 10,62 ha (sau năm 2030)

+ Mở rộng đất ở dân cư thôn Núi Ngõng, **quy mô 2,73 ha** (sau năm 2030)

Các điểm dân cư trong xã kết nối với nhau thông qua các tuyến đường trục xã, liên thôn hiện hữu và đường xây dựng mới, đảm bảo nhu cầu đi lại, hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân trong xã.

\* Tổ chức không gian khu dân cư mới và cải tạo: theo hướng chỉnh trang mở rộng các công trình công cộng hiện hữu. đồng thời, bổ sung các điểm công trình công cộng để đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ theo quy định.

\* Tổ chức không gian trung tâm: khu vực trung tâm xã được bố trí ngay tại vị trí tập trung các công trình công cộng cấp xã: trụ sở cơ quan, ủy ban nhân dân xã, trường học, bưu điện, trạm xá .... đáp ứng nhu cầu quản lý và ổn định khu vực. khu vực được bố trí thuận tiện với các tuyến đường giao thông chính, khoảng cách đến các khu dân cư không quá xa đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân trong khu vực.

#### **I.4. Quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và cải tạo**

##### *I.4.1. Khu dân cư khu vực trung tâm xã*

Khu dân cư khu vực trung tâm xã thuộc thôn Đắc Nhơn 1, Đắc Nhơn 2 và Đắc Nhơn 3, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu trung tâm xã Nhơn Sơn.

- Quy mô diện tích dự kiến: 61,0 ha

- Tính chất: là khu trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ

thuật, thương mại dịch vụ của xã Nhơn Sơn.

#### *1.4.2. Khu dân cư thôn Nha Hồ 1*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 1.788 người/372 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,47 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2030: 1.898 người/399 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,82 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2035: 1.995 người/423 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,73 ha;
- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *1.4.3. Khu dân cư thôn Nha Hồ 2*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 1.309 người/379 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,35 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2030: 1.389 người/399 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,60 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2035: 1.460 người/416 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,53 ha;
- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *1.4.4. Khu dân cư thôn Lương Cang 1*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 1.986 người/490 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,52 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2030: 2.108 người/521 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,92 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2035: 2.215 người/548 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,81 ha;
- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *1.4.5. Khu dân cư thôn Lương Cang 2*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 1.773 người/496 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,47 ha;
- Quy mô dân số đến năm 2030: 1.882 người/523 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,82 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2035: 1.978 người/547 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,72 ha;

- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *1.4.6. Khu dân cư thôn Núi Ngõng*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 931 người/253 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,25 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2030: 988 người/267 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,43 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2035: 1.038 người/280 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,38 ha;

- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *1.4.7. Khu dân cư thôn Đắc Nhơn 1*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 1.373 người/399 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,36 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2030: 1.459 người/420 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,63 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2035: 1.533 người/439 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,56 ha;

- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *1.4.8. Khu dân cư thôn Đắc Nhơn 2*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 1.418 người/450 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,37 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2030: 1.505 người/472 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,65 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2035: 1.582 người/491 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,58 ha;

- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *1.4.9. Khu dân cư thôn Đắc Nhơn 3*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 1.520 người/381 hộ; Nhu cầu đất ở tăng



thêm theo quy mô dân số: 0,40 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2030: 1.614 người/405 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,70 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2035: 1.696 người/425 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,62 ha;

- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *I.4.10. Khu dân cư thôn Láng Ngựa*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 517 người/145 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,14 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2030: 549 người/152 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,24 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2035: 577 người/159 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 0,21 ha;

- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

#### *I.4.11. Khu dân cư thôn Lương Tri*

- Quy mô dân số đến năm 2025: 3.887 người/899 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 1,02 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2030: 4.125 người/959 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 1,79 ha;

- Quy mô dân số đến năm 2035: 4.336 người/1.011 hộ; Nhu cầu đất ở tăng thêm theo quy mô dân số: 1,58 ha;

- Tính chất: khu dân cư nông thôn tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

\* Nhu cầu đất ở tăng thêm đến năm 2035 trên địa bàn xã 18,66 ha (giai đoạn 2023 - 2025 là 4,35 ha; giai đoạn 2025 - 2030 là 7,61 ha; giai đoạn 2030 - 2035 là 6,70 ha).

**Bảng 10: Dự báo nhu cầu đất ở xã Nhơn Sơn đến năm 2035**

Tên thôn	Hiện trạng năm 2023		Định hướng đến năm 2030				Định hướng đến năm 2035				Tổng nhu cầu mở rộng đất ở (ha)
	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số hộ tăng	Nhu cầu đất ở (ha)	Số người	Số hộ	Số hộ tăng	Nhu cầu đất ở (ha)	

Thôn Nha Hồ 1	1.725	356	1.898	399	27	0,82	1.995	423	24	0,73	2,02
Thôn Nha Hồ 2	1.263	367	1.389	399	20	0,60	1.460	416	18	0,53	1,48
Thôn Lương Cang 1	1.916	473	2.108	521	31	0,92	2.215	548	27	0,81	2,25
Thôn Lương Cang 2	1.711	480	1.882	523	27	0,82	1.978	547	24	0,72	2,01
Thôn Núi Ngõng	898	245	988	267	14	0,43	1.038	280	13	0,38	1,05
Thôn Đắc Nhơn 1	1.326	387	1.459	420	21	0,63	1.533	439	19	0,56	1,55
Thôn Đắc Nhơn 2	1.368	438	1.505	472	22	0,65	1.582	491	19	0,58	1,60
Thôn Đắc Nhơn 3	1.467	368	1.614	405	23	0,70	1.696	425	21	0,62	1,72
Thôn Láng Ngựa	499	140	549	152	8	0,24	577	159	7	0,21	0,58
Thôn Lương Tri	3.750	865	4.125	959	60	1,79	4.336	1.011	53	1,58	4,39
<b>Tổng</b>	<b>15.923</b>	<b>4.119</b>	<b>17.517</b>	<b>4.518</b>	<b>254</b>	<b>7,61</b>	<b>18.411</b>	<b>4.741</b>	<b>223</b>	<b>6,70</b>	<b>18,66</b>

Đồng thời mở rộng đất ở theo các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt và theo định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

## **II. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng**

### **II.1. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ**

Công trình công cộng trên địa bàn xã được tổ chức thành 02 cấp, bao gồm: cấp huyện, cấp xã và cấp thôn.

- Trung tâm công cộng cấp xã bao gồm các công trình: UBND xã, trường học, y tế, thương mại dịch vụ ... mới và cải tạo nằm ở điểm dân cư trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn.

- Trung tâm công cộng cấp thôn bao gồm các công trình: trụ sở thôn, sân thể dục thể thao, trường học... được bố trí ở các điểm dân cư để đảm bảo bán kính phục vụ cho các nhóm nhà ở nông thôn.

- Công trình công cộng phải được xây dựng kiên cố. Chỉ tiêu diện tích xây dựng căn cứ trên tiêu chuẩn tối thiểu, tăng tầng cao, giảm thiểu diện tích đắp nền, kiến trúc hiện đại, đường nét nhẹ nhàng, màu sắc hài hòa, phù hợp với không gian kiến trúc khu vực, xen kẽ trong các công trình là hệ thống cây xanh cảnh quan. Bố trí tiếp cận thuận tiện với đường giao thông, khoảng cách đến các điểm dân cư xã không quá xa.

### **II.2. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng**

Trong những năm qua, xã Nhơn Sơn đã phát triển tương đối đầy đủ các hạng mục công trình công cộng đáp ứng nhu cầu phát triển phục vụ cho nhu cầu cấp xã và thôn theo Quy hoạch nông thôn mới xã đã được phê duyệt cũng như việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, để đảm bảo cơ sở vật chất cho giai đoạn xã nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu, cần tiếp tục nâng cấp và xây mới các

công trình như sau:

**Bảng 11: thống kê định hướng CTCC, cơ quan, TMDV trên địa bàn xã**

TT	Hạng mục	Địa điểm	Diện tích đất sử dụng (ha)	Ghi chú	Phân kỳ giai đoạn
<b>I</b>	<b>Công trình hành chính, cơ quan</b>				
1	Trụ sở UBND xã Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 3	0,23	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
<b>II</b>	<b>Công trình Quốc phòng, An ninh</b>				
1	Trụ sở công an xã	Đắc Nhơn 3	0,20	Xây mới	(Giai đoạn 2021-2025)
2	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã	Đắc Nhơn 2	0,77	Xây mới (trên khu đất chợ cũ xã Nhơn Sơn)	(Giai đoạn 2026-2030)
<b>III</b>	<b>Công trình giáo dục</b>				
1	Trường Trung học phổ thông Lê Duẩn	Nha Hố 2	2,70	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
2	Trường THCS Trần Quốc Toản	Lương Cang 2	1,93	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
3	Trường Tiểu học Nhơn Sơn A	Lương Cang 1	0,92	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
4	Điểm trường Tiểu học Nhơn Sơn A	Núi Ngõng	0,06	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
5	Trường Tiểu học Nhơn Sơn B	Lương Tri	1,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
6	Trường Tiểu học Nha Hố	Nha Hố 1	0,46	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
7	Trường Tiểu học Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 2	0,30	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
8	Điểm Trường Tiểu học Nhơn Sơn	Láng Ngựa	0,10	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
9	Trường Mẫu giáo Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 2	0,06	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)

Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn.

10	Điểm Trường Mầm non Nhơn Sơn	Lương Tri	0,10	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
11	Trường Mầm non Sao Mai	Đắc Nhơn 3	0,20	Xây mới	(Giai đoạn 2021-2025)
12	Điểm Trường Mầm non Nhơn Sơn	Nha Hố 2	0,05	Xây mới	(Giai đoạn 2021-2025)
<b>IV</b>	<b>Công trình y tế</b>				
	Trạm y tế xã	Đắc Nhơn 3	0,13	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
<b>V</b>	<b>Văn hóa - thể dục thể thao</b>				
1	Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 1	Đắc Nhơn 1	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
2	Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 2	Đắc Nhơn 2	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
3	Nhà văn hóa thể thao thôn Đắc Nhơn 3	Đắc Nhơn 3	0,07	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
4	Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Tri	Lương Tri	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
5	Nhà văn hóa thể thao thôn Láng Ngựa	Láng Ngựa	0,08	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
6	Nhà văn hóa thể thao thôn Núi Ngỗng	Núi Ngỗng	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
7	Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Cang 1	Lương Cang 1	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
8	Nhà văn hóa thể thao thôn Lương Cang 2	Lương Cang 2	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
9	Nhà văn hóa thể thao thôn Nha Hố 1	Nha Hố 1	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
10	Nhà văn hóa thể thao thôn Nha Hố 2	Nha Hố 2	0,05	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
11	Trung tâm thể dục - thể thao xã	Đắc Nhơn 3	1,20	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
12	Sân bóng thôn Lương Tri	Lương Tri	2,90	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)

<b>VI</b>	<b>Thương mại dịch vụ</b>				
1	Khu Thu mua cung ứng nông sản	Lương Cang 2	1,50	Xây mới	(Giai đoạn 2021-2025)
2	Chợ Lương Cang	Lương Cang 2	0,34	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
3	Chợ thôn Nha Hồ	Nha Hồ 1	0,18	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
4	Chợ thôn Lương Tri	Lương Tri	0,18	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
5	Chợ Nhơn Sơn	Đắc Nhơn 3	0,52	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2026-2030)
6	Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển Kinh tế nông thôn	Lương Cang 2	2,73	Xây mới	Nâng cấp (Giai đoạn 2026-2030)
<b>VII</b>	<b>Bru chính viễn thông</b>				
1	Bru điện xã	Đắc Nhơn 3	0,02	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
2	Bru điện Nha Hồ	Nha Hồ 2	0,08	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
<b>VIII</b>	<b>Công trình tín ngưỡng</b>				
1	Đài tưởng niệm liệt sĩ xã	Đắc Nhơn 3	0,09	Giữ nguyên theo hiện trạng	Nâng cấp (Giai đoạn 2021-2025)
2	Đình làng Đắc Nhơn	Đắc Nhơn 2	0,13	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo theo nhu cầu sử dụng.	
3	Đình làng Lương Cang	Lương Cang 1	0,18		
<b>IX</b>	<b>Công trình tôn giáo</b>				
1	Chùa Thiên Lâm	Đắc Nhơn 1	0,74	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo theo nhu cầu sử dụng.	
2	Thánh Đường Bà Ni	Lương Tri	0,03		
3	Chùa Phước Long	Lương Cang 1.	0,85		

### **III. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn, cũ**

#### **III.1. Khu dân cư mới**

- Không gian các khu ở mới bao gồm không gian xây dựng nhà ở kết hợp dịch vụ; không gian công cộng như nhà văn hóa xóm, sân thể thao thôn, cây xanh sân chơi vườn hoa; không gian hạ tầng kỹ thuật. Tầng cao tối đa đối với công trình nhà ở tại các điểm dân cư này là  $\leq 3$  tầng, mật độ xây dựng gộp 60% diện tích đất tối thiểu cho 1 hộ là 300m<sup>2</sup>. Hình thức kiến trúc đối với nhà ở sử

dụng mái dốc hoặc mái bằng, kết cấu sử dụng BTCT, tường ngăn xây gạch. Chỉ tiêu sử dụng đất cho khu ở mới theo bảng 2.31 QCVN 01/2021 được quy định như sau.

**Bảng 12: Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn**

STT	Loại đất	Chỉ tiêu/Quy mô	Đơn vị
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	$\geq 28$	m <sup>2</sup> /người
		$\leq 300$	m <sup>2</sup> /hộ
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	$\geq 3,0$	m <sup>2</sup> /người
3	Đất cho giao thông và HTKT	$\geq 5,0$	m <sup>2</sup> /người
4	Đất cây xanh công cộng	$\geq 6,0$	m <sup>2</sup> /người

*Chú thích : Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện*

### III.2. Khu dân cư cải tạo

- Ưu tiên các giải pháp chỉnh trang về hình thức kiến trúc, định hướng quản lý kiến trúc tạo sự đồng bộ hai bên đường về khoảng lùi đảm bảo theo khoảng lùi được quy định tại đồ án này, tầng cao  $\leq 2$  tầng.

- Khuyến khích xây dựng tường rào thoáng, tường rào bằng cây xanh.
- Các hộ gia đình xây dựng nhà ở phải có nhà vệ sinh tự hoại.
- Khi tiến hành cải tạo, sửa chữa khuyến khích tạo sự đồng bộ về mặt kiến trúc cho khu vực, tránh coi nói tự ý làm mất mỹ quan chung.

### IV. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất phục vụ sản xuất nông nghiệp.

#### IV.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

Để giữ vững và nâng mức đạt tối đa các tiêu chí xây dựng NTM nâng cao đã đạt được, nhằm tiếp tục duy trì và phát triển các tiêu chí NTM kiểu mẫu, Đảng uỷ - Chính quyền - Mặt trận các đoàn thể chính trị xã hội đã có nhiều giải pháp phát huy tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển kinh tế phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, trên cơ sở ứng dụng rộng rãi công nghệ cao để phát triển nền nông nghiệp thông minh, thích ứng cao với biến đổi khí hậu. Hình thành các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực, có tính đặc thù địa phương với vai trò đầu tàu là các doanh nghiệp lớn liên kết với các tổ chức hợp tác của nông dân.

- *Trồng trọt:* Chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng của cây ăn quả, cây công nghiệp và cây rau, đậu. Nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng thương hiệu, gắn kết với tiêu thụ và từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu. Sản xuất nông nghiệp theo

hướng ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn và mô hình sản xuất có hiệu quả.

- *Chăn nuôi*: Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi bò, dê, cừu; ổn định đàn lợn và gia cầm theo hướng nâng cao chất lượng, áp dụng giống mới năng suất cao. Từng bước chuyển từ chăn nuôi quảng canh sang chăn nuôi tập trung. Tổ chức chăn nuôi khép kín các khâu trong chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Chú trọng hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị; tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện, gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế. Đẩy mạnh chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng đem lại hiệu quả cao hơn.

Tiếp tục triển khai, nhân rộng các sản phẩm theo chương trình OCOP và các sản phẩm đặc thù đem lại hiệu quả kinh tế; đồng thời, xây dựng thương hiệu các sản phẩm đặc thù của xã, gắn với cấp mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng (VietGap, GlobalGap) và truy xuất nguồn gốc đối với tất cả các sản phẩm nông nghiệp.

Tranh thủ các lợi thế về điều kiện địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế, xã hội để thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch, trong đó chú trọng đến các mô hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái.

#### **IV.2. Quy hoạch phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn**

- Tập trung phát triển các lĩnh vực công nghiệp chủ lực như công nghiệp chế biến nông sản; đồng thời, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư trong các lĩnh vực là thế mạnh của địa phương.

- Tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hỗ trợ doanh nghiệp để duy trì và phát triển ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh các cơ sở hiện có.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiệu quả; chỉnh trang các khu dân cư, giải quyết nhu cầu chuyển mục đích đất ở cho người dân, tạo quỹ đất ở ổn định, từng bước nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Thực hiện các biện pháp thu hút, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế đến đầu tư trong xã; chủ động và tranh thủ sự giúp đỡ của huyện, tỉnh trong công tác xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính.

- Tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, xã

hội; chú trọng phát triển hạ tầng điện vào các khu, vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Dự án mở rộng quy mô chế biến nông sản nhỏ, táo và các sản phẩm nông sản khác.

- Vùng khai thác phát triển tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã gồm:

+ Khu khai thác khoáng sản đá xây dựng, quy mô 6,58 ha; Khu chế biến đá xây dựng, quy mô 3,10 ha (thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 677).

+ Khu khai thác đá xây dựng thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng Ninh Thuận.

+ Khu khai thác đất làm vật liệu san lấp, quy mô 10,16 ha (thuộc Công ty TNHH Huy An).

+ Khu khai thác đá xây dựng Núi Ngõng, quy mô 9,15 ha.

+ Khu vật liệu san lấp, quy mô 22,66 ha.

+ Khu vực thăm dò khai thác đá xây dựng tại khu vực núi Tiêng 4, quy mô 4,3047 ha; Khu vực thăm dò khai thác đá xây dựng, quy mô 35,977 ha (thuộc Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận).

+ Khu vực xây dựng nhà máy chế biến đá, quy mô 2,72 ha.

+ Nhà máy chế biến đá xây dựng núi ngõng, quy mô 1,14 ha (Công ty Cổ phần NCS)

#### **IV.3. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ**

- Đẩy nhanh phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn.

- Khuyến khích các hộ dân bám 2 bên trục Quốc lộ 27, ĐH32, tuyến cao tốc Bắc Nam, các trục liên xã phát triển kinh doanh, dịch vụ, thương mại như: Dịch vụ ăn uống, thời trang, kinh doanh các sản phẩm nông sản, vật liệu xây dựng, nội thất, xăng dầu, .... Thành lập các đầu mối chuyên cung cấp và thu mua các loại vật tư, nông sản nông nghiệp và thực phẩm chăn nuôi.

- **Quy hoạch quỹ đất phát triển trạm dừng nghỉ cao tốc Bắc Nam.**

- Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thu mua - cung ứng Nông sản an toàn, quy mô 1,50 ha tại thôn Lương Cang 2; Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, quy mô 2,73 ha tại thôn Lương Cang 2.

- Có chính sách ưu đãi và hỗ trợ vốn vay cho các hộ gia đình, các doanh nghiệp phát triển dịch vụ thương mại trên địa bàn xã.



## PHẦN 4: QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN

### Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục tiêu

- Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Nhơn Sơn nhằm quản lý thực hiện theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn được duyệt, kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang tại nông thôn theo định hướng phát triển kiến trúc, bảo vệ cảnh quan trong phạm vi toàn xã.

- Quy định cụ thể trách nhiệm quản lý quy hoạch, kiến trúc, xây dựng đối với Ủy ban nhân dân xã Nhơn Sơn và các cơ quan chuyên môn của huyện; các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến quy hoạch, không gian, kiến trúc, cảnh quan nông thôn.

#### Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

##### 1. Đối tượng áp dụng

- Các Bộ phận quản lý cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện công tác quản lý kiến trúc, không gian cảnh quan nông thôn theo quy định của Quy chế này.

- Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến kiến trúc, không gian cảnh quan tại điểm dân cư nông thôn ở xã Nhơn Sơn.

##### 2. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này được ban hành và thực hiện trên phạm vi ranh giới điểm dân cư nông thôn của xã Nhơn Sơn.

- Đối với khu vực đã có Quy hoạch xây dựng, tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình, dự án đầu tư được các cấp thẩm quyền phê duyệt mà có quy định khác hoặc cụ thể hơn về kiến trúc so với Quy chế này thì được áp dụng theo các nội dung đã được phê duyệt, chấp thuận. Trong trường hợp có điều chỉnh thì phải thực hiện phù hợp theo Quy chế này hoặc theo Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Quy hoạch chung xây dựng xã*: là việc tổ chức không gian mạng lưới điểm dân cư nông thôn; hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn xã.

2. *Điểm dân cư*: là nơi cư trú tập trung của nhiều hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và hoạt động xã hội trong phạm vi một khu vực nhất định, bao gồm trung tâm xã, ấp. Được hình thành do điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, phong tục tập quán.

3. *Lô đất*: Bao gồm một hoặc nhiều thửa đất liền kề có chức năng sử dụng đất giống nhau được giới hạn bởi các tuyến đường giao thông, các đường ranh giới tự nhiên hoặc nhân tạo khác.

4. *Nhà ở riêng lẻ*: Nhà ở được xây dựng trên thửa đất riêng biệt thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề và nhà ở độc lập.

5. *Điểm dân cư nông thôn*: Nơi cư trú tập trung của các hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội khác trong phạm vi một khu vực nhất định, được hình thành do điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa và các yếu tố khác.

6. *Chỉ tiêu sử dụng đất*: chỉ tiêu để quản lý phát triển không gian, kiến trúc được xác định cụ thể cho một khu vực hay một lô đất bao gồm mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa, tối thiểu của công trình.

#### *7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (HTKT)*

- Hệ thống giao thông;
- Hệ thống cung cấp năng lượng (cấp điện, xăng dầu, khí đốt...);
- Hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông);
- Hệ thống cấp nước;
- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT);
- Hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR);
- Hệ thống vệ sinh công cộng;
- Hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;
- Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

#### *8. Hệ thống hạ tầng xã hội*

- Hệ thống dịch vụ - công cộng: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại và các công trình dịch vụ - công cộng khác;
- Hệ thống công viên, vườn hoa, sân chơi;
- Các hệ thống hạ tầng xã hội khác.

#### *9. Mật độ xây dựng*

- Mật độ xây dựng thuần: là tỷ lệ diện tích chiếm đất của các công trình kiến trúc chính trên diện tích lô đất (không bao gồm diện tích chiếm đất của các công trình ngoài trời như tiểu cảnh trang trí, bể bơi, bãi (sân) đỗ xe, sân thể thao, nhà bảo vệ, lối lên xuống, bộ phận thông gió tầng hầm có mái che và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác).

10. *Hệ số sử dụng đất*: Tỷ lệ của tổng diện tích sàn của công trình gồm cả tầng hầm (trừ các diện tích sàn phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy chữa

cháy, gian lánh nạn và đỗ xe của công trình) trên tổng diện tích lô đất.

11. *Chỉ giới đường đỏ*: Đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa để phân định ranh giới giữa phần đất được xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng khác.

12. *Chỉ giới xây dựng*: Đường giới hạn cho phép xây dựng công trình chính trên thửa đất

13. *Khoảng lùi*: Khoảng không gian giữa chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

14. *Chiều cao công trình xây dựng*: Chiều cao công trình tính từ cao độ mặt đất đặt công trình theo quy hoạch được duyệt tới điểm cao nhất của công trình (kể cả mái tum hoặc mái dốc). Đối với công trình có các cao độ mặt đất khác nhau thì chiều cao công trình tính từ cao độ mặt đất thấp nhất theo quy hoạch được duyệt. (Các thiết bị kỹ thuật trên mái: Cột ăng ten, cột thu sét, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, bể nước kim loại ... không tính vào chiều cao nhà).

15. *Khoảng cách an toàn về môi trường (ATMT)*: Khoảng cách tối thiểu để đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn, môi trường của nguồn phát sinh ô nhiễm (hoặc nhà, công trình bao chứa nguồn phát sinh ô nhiễm).

16. *Hành lang bảo vệ an toàn*: Khoảng không gian tối thiểu về chiều rộng, chiều dài và chiều cao, chạy dọc hoặc bao quanh công trình hạ tầng kỹ thuật.

## **Điều 4. Nguyên tắc quản lý kiến trúc**

### **1. Các nguyên tắc chung**

a) *Quy định các nguyên tắc phù hợp pháp luật về kiến trúc và liên quan*

- Thiết kế kiến trúc phải tuân thủ Luật Kiến trúc, các quy định về bảo tồn, về môi trường và phòng chống cháy nổ, quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật, bản quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Phù hợp với định hướng quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch chung xây dựng được lập tại xã Nhơn Sơn; đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

- Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống địa phương. Xây dựng nền kiến trúc tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong quản lý kiến trúc phù hợp với thực tiễn xã Nhơn Sơn bảo đảm hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá

nhân.

- Việc xây dựng công trình phải được quản lý chặt chẽ đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan; bảo đảm chức năng hoạt động hiệu quả, mỹ quan, an toàn, hài hòa với tổng thể xung quanh.

- Thiết kế kiến trúc công trình cần đảm bảo giá trị kiến trúc của công trình (được xem xét trên các lĩnh vực: tư tưởng, văn học, hội họa, điêu khắc, âm nhạc, truyền thông, ánh sáng, vật liệu...).

**\* Các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 28/11/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc quy định hạn mức giao đất ở, công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**b. Các quy định khác có liên quan**

Các định hướng Quy hoạch ngành, chính sách, định hướng cấp trên liên quan đến loại hình công trình có liên quan.

**2. Các nguyên tắc đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù**

**a) Xác định các khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với điểm dân cư nông thôn**

- Theo định hướng của Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, điểm Trung tâm xã nằm tiếp giáp với đường Quốc lộ 27. Với tính chất là điểm trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội toàn xã, khu vực tập trung các công trình Trụ sở hành chính, công cộng dịch vụ, văn hóa hiện hữu và xây dựng mới;

- Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu chính trang nằm tiếp giáp với tuyến Quốc lộ 1A thuộc điểm Trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn Đắc Nhơn 1, Đắc Nhơn 2, Đắc Nhơn 3, Nha Hồ 1, Nha Hồ 2, Lương Cang 1 và Lương Cang 2

- Khu vực công trình chức năng tôn giáo, tín ngưỡng;

- Các công trình an ninh, quốc phòng.

**b) Các nguyên tắc đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù**

- Đối với khu vực cụm công trình công cộng dịch vụ xã: việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan phải thống nhất, đồng bộ và phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, kinh tế xã hội trong phạm vi ranh giới của khu vực nhằm tạo được nét độc đáo, đặc trưng riêng cho khu vực đó.

- Đối với khu vực điểm dân cư nông thôn cải tạo chính trang và khu vực

điểm dân cư nông thôn mới: đề xuất các loại hình nhà ở và đưa ra chỉ tiêu cụ thể để kiểm soát kiến trúc, không gian cảnh quan các công trình nhà ở phù hợp với nhu cầu sinh sống, phát triển kinh tế của người dân. Khuyến khích sử dụng hình thức kiến trúc hiện đại, văn minh, có tính thẩm mỹ cao, đồng thời phải phù hợp với tính chất của công trình.

- Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng: là công trình văn hoá tín ngưỡng, tâm linh. Các công trình tôn giáo được duy trì, tôn tạo và bảo vệ.

- Các công trình an ninh, quốc phòng: Được bảo vệ theo các quy định của Pháp lệnh bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự và Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự hoặc các quy định có liên quan khác còn hiệu lực.

*c) Các yêu cầu khác do cấp có thẩm quyền quy định.*

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm điểm dân cư nông thôn để có cơ sở quản lý, lập dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực này.

- Đối với các công trình công cộng dịch vụ xây dựng mới phục vụ toàn xã, thiết kế cần thể hiện được giá trị kiến trúc, đổi mới sáng tạo, yếu tố tiên tiến hơn các công trình tương tự đã được xây dựng.

- Kiến trúc công trình cần đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích cải tạo, chỉnh trang, bổ sung cây xanh, không gian mở, tăng cường kết nối giao thông công cộng, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị, khuyến khích thiết kế thân thiện môi trường.

## **Chương II: QUẢN LÝ KIẾN TRÚC, KHÔNG GIAN CẢNH QUAN**

### **Điều 5. Định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan**

#### **1. Định hướng chung kiến trúc, cảnh quan cho toàn điểm dân cư nông thôn**

- Tuân thủ định hướng theo Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng kiến trúc nông thôn theo hướng hiện đại, tích hợp đa chức năng để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và có giải pháp thiết kế phù hợp với văn hóa, tập quán sinh hoạt, truyền thống sản xuất của người dân.

- Công trình kiến trúc phải phù hợp với khí hậu nắng nóng, khô hạn kéo dài và thích ứng được với tác động của môi trường vùng biển. Thiết kế kiến trúc cần sử dụng vật liệu phù hợp, bền vững và khuyến khích tạo nhiều diện tích thấm nước tự nhiên.

- Ưu tiên tạo lập cảnh quan phục vụ công cộng ở khu vực nông thôn, xây dựng thành môi trường sinh sống phù hợp với điều kiện sống với từng khu vực

nhất định. Đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp và thân thiện với thiên nhiên.

- Quản lý chiều cao công trình theo quy hoạch chi tiết xây dựng được lập ở mỗi điểm điểm dân cư nông thôn.

- Khuyến khích trồng cây xanh tán lớn, thảm cỏ, kết hợp tổ chức các vườn hoa, tiểu cảnh nhỏ trong các khu vực trung tâm điểm điểm dân cư nông thôn.

- Xây dựng các không gian mở, không gian sinh hoạt cộng đồng có giá trị về mặt thẩm mỹ và công năng, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

## **2. Quy định cụ thể không gian kiến trúc, cảnh quan**

### *a. Cảnh quan tại khu vực trung tâm*

- Khu vực trung tâm xã nằm tiếp giáp với đường Quốc lộ 27. Được định hướng phát triển thành một không gian kết hợp giữa khu dân cư và hệ thống các công trình công cộng cấp xã. Để phù hợp với định hướng trên tại khu vực trung tâm xã khuyến khích:

+ Đối với các công trình công cộng dịch vụ cấp xã: tập trung hoàn chỉnh, nâng cấp các công trình hiện hữu (trụ sở hành chính xã, bưu điện, các công trình giáo dục, sân bóng...) cũng như đầu tư các hạng mục cảnh quan để tạo nên không gian hoàn thiện.

+ Đối với công trình nhà ở trên đường Quốc lộ 27: khuyến khích xây dựng các loại hình nhà ở kết hợp với kinh doanh, dịch vụ, thương mại để khai thác nơi có điều kiện phát triển thương mại, sản xuất dịch vụ và nơi có giá trị đất cao nhất.

- Cải thiện chất lượng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc đường Quốc lộ 27, bổ sung hệ thống cây xanh, tiện ích cộng đồng để tạo điểm nhấn, khuyến khích sự tham gia cộng đồng vào khu trung tâm.

*b. Đối với khu vực dọc tuyến đường Quốc lộ 27, đường liên thôn, cảnh quan khu vực bảo tồn.*

*\* Đối với khu vực dọc tuyến chính (Quốc lộ 27):*

Các điểm dân cư nông thôn tại xã Nhơn Sơn hiện nay nằm tiếp cận với Quốc lộ 27, được kiểm soát như sau:

- Những công trình đã tồn tại hoặc được cấp phép xây dựng tuân thủ khoản 2, Điều 2 Quy chế này.

- Đối với những công trình xây dựng mới:

+ Chức năng công cộng dịch vụ: Tầng cao: tối đa 03 tầng; MĐXD: 40%

+ Chức năng nhà ở nông thôn: tầng cao: tối đa 03 tầng; MĐXD: tối đa 80%

+ Chức năng khác: tầng cao: tối đa 03 tầng; MĐXD: tối đa 60%.

*\* Đối với khu vực dọc tuyến liên thôn:*

- Về loại hình chức năng:

+ Nhà ở: khuyến khích loại hình nhà ở kết hợp với sản xuất nông nghiệp có

diện tích bình quân tối thiểu 150m<sup>2</sup>/lô tại toàn bộ khu vực được định hướng phát triển đất ở.

+ Công trình Công cộng dịch vụ: công trình chăm sóc y tế, giáo dục (trường mầm non) và công trình thương mại dịch vụ tuân thủ Điều 8 Quy chế này.

- Về quản lý xây dựng:

+ Nhà ở: tầng cao tối đa 03 tầng; MĐXD theo QCVN.

+ Công trình Công cộng dịch vụ: tầng cao tối đa 03 tầng, khoảng lùi, MĐXD theo QCVN.

## **Điều 6. Yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc**

### **1. Các nội dung yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc đối với công trình kiến trúc**

#### *a. Cơ sở đặc điểm, tính chất tiêu biểu về văn hóa dân tộc của địa phương*

- Nhơn Sơn là xã đồng bằng, nằm phía Đông Nam của huyện Ninh Sơn, với hơn 10 dân tộc sinh sống tại địa phương, chiếm đa số là dân tộc Kinh, còn lại là các dân tộc: Chăm, Raglai,... mỗi dân tộc có một truyền thống và nét văn hoá riêng. Người dân sống chủ yếu với hình thức nhà ở kết hợp sản xuất nông nghiệp (đa phần là trồng lúa). Một số khác sống theo hình thức nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại dọc theo tuyến Quốc lộ 27.

- Với thời tiết khắc nghiệt và tính sa mạc hóa ngày càng cao do biến đổi khí hậu (BĐKH), kiến trúc tại khu vực nhà ở nông thôn của xã Nhơn Sơn cần phải đảm bảo thông thoáng, mát mẻ vào mùa nắng và có hệ kết cấu bền vững vào mùa mưa bão.

#### *b. Vật liệu và kỹ thuật truyền thống.*

- Sử dụng đa dạng vật liệu xây dựng từ vật liệu truyền thống, phổ biến đến vật liệu đặc trưng, tiên tiến nhằm nâng cao thẩm mỹ và tính ứng dụng, bền vững của công trình.

- Tường bao che khuyến khích xây dày, tường hộp (rỗng), sử dụng vật liệu cách nhiệt (gạch rỗng, tấm cách nhiệt...).

- Khuyến khích sử dụng các loại vật liệu xây dựng khai thác tại địa phương.

- Khuyến khích nên dùng các loại vật liệu cửa, vật liệu có độ bền cao và khả năng chống chọi tốt với gió bão, sự ăn mòn của nước biển.

- Cần có giải pháp kỹ thuật chống nóng cho mái như tấm đan, gạch lỗ, mái tôn (đối với mái bằng, bê tông), sử dụng trần giả cách nhiệt (đối với mái dốc, mái ngói) để chống nóng do điều kiện khí hậu khô hạn, chế độ bức xạ cao, nắng nhiều mưa ít.

- Khuyến khích sử dụng vật liệu nhân tạo thay thế vật liệu tự nhiên nhưng vẫn giữ được các đặc tính mô phỏng của vật liệu tự nhiên cho các công trình:

nhựa giả gỗ, mái tranh nhân tạo, sàn giả gỗ...

**2. Yêu cầu đối với công trình kiến trúc xây dựng mới, cải tạo sửa chữa, việc sử dụng kỹ thuật, vật liệu để đáp ứng các yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc.**

- Kế thừa, tiếp thu và phát huy các phong cách kiến trúc bản địa và xu hướng kiến trúc quốc tế qua các thời kỳ; tạo nên những công trình kiến trúc, không gian kiến trúc đa dạng, hài hòa, thân thiện, phù hợp nếp sinh hoạt cộng đồng.

- Bố cục không gian kiến trúc tận dụng cảnh quan hiện có, góp phần cải tạo môi trường cảnh quan gắn với phát triển kinh tế của xã.

- Hình thức kiến trúc, chi tiết trang trí kiến trúc phải phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không gây phản cảm. Khuyến khích đưa các hình ảnh, biểu tượng truyền thống dân tộc vào công trình kiến trúc mới. Khi cải tạo sửa chữa công trình cũ, quan tâm bảo vệ, gìn giữ và kết hợp những chi tiết, cấu phần kiến trúc có giá trị đặc trưng của xã/huyện đã được kiểm kê, đánh giá và công nhận bởi các cơ quan đơn vị, hội đồng chuyên môn.

- Sử dụng đa dạng vật liệu xây dựng từ vật liệu truyền thống, phổ biến đến các vật liệu đặc trưng, tiến tiến nhằm nâng cao thẩm mỹ kiến trúc và tính thích dụng, bền vững của công trình.

**Điều 7. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù**

- Xã Nhơn Sơn chưa ban hành quy định cụ thể cho các khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù. Các nội dung quy định cụ thể của từng khu vực cần tuân thủ theo nội dung các điều của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Khu vực cần xem xét có quy định quản lý là công trình tôn giáo, tín ngưỡng:

+ Việc xây dựng các công trình tôn giáo, tín ngưỡng phải phù hợp với không gian cảnh quan chung của khu vực kế cận. Tổ chức giao thông thuận lợi.

+ Kiến trúc tôn giáo phát huy truyền thống kiến trúc dân tộc, mang đặc trưng riêng về kiến trúc của từng tôn giáo, tín ngưỡng.

+ Cấm chôn cất, các hình thức mai táng trong khuôn viên của công trình tôn giáo, tín ngưỡng nằm trong khu vực Trung tâm xã.

+ Các công trình tôn giáo cần tổ chức các không gian sân bãi trong khuôn viên công trình, kết hợp khoảng trống tại tầng trệt đáp ứng yêu cầu tập trung sinh hoạt, tổ chức tốt hệ thống giao thông tiếp cận, nhà để xe, lối thoát hiểm;

+ Bảo đảm mật độ xây dựng phù hợp, dành nhiều khoảng trống để tăng cường cảnh quan xung quanh các công trình tôn giáo như bố trí cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa, tiểu cảnh trên các khoảng lùi xây dựng;



+ Các yêu cầu về kiến trúc:

- Công trình tôn giáo, tín ngưỡng cần được xem xét, thiết kế theo hướng hài hòa về tỷ lệ, chiều cao, quy mô, kiến trúc, màu sắc tương đồng với kiến trúc khu vực xung quanh;

- Công trình tôn giáo sửa chữa, cải tạo, nâng cấp theo hiện trạng, không làm thay đổi kết cấu, không tăng diện tích xây dựng, phải thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật;

- Khuyến khích thi tuyển kiến trúc các công trình tôn giáo, tín ngưỡng xây dựng mới có quy mô lớn, tại các vị trí quan trọng trong không gian xã;

- Không cho phép quảng cáo trên các công trình kiến trúc tôn giáo.

## **Điều 8. Quy định quản lý kiến trúc các loại hình công trình**

### **1. Công trình công cộng**

- Đối với các công trình công cộng trên địa bàn xã khu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phải tuân thủ quy hoạch xây dựng được duyệt, công trình có hình thức kiến trúc đẹp, thể hiện được bản sắc kiến trúc vùng miền, phù hợp truyền thống văn hóa địa phương, công năng sử dụng hợp lý, tận dụng tối đa các điều kiện về thông gió, chiếu sáng tự nhiên, tiết kiệm năng lượng. Đảm bảo sử dụng an toàn, bền vững, an toàn phòng cháy chữa cháy.

- Thiết kế các loại hình công trình phải tuân thủ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Đối với công trình công cộng được xây dựng trong khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, khi xây dựng mới, sửa chữa cải tạo phải tuân thủ các chỉ tiêu được quy định tại Quy chế này.

- Trong khuôn viên các công trình công cộng đang được sử dụng ổn định, các cơ quan đơn vị được giao quản lý sử dụng có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn, thực hiện chế độ bảo dưỡng, bảo trì công trình kiến trúc, vườn hoa cây xanh theo quy định, việc xây dựng thêm các công trình trong không gian trống, vườn hoa, phải được sự thống nhất của cơ quan có thẩm quyền, không được tự ý coi nói chông lán trên công trình kiến trúc hiện hữu làm ảnh hưởng đến kết cấu và hình thức kiến trúc công trình.

- Các dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng có tính chất quan trọng, là điểm nhấn của khu vực xây dựng mới, khu vực tác động đến cảnh quan nông thôn, khu vực đặc thù về thể thao, du lịch: trước khi thẩm định, phê duyệt, chủ đầu tư phải tổ chức lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền nhằm đảm bảo công trình hoàn thành đạt giá trị thẩm mỹ kiến trúc, hài hòa cảnh quan khu vực, tăng mỹ quan chung cho toàn khu vực.

- Các công trình cải tạo, chỉnh trang phải đảm bảo không phá vỡ cảnh quan

xung quanh và chức năng sử dụng, kết cấu của công trình và những quy định khác về trật tự xây dựng trên địa bàn. Cần nghiên cứu mặt đứng hợp lý với chức năng sử dụng, quy mô và vị trí cũng như các giải pháp kết cấu phù hợp đảm bảo hài hòa với các công trình lân cận. Khuyến khích sử dụng vật liệu địa phương, hạn chế dùng kính.

- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chính như: tầng cao, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất: tuân thủ theo quy hoạch chi tiết, quy định quản lý quy hoạch kiến trúc khu vực được duyệt; Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng có liên quan.

- Về hình thức kiến trúc công trình:

+ Kiến trúc của công trình công cộng cần thể hiện được đặc điểm, tính chất và hình thái kiến trúc đặc trưng của loại công trình công cộng đó.

+ Kiến trúc các công trình cần đảm bảo yếu tố bền vững, phù hợp với các điều kiện về khí hậu, địa chất, địa hình, thủy văn tại khu vực; có khả năng khắc phục hiệu quả các tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường.

+ Khuyến khích áp dụng các công nghệ mới trong kiến trúc công trình, hướng đến công trình xanh, thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng.

- Về thiết kế cảnh quan:

+ Khuyến khích phương án thiết kế dành một phần hoặc toàn bộ tầng trệt hoặc các tầng của công trình để bố trí các không gian mở phục vụ công cộng, bố trí sân chơi, sảnh đón hoặc không gian xanh phục vụ cộng đồng.

+ Tổ chức cây xanh, cảnh quan công trình theo hướng tham gia đóng góp cho cảnh quan chung tại khu vực; khuyến khích bố trí các không gian mở, tăng cường mảng xanh, mặt nước, các tiểu cảnh, sân vườn nhằm cải thiện điều kiện vi khí hậu và tạo thêm không gian sinh hoạt cộng đồng, thư giãn, nghỉ ngơi sinh động, thân thiện, phù hợp với chức năng công trình.

+ Cây xanh trong công trình cần lưu ý chọn các loại cây có sức sống tốt, tạo bóng mát, ít rụng lá và chống chịu tốt với điều kiện thiếu nước, ngập úng; hạn chế trồng các loại cây ăn trái; không trồng cây có rễ nông dễ ngã đổ, gây cảnh; không sử dụng loại cây có mùi hương, gai và nhựa độc. Khuyến khích trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công trình, xung quanh khoảng cách ly, giáp hàng rào và khu vực cổng. Tránh trồng cây xanh che khuất biển hiệu, biển báo công trình.

- Về tổ chức giao thông nội bộ và kết nối:

+ Tổ chức phương án kết nối giao thông và giao thông nội bộ trong công trình tạo điều kiện thuận tiện cho người sử dụng; đáp ứng tốt các quy định, tiêu chuẩn thiết kế công trình dành cho người khuyết tật.

+ Hạn chế lối ra vào chính kết nối trực tiếp với trục giao thông mang tính

chất liên khu vực, hoặc kết nối tại các ngã giao nút giao thông.

+ Lối ra vào công trình cần có điểm đậu xe; các khu vực đưa, đón khách và người làm việc khuyến khích bố trí trong khuôn viên đất của công trình; có giải pháp tổ chức giao thông tiếp cận đảm bảo không gây ùn tắc tại khu vực cổng ra vào công trình.

## **2. Công trình nhà ở**

- Nhà ở nông thôn phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy.

- Đối với các công trình nhà ở hiện hữu đã được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật trước khi ban hành Quy chế này được phép tồn tại. Việc xây dựng mới, cải tạo nhà ở đảm bảo sự thống nhất, hài hòa về hình thức, cao độ nền, chiều cao chuẩn ở vị trí mặt tiền nhà trên từng khu vực.

- Thiết kế công trình phải đảm bảo các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, môi trường, giao thông, các tiêu chuẩn xây dựng, quy chuẩn xây dựng và các quy định hiện hành.

- Khi thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo nhà ở xen kẽ dọc theo đường phố phải hài hòa với tổng thể kiến trúc tuyến phố và phải bảo đảm mỹ quan riêng của công trình.

- Khuyến khích hợp khối công trình nhà ở trong khu vực dân cư hiện hữu đối với các lô đất có quy mô diện tích, có chiều rộng mặt tiền nhỏ so với quy định.

- Trường hợp xây dựng với mật độ xây dựng tối đa 100%, phương án thiết kế cần có giải pháp thông gió và chiếu sáng tự nhiên hợp lý.

- Trong ô đất quy hoạch nhà ở hiện trạng, cho phép linh hoạt xây dựng các chức năng dịch vụ công cộng nhằm tăng tiện ích công cộng cho khu vực và xung quanh. Các chức năng linh hoạt có thể là: Văn phòng làm việc, thương mại dịch vụ, khách sạn, cửa hàng bách hóa, cửa hàng trưng bày sản phẩm, phòng khám, dịch vụ y tế, nhà trẻ, trường mầm non, trường tư thục một hoặc nhiều cấp... Quy định cho các chức năng này như sau:

+ Các công trình này quy định có quy mô từ cấp III trở xuống và không thuộc trường hợp phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi có thiết kế 02 bước trở lên theo quy định của pháp luật.

+ Thiết kế công trình phải đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường cho khu vực xung quanh.

+ Các chỉ tiêu về mật độ, tầng cao, hệ số sử dụng đất áp dụng cho loại hình

này tương tự như áp dụng với loại hình nhà ở được quy định ở mục c dưới đây.

+ Khoảng lùi trước của công trình khuyến khích tối thiểu 3m so với chỉ giới đường đỏ.

+ Cổng và phần hàng rào giáp hai bên cổng lùi sâu khỏi ranh giới lô đất, tạo thành chỗ tập kết có chiều sâu tối thiểu 4m, chiều ngang tối thiểu bằng 4 lần chiều rộng của cổng.

### **3. Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông nghiệp**

- Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cần đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, cần đảm bảo an toàn giao thông tại các điểm giao cắt ra vào cụm công nghiệp. Chỉ cho phép phát triển các loại hình công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các cụm và cơ sở sản xuất công nghiệp với các giải pháp cụ thể như:

+ Nghiêm túc thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa rủi ro;

+ Đặt các điểm quan trắc môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả;

- Tổ chức giao thông linh hoạt, đảm bảo an toàn khi giao cắt với các tuyến giao thông.

### **4. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng (nhằm bảo tồn đối với các di sản; kiểm soát việc xây mới công trình tôn giáo, tín ngưỡng)**

- Việc tu bổ, tôn tạo, phục hồi phải tuân thủ quy định của pháp luật về tôn giáo, tín ngưỡng và quy định quản lý xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Công trình xây dựng mới phải có quy hoạch, thiết kế kiến trúc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

### **5. Công trình tượng đài, công trình kỷ niệm, trang trí...**

- Tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc

- Quá trình thiết kế, quy hoạch phải xây dựng mô hình sa bàn theo tỷ lệ thích hợp phục vụ lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân, tổ chức có liên quan.

## **Điều 9. Quy định khác**

### **1. Quảng cáo trên công trình kiến trúc**

- Quảng cáo trên các công trình kiến trúc phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo, quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng.

- Nghiêm cấm quảng cáo trên hàng rào, trong khuôn viên và trên công trình kiến trúc hành chính, chính trị, quân sự, ngoại giao, trụ sở các đoàn thể; công trình tôn giáo, tín ngưỡng; công trình kiến trúc bảo tồn; tượng đài; công trình giáo dục, y tế và các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Bảng quảng cáo không được che cửa đi, cửa sổ, phần trống của ban công,

lô gia, lối thoát hiểm, lối phòng cháy, chữa cháy.

- Các bảng quảng cáo phải bảo đảm an toàn về kết cấu chịu lực, bảo đảm an toàn điện và phòng cháy, chữa cháy của bảng quảng cáo và của công trình kiến trúc;

- Quy cách và kích thước của biển số nhà được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **2. Hè, vật trang trí (đèn, ghế, rào hè...)**

a. *Quy định về vỉa hè:* Việc thiết kế và xây dựng hè phố phải phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, quy chuẩn và tiêu chuẩn có liên quan.

b. *Vật trang trí.*

\* *Đèn:*

- Chiều sáng công trình:

+ Khuyến khích nghiên cứu thiết kế chiếu sáng cho công trình nhất là các công trình công cộng nằm ở vị trí trung tâm, các khu vực tập trung đông người, có thể nhìn thấy nhiều hướng. Khuyến khích sử dụng đèn Năng lượng mặt trời có giá thành tiết kiệm để chiếu sáng, trang trí liên tục về ban đêm.

+ Giải pháp chiếu sáng phải phù hợp chức năng công trình, phản ánh được nét đặc trưng, làm nổi bật hình khối kiến trúc của công trình.

+ Thiết bị dùng chiếu sáng công trình phải đảm bảo chất lượng, chịu được điều kiện khí hậu, có độ bền tuổi thọ cao, tạo được hiệu quả thẩm mỹ lâu dài.

+ Cách bố trí thiết bị cần phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hình thức thẩm mỹ, kiến trúc công trình vào ban ngày.

\* *Rào hè.*

- Các công trình an ninh quốc phòng, trụ sở các cơ quan hành chính, chính trị; các công trình chuyên ngành, đặc biệt quan trọng có thiết kế kiến trúc tường rào riêng, không theo quy định này.

- Kiến trúc tường rào cần bảo đảm các quy định sau đây:

+ Hải hòa với không gian, cảnh quan, kiến trúc khu vực;

+ Chi tiết thiết kế, màu sắc, vật liệu xây dựng hải hòa với công trình;

+ Tường rào không được cao quá 2,6m so với vỉa hè; trường hợp có bố trí bệ tường rào thì phần bệ tường cao không quá 1,0m;

+ Khuyến khích xây dựng tường rào thưa thoáng, kết hợp trồng cây xanh tạo cảnh quan.

+ Đối với các khu công viên, cây xanh, thể dục thể thao, công trình thương mại dịch vụ có quy mô lớn, khuyến khích bỏ tường rào để góp phần tạo cảnh quan, không gian mở tại khu vực.

### **3. Hệ thống cây xanh**

- Việc bố trí cây xanh đường phố phải tuân thủ quy hoạch, quy chuẩn và tiêu chuẩn và các quy định về quản lý công viên và cây xanh. Phù hợp với quy định tại Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy định cụ thể về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Khi chuẩn bị triển khai các dự án xây dựng và cải tạo các tuyến đường, chủ đầu tư phải phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thiết kế cây xanh đường phố, trình duyệt trước khi triển khai. Việc bố trí các công trình ngầm bao gồm đường ống - hào kỹ thuật, các tuyến cáp kỹ thuật phải được tính toán để phù hợp với việc trồng cây xanh tán lớn, rễ sâu.

### **4. Công trình hạ tầng kỹ thuật.**

- Phải đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đảm bảo tính đồng bộ theo đồ án quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Đối với khu vực dân cư, khu chức năng hiện hữu:

+ Khu vực đã có công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho việc sử dụng chung thì phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ tầng với các công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có;

+ Đối với các khu vực còn lại, việc đầu tư cải tạo, sắp xếp và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền ban hành.

## **CHƯƠNG III: QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CÓ GIÁ TRỊ**

**Điều 10. Các quy định quản lý các công trình đã được xếp hạng theo pháp về Di sản văn hóa (công trình gốc, khu vực bảo vệ I, II và liên quan).**

- Các công trình đã được xếp hạng theo pháp luật về Di sản văn hóa được xác định và quản lý theo Luật Di sản văn hóa;

- Đối với khu vực không gian liền kề với khu vực bảo vệ I hoặc khu vực bảo vệ II (nếu có) có tác động đến cảnh quan của di tích thì khi lập quy hoạch cần có quy định cụ thể về không chế tầng cao xây dựng nhằm bảo vệ các trường nhìn của công trình và từ các không gian liền kề đến công trình;

- Các tổ chức, cá nhân tham gia chủ trì lập quy hoạch dự án hoặc chủ trì tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích phải phải bảo đảm chứng minh năng lực hành nghề trùng tu và tu bổ di tích đối với tổ

chức và có chứng chỉ hành nghề trùng tu và tu bổ di tích đối với cá nhân theo quy định của pháp luật;

- Chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng công trình ở nơi có ảnh hưởng tới di tích có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch giám sát quá trình cải tạo, xây dựng công trình đó. Chủ đầu tư cần có đánh giá tác động của dự án đến kết cấu chịu lực và mức độ ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình đã được xếp hạng do cơ quan quản lý về xây dựng cấp tỉnh thẩm định.

**Điều 11. Các quy định quản lý công trình thuộc Danh mục kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt theo Luật Kiến trúc.**

Trên địa bàn xã có khu di tích Đình Đắc Nhơn được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 01 - QĐ/BT ngày 04/1/1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin. Hàng năm UBND xã đều có kế hoạch tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. Đồng thời UBND xã Nhơn Sơn chủ trì lập Danh mục các công trình kiến trúc có giá trị, quy chế quản lý trình phê duyệt và quản lý riêng theo quy định của Luật Kiến trúc (*nếu có*).

#### **CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 12. Tổ chức thực hiện Quy chế**

- Cơ quan ban hành quy chế: Ủy ban nhân dân Huyện Ninh Sơn.
- Thực hiện quy chế: Các tổ chức, cá nhân sống, làm việc hoặc có dự án liên quan trên địa bàn xã Nhơn Sơn đều có trách nhiệm thực hiện theo quy chế này.
- Giám sát thực hiện quy chế: Ủy ban nhân dân xã Nhơn Sơn.
- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định.

**Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc**

##### *1. Ủy ban nhân dân xã Nhơn Sơn:*

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quy chế này và quản lý xây dựng trên địa bàn. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; đề xuất xử lý đối với trường hợp vượt quá thẩm quyền trình cấp trên xem xét, quyết định.

- Niêm yết công khai quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đến các thôn xóm và thường xuyên kiểm tra việc niêm yết này.

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung quy chế đến các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, khu dân cư và các hộ gia đình trên địa bàn.

## *2. Phòng chức năng thực hiện quản lý nhà nước về kiến trúc*

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng.  
- Tiếp nhận và quản lý hồ sơ quy hoạch, hồ sơ các công trình xây dựng, công trình hạ tầng do chủ đầu tư bàn giao; tham mưu tổ chức công bố quy hoạch, chủ trì bàn giao mốc giới hiện trạng quy hoạch giữa chủ đầu tư và UBND xã. Tham mưu đề xuất điều chỉnh quy hoạch, xử lý các quy hoạch chi tiết không triển khai thực hiện.

- Tham mưu hoặc trực tiếp giải quyết các kiến nghị khiếu nại trong lĩnh vực được giao quản lý.

## *3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế*

- Tuân thủ các điều kiện về hành nghề theo quy định của pháp luật.  
- Tổ chức tư vấn thiết kế, tác giả phương án thiết kế, chủ nhiệm đồ án có thực hiện giám sát tác giả theo quy định pháp luật; chịu trách nhiệm liên quan về không gian kiến trúc, cảnh quan điểm dân cư nông thôn.

- Tuân thủ các quy định về quản lý điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch được duyệt, Quy chuẩn xây dựng và Tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

## *4. Trách nhiệm của nhà thầu xây dựng*

- Nhà thầu xây dựng công trình có trách nhiệm hoàn thành đúng thiết kế, đúng thời hạn và các quy định đã cam kết trong hợp đồng.

- Trong quá trình thi công, hoàn thiện, sửa chữa, bảo trì công trình phải có biện pháp hạn chế tối đa các ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư, đến không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực nơi có công trình do mình xây dựng.

- Có trách nhiệm cùng với chủ đầu tư trong việc lập biện pháp bảo vệ trong cả quá trình thi công, phá dỡ; tái tạo môi trường, không gian, cảnh quan bị hư hại do thi công công trình gây ra.

- Tuân thủ các quy định tại giấy phép xây dựng và các quy định về kiến trúc điểm dân cư nông thôn hiện hành có liên quan.

## **Điều 14. Kiểm tra, báo cáo và xử lý vi phạm**

1. Cán bộ xây dựng địa phương có nhiệm vụ kiểm tra tình hình thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn; phát hiện và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền tại địa bàn phụ trách; báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc điểm dân cư nông thôn này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Điều 15. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế**

- Những vấn đề không được đề cập trong nội dung quy chế này thì thực



hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng mã số QCVN 01:2021/BXD do Bộ xây dựng ban hành.

- Trường hợp có sự khác biệt giữa quy chế này với các quy định khác thì thực hiện theo nội dung của quy định cấp cao hơn và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung:

+ Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện để được hướng dẫn giải quyết.

+ Tùy theo tình hình thực tế để bổ sung, điều chỉnh quy chế nhưng phải có sự thông qua của UBND huyện.

## PHẦN 5: QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### I. Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn cơ bản đã phù hợp so với quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Sơn đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận phê quyết tại Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 07/7/2022.

### II. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn

- Định hướng cơ cấu kinh tế xã Nhơn Sơn những năm tới sẽ chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng tỷ trọng các ngành tiêu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại. Dự báo trong thời hạn quy hoạch đến năm 2030 đất đai toàn xã sẽ có sự biến động. Chủ yếu là biến động về đất nông nghiệp sẽ chuyển đổi sang đất xây dựng. Đất ở, đất công cộng, đất hạ tầng kỹ thuật dự báo sẽ tăng lên để đáp ứng với nhu cầu phát triển của toàn xã.

- Đất xây dựng trong quy hoạch chung cấp xã bao gồm các loại đất sau: Đất ở, đất công cộng, đất cây xanh TĐTT, đất tôn giáo, đất CN-TTCN và làng nghề, đất khoáng sản và sản xuất VLXD, đất xây dựng chức năng khác, đất hạ tầng kỹ thuật, đất hạ tầng phục vụ sản xuất, đất quốc phòng an ninh.

Căn cứ theo các quy định hiện hành, dự báo quy mô đất xây dựng cho các giai đoạn được xác định như sau:

#### II.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp hiện tại của xã là:  $S_{\text{hiện trạng}} = 2.246,43$  ha. Định hướng phát triển theo biến động giảm đến năm 2030 diện tích đất là:  $S_{\text{quy hoạch}} = 2.129,16$  ha; năm 2035 diện tích đất là:  $S_{\text{quy hoạch}} = 2.091,91$  ha. Do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

#### II.2. Đất xây dựng

Diện tích đất xây dựng hiện tại của xã là:  $S_{\text{hiện trạng}} = 555,39$  ha. Định hướng phát triển theo biến động tăng đến năm 2030 diện tích đất là:  $S_{\text{quy hoạch}} = 921,46$  ha; năm 2035 diện tích đất là:  $S_{\text{quy hoạch}} = 987,10$  ha Chủ yếu biến động tăng về đất ở và đất xây dựng các khu chức năng đặc thù.

#### III.3. Đất khác

Diện tích các loại đất khác (Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng, đất chưa sử dụng) hiện tại của xã là:  $S_{\text{hiện trạng}} = 363,68$  ha. Định hướng phát triển theo biến động giảm đến năm 2030 diện tích đất là:  $S_{\text{quy hoạch}} = 114,87$  ha; năm 2035 diện tích đất là:  $S_{\text{quy hoạch}} = 86,48$  ha.

**Bảng 13: Biến động các loại đất trong giai đoạn quy hoạch**

Stt	Loại đất	Hiện trạng năm 2023		Định hướng đến năm 2030		Diện tích biến động (ha)	Định hướng đến năm 2035		Diện tích biến động (ha)
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn xã</b>	<b>3.165,49</b>	<b>100</b>	<b>3.165,49</b>	<b>100</b>	<b>0,00</b>	<b>3.165,49</b>	<b>100</b>	<b>0,00</b>
1	Đất nông nghiệp	2.246,43	<b>70,97</b>	2.129,16	67,26	-117,27	2.091,91	<b>66,08</b>	-37,25
2	Đất xây dựng	555,39	17,55	921,46	29,11	+366,07	987,10	31,18	+65,64
3	Đất khác	363,68	11,49	114,87	3,63	-248,81	86,48	2,73	-28,39

**Ghi chú:**

- Dấu (-) Thể hiện nhu cầu phát triển theo giai đoạn với diện tích đất giảm (nhu cầu sử dụng đất giảm).

- Dấu (+) Thể hiện nhu cầu phát triển theo giai đoạn với diện tích đất giảm (nhu cầu sử dụng tăng).

**III. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất**

Trên nhu cầu quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực; phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức không gian phát triển trên địa bàn xã, tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất của xã Nhơn Sơn như sau:

**Bảng 14: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Nhơn Sơn đến năm 2035**

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Định hướng đến Năm 2025		Định hướng đến năm 2030		Định hướng đến năm 2035	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn xã</b>		<b>3.165,49</b>	<b>100</b>	<b>3.165,49</b>	<b>100</b>	<b>3.165,49</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>2.222,73</b>	<b>70,22</b>	<b>2.129,16</b>	<b>67,26</b>	<b>2.091,91</b>	<b>66,08</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUC	875,81	27,67	849,81	26,85	839,08	26,51
	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC		-		-		-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	976,48	30,85	892,7	28,20	866,43	27,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	233,43	7,37	245,44	7,75	239,03	7,55
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	6,03	0,19	12,19	0,39	18,35	0,58
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	130,98	4,14	129,02	4,08	129,02	4,08
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>748,34</b>	<b>23,64</b>	<b>1.004,76</b>	<b>31,74</b>	<b>1.070,16</b>	<b>33,81</b>
2.1	Đất Quốc phòng	CQP	57,11	1,80	57,12	1,80	57,12	1,80

*Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn.*

2.2	Đất an ninh	CAN	0,12	0,00	0,12	0,00	0,12	0,00
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,24	0,01	0,31	0,01	0,39	0,01
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,26	0,23	9,25	0,29	11,24	0,36
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	31,64	1,00	75,43	2,38	75,43	2,38
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	127,04	4,01	215,72	6,81	249,62	7,89
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	325,99	10,30	430,59	13,60	415,63	13,13
	Đất giao thông	DGT	192,69	6,09	248,39	7,85	233,56	7,38
	Đất thủy lợi	DTL	82,6	2,61	109,87	3,47	109,87	3,47
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,13	0,00	0,13	0,00	0,13	0,00
	Đất cơ sở y tế	DYT	0,17	0,01	0,23	0,01	0,23	0,01
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	8,82	0,28	9,01	0,28	9,01	0,28
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	5,4	0,17	7,77	0,25	7,77	0,25
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,61	0,02	0,8	0,03	0,8	0,03
	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,07	0,00	0,07	0,00	0,07	0,00
	Đất bãi thải, xử lý chất thải		2,12	0,07	2,12	0,07	2,12	0,07
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,8	0,03	0,8	0,03	0,8	0,03
	Đất làm nghĩa trang - nghĩa địa	NTD	30,69	0,97	49,22	1,55	49,09	1,55
	Đất chợ	DCH	1,89	0,06	2,18	0,07	2,18	0,07
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,15	0,04	1,15	0,04	1,15	0,04
2.9	Đất khu vui chơi giải trí		0,21	0,01	0,55	0,02	0,55	0,02
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	104,78	3,31	125,41	3,96	169,37	5,35
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,63	0,02	1,3	0,04	1,98	0,06
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,91	0,12	3,91	0,12	3,91	0,12
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,15	0,04	1,15	0,04	1,15	0,04
2.14	Đất Sông, ngoài, kênh, rạch, suối	SON	80,57	2,55	76,56	2,42	76,44	2,41
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,76	0,21	6,74	0,21	6,62	0,21
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>194,42</b>	<b>6,14</b>	<b>31,57</b>	<b>1,00</b>	<b>3,42</b>	<b>0,11</b>

## **PHẦN 6: QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

### **I. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã**

Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu của từng loại quy hoạch và tính chất đặc thù của từng địa phương.

- Quy hoạch giao thông phải xác định quỹ đất dành cho xây dựng và phát triển giao thông; vị trí, quy mô các công trình đầu mối; tổ chức mạng lưới giao thông. Xác định phạm vi bảo vệ và hành lang an toàn giao thông;

- Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng phải xác định các khu vực thuận lợi xây dựng; khu vực cấm và hạn chế xây dựng; cao độ xây dựng; mạng lưới thoát nước mưa và các công trình đầu mối;

- Quy hoạch cấp nước phải xác định nhu cầu; lựa chọn nguồn; xác định vị trí, quy mô các công trình cấp nước (bao gồm mạng lưới tuyến truyền tải và phân phối, nhà máy, trạm làm sạch); phạm vi bảo vệ nguồn nước và hành lang bảo vệ các công trình cấp nước;

- Quy hoạch thoát nước thải phải xác định tổng lượng nước thải; vị trí và quy mô các công trình thoát nước (bao gồm mạng lưới tuyến ống thoát, nhà máy, trạm xử lý nước thải); khoảng cách ly vệ sinh và hành lang bảo vệ các công trình thoát nước thải;

- Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng phải xác định nhu cầu sử dụng năng lượng, chiếu sáng; nguồn cung cấp; yêu cầu bố trí địa điểm, quy mô các công trình đầu mối; mạng lưới truyền tải, mạng lưới phân phối; hành lang an toàn và phạm vi bảo vệ các công trình;

- Quy hoạch xử lý chất thải rắn phải xác định tổng lượng chất thải; vị trí, quy mô các điểm trung chuyển, các cơ sở xử lý chất thải rắn, các công trình phụ trợ, khoảng cách ly vệ sinh của các cơ sở xử lý chất thải rắn;

- Quy hoạch nghĩa trang phải xác định nhu cầu an táng; vị trí, quy mô và ranh giới nghĩa trang;

### **II. Xác định khung hạ tầng phục vụ sản xuất**

#### **II.1. Giao thông nội đồng**

- Các trục chính đường nội đồng trong các khu sản xuất tập trung được xác định cơ sở kế thừa, nâng cấp đường giao thông nội đồng hiện có và mở thêm một số tuyến đường giao thông nội đồng, có kết cấu cấp phối sỏi đỏ theo hướng kết hợp với kênh mương nội đồng.

- Các tuyến đường nội đồng trên địa bàn xã đã được cứng hóa với tổng chiều dài 13,7km, đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

## **II.2. Kênh mương thủy lợi**

Trên địa bàn xã Nhơn Sơn có hệ thống Sông Cái (sông Dinh): là sông lớn nhất tỉnh, nguồn nước dồi dào quanh năm, là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt và sản xuất. Vùng hạ lưu đã xây dựng đập Nha Trinh, Lâm Cẩm, vùng thượng lưu xây dựng hồ Sông Cái và đập dâng Tân Mỹ, ngoài ra còn có hệ thống kênh Bắc và sông suối nhỏ khác, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn xã.

- Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi sông Cái - Tân Mỹ. Kè chống sạt lở bờ tả Sông Cái khu vực thôn Nha Hố.

- Xây dựng kè Bắc chống sạt lở với chiều dài: 242,0 m.

- 100% công trình thủy lợi nhỏ, kênh mương thủy lợi nội đồng của xã được bảo trì hàng năm, kênh cấp III do xã quản lý dài 30,608 km, đã bê tông hóa 100%.

- Tiếp tục bảo trì, nâng cấp nạo vét khơi thông hệ thống kênh mương để đáp ứng được nhu cầu sản xuất hàng hóa theo quy hoạch và tiêu chí nông thôn mới nâng cao - kiểu mẫu, đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp toàn xã và tiêu thoát lũ vào mùa mưa, đồng thời tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân biết chủ động sử dụng nguồn nước tiết kiệm, phù hợp trong sinh hoạt, trong sản xuất.

## **III. Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật**

### **III.1. Công trình giao thông**

#### *a) Nguyên tắc thiết kế*

- Tận dụng tối đa hiện trạng và địa hình tự nhiên, tránh phá dỡ và đào đắp lớn ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan khu vực.

- Khớp nối các dự án đã và đang triển khai trong khu vực thiết kế.

- Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đúng theo tiêu chuẩn.

- Hệ thống giao thông phải đảm bảo khả năng thông hành và kết nối nhanh chóng, an toàn giữa các khu chức năng trong khu quy hoạch với nhau và với các tuyến đường đã xác định trong quy hoạch chung.

- Hệ thống các công trình phục vụ giao thông trong khu vực phải đáp ứng nhu cầu phát triển, đảm bảo thuận tiện cho các đối tượng tham gia giao thông.

- Vị trí các điểm đầu nối phải đảm bảo không gây ảnh hưởng nhiều đến dòng giao thông trên các tuyến đường cấp cao hơn nhưng cũng phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân trong khu vực quy hoạch.

*b) Giải pháp thiết kế*

- *Quốc lộ 27*: đi qua xã có chiều dài 6,8 km, kết cấu mặt đường nhựa 6,8/6,8km. Đoạn đường kéo dài từ đầu giáp ranh phường Đô Vinh đến hết ranh giới xã bề rộng chỉ giới đường đỏ 21m, trong đó bề rộng nền đường 9m hành lang an toàn mỗi bên 6m mặt đường bê tông nhựa.

Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 27, tuân thủ theo định hướng quy hoạch giao thông tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2030.

- Đầu tư các tuyến Quốc lộ, tuyến tránh đi qua địa bàn xã theo quy hoạch tỉnh gồm:

+ Đường từ Quốc lộ 1 đến quốc lộ 27 thuộc dự án Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận

+ Đường vành đai phía Đông Nam đoạn từ quốc lộ 27 đến Đường tỉnh 703, tỉnh Ninh Thuận

+ Đường nối từ cao tốc Bắc Nam về thành phố Phan Rang - Tháp Chàm giai đoạn 1

+ Trạm dừng nghỉ thuộc dự án đường cao tốc Bắc Nam

+ Đường nối từ tuyến Tỉnh lộ 705 đến tuyến đường bê tông hiện hữu đi Núi Ngõng.

- *Đường xã*: có tổng chiều dài 11,72km/6 tuyến, được bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt tỷ lệ 100%. Tiếp tục nâng cấp, bảo trì thường xuyên, đảm bảo các hạng mục cần thiết (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) theo quy định.

- *Đường thôn và đường liên thôn*: có tổng chiều dài 22,61 km/ 57 tuyến. Được bê tông hoá và bảo trì hàng năm là 22,61/22,61 km, đạt 100%. Tiếp tục nâng cấp, tu sửa, bảo trì theo quy định. Đảm bảo 100% các tuyến đường thôn và đường liên thôn có các hạng mục cần thiết theo quy định (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

- *Đường ngõ, xóm*: có tổng chiều dài 18,9 km, đã được cứng hóa 18,25km/ 18,9 km đạt tỷ lệ 96,82%. Tiếp tục cứng hóa cho 0,65 km trục đường ngõ, xóm còn lại, đảm bảo 100% trục đường ngõ, xóm sạch, đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp.

- Hoàn thiện hệ thống hệ thống giao thông trong các khu dân cư theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Bố trí các bãi đậu xe, kết hợp quay đầu xe trên các tuyến nội đồng. Xây dựng các điểm trung chuyển tập kết sản phẩm nông nghiệp sau khi thu hoạch trước khi vận chuyển về nơi chế biến.

### **III.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng**

#### *a) Nguyên tắc thiết kế:*

- Tận dụng địa hình tự nhiên, điều kiện hiện trạng xây dựng tối đa, đảm bảo thoát nước mặt tốt và giao thông an toàn, thuận tiện.

- Tôn trọng tuyệt đối các tuyến kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện có.

#### *b) Giải pháp chuẩn bị kỹ thuật*

##### *- Nền xây dựng*

+ Đối với khu dân cư hiện hữu, giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng. Khi tiến hành cải tạo, xây dựng mới chỉ san nền cục bộ khi hình thành các tuyến giao thông nội bộ, tạo độ dốc hợp lý để giao thông thuận tiện và không làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của khu vực xung quanh.

+ Khu vực xây mới: Đối với các khu vực dự kiến xây dựng mới cần lưu ý san nền phù hợp với địa hình tự nhiên, hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên. Cao độ nền công trình cần cao hơn cao độ của đường từ 0,3 - 0,5m.

##### *- Thoát nước mặt:*

+ Sử dụng hệ thống thoát nước mưa chung với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, hoạt động theo chế độ tự chảy.

+ Lưu vực và hướng thoát nước: Dựa trên nghiên cứu địa hình tự nhiên và hiện trạng thoát nước hiện nay, lưu vực thoát nước chính chạy dọc tuyến Quốc lộ 27, các phụ lưu theo địa bàn từng thôn và địa hình cụ thể các thôn xóm lấy các trục đường là các đường phân lưu phụ, thoát ra các ao, hồ, mương, suối hiện hữu.

+ Xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước mặt cho toàn bộ các điểm dân cư nông thôn. Dọc theo các tuyến đường có mương, rãnh thoát nước để thu nước trên mặt đường khi trời mưa, đảm bảo thoát nước thuận tiện và nhanh chóng. Hệ thống mương khi đi qua khu dân cư phải có nắp đan để đảm bảo an toàn.

+ Phân chia lưu vực thoát nước theo dạng phân tán, tôn trọng hướng thoát theo địa hình. Chia nhỏ các lưu vực thoát nước, xây dựng các tuyến thoát nước ngắn thoát nhanh ra các kênh mương thủy lợi.

+ Kết cấu: sử dụng mương nắp đan, kết hợp mương hở, vật liệu xây dựng có thể sử dụng gạch, đá,...

### **III.3. Quy hoạch cấp nước**

#### *a) Nhu cầu sử dụng nước*

Tiêu chuẩn cấp nước được lấy phù hợp cho điểm dân cư nông thôn theo QCVN 01/2021/BXD.



- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 150 lít/người/ngđ

**Bảng 15: Nhu cầu dùng nước xã Nhơn Sơn**

TT	Các đối tượng dùng nước	Đến năm 2030				Đến năm 2035			
		Dân số (người)	Tỷ lệ dùng nước (%)	Tiêu chuẩn cấp nước	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngđ)	Dân số (người)	Tỷ lệ dùng nước (%)	Tiêu chuẩn cấp nước	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngđ)
1	Nước sinh hoạt	17.517	100	100l/ng.ngđ	1.752	18.411	100	150 l/ng.ngđ	2.762
2	Nước SX và DV			8% Qsh	140			8% Qsh	221
3	Nước CTCC			10% Qsh	175			10% Qsh	276
4	Nước rò rỉ, dự phòng			20% Q1-3	413			15% Q1-3	652
<b>Tổng cộng</b>					<b>2.480</b>				<b>3.911</b>

Nhu cầu dùng nước xã Nhơn Sơn đến năm 2030 2.480 m<sup>3</sup>/ngđ; đến năm 2035 khoảng 3.911 m<sup>3</sup>/ngđ.

#### b) Giải pháp cấp nước

- Tiếp tục sử dụng nước sạch từ 02 công trình cấp nước tập trung là Hệ thống cấp nước Mỹ Sơn (trên địa bàn thôn Nha Hố 1, 2, Núi Ngõng, Lương Cang 1, Lương Cang 2) và Nhà máy cấp nước Ninh Thuận (địa bàn thôn Đắc Nhơn 1, 2, 3, Lương Tri, Láng Ngựa).

- Hoàn thiện hệ thống hệ thống cấp nước trong các khu dân cư theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt. Đảm bảo 100% số dân trong xã được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy định.

### III.4. Quy hoạch cấp điện

#### a) Chỉ tiêu cấp điện

- Bảo đảm trên 100% dân số được sử dụng điện với mức bình quân đến 2030 là 700KWh/người/năm.

- Ngoài ra các đất công trình công cộng - TMDV lấy chỉ tiêu quy hoạch dài hạn trong QCVN 01:2021/BXD lấy chỉ tiêu bằng 30% nhu cầu sinh hoạt.

- Đất sản xuất các nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp lấy 40% nhu cầu sinh hoạt.

#### b) Nguồn điện:

Xã Nhơn Sơn hiện đang được cấp điện từ lưới điện Quốc gia thông qua trạm 110/22kV Ninh Sơn. Trục tiếp cấp điện cho xã là từ tuyến 22KV Ninh Sơn – Nhơn Sơn.

#### \* Lưới điện:

+ Lưới trung áp 22kV:

- Các tuyến 22KV hiện hữu sẽ được duy tu, cải tạo theo việc mở rộng lòng lề đường và nâng công suất truyền tải. Tuyến chính đi dọc theo đường Quốc lộ 27

nổi dài sử dụng cáp AC-240, các tuyến nhánh đi theo các tuyến đường liên xã, liên thôn... sử dụng cáp AC có tiết diện từ 70 đến 120mm<sup>2</sup>.

- Các tuyến 22KV xây dựng mới là đường dây nổi, dùng cáp nhôm lõi thép AC- 120mm<sup>2</sup> đi trên trụ bê tông ly tâm cao 12 đến 14m.

+ Lưới hạ áp 0,4KV:

- Một số tuyến 0,4KV ở các ấp có tính tạm bợ, cần phải thay thế bằng các tuyến được xây dựng đảm bảo điều kiện kỹ thuật, an toàn.

- Các tuyến 0,4KV xây dựng mới dùng cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) đi trên trụ bê tông hạ áp cao 8,5 mét hoặc đi chung với tuyến trụ trung áp.

- *Trạm hạ áp 22/0,4KV*: Mạng lưới hạ áp đi nổi chủ yếu dùng cáp bọc AV. Các tuyến trực chính đi chung cột với lưới 22kV, tiết diện từ 70÷120 mm<sup>2</sup>.

- *Mạng lưới chiếu sáng*: Mạng lưới chiếu sáng của xã hiện cơ bản đáp ứng

### **III.5. Quy hoạch thoát nước, rác thải, nghĩa trang**

*a) Quy hoạch thoát nước thải đến năm 2035:*

- Tổng lưu lượng thoát nước thải: 3.129 m<sup>3</sup>/ng.đ

Quy hoạch hệ thống thoát nước thải đến năm 2035:

+ Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt dự kiến là hệ thống thoát nước chung (nước mưa với nước thải sinh hoạt). Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi thoát vào hệ thống chung.

+ Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại (hoặc các loại hình xí hợp vệ sinh khác) trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung. Chất lượng nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi sẽ được xử lý bằng bể bioga, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

+ Nước thải sản xuất phải xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 40:2011/BTNMT trước khi đổ ra hệ thống thoát chung của xã.

+ Các tuyến thoát nước được xây dựng bằng mương xây đập nắp đan (đối với khu vực dân cư) và mương xây đá chẻ (đối với đoạn ngoài khu dân cư). Chạy dọc theo các khu vực dân cư, đường trực chính của xã.

*b) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn đến năm 2035:*

- Giai đoạn 2023-2035: 0,8 kg/người.ngày.đêm, tỷ lệ thu gom 100%.

- Tổng khối lượng chất thải rắn: 14,73 tấn/ng.đ

- Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng cho chăn nuôi gia súc, hoặc ủ phân phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. CTR vô cơ sẽ chuyển về các điểm tập trung và vận chuyển tới khu xử lý CTR tập trung của huyện.

+ Tại từng thôn, sẽ quy hoạch 01 điểm tập trung CTR. Trang bị mỗi thôn 2 - 3 thùng đựng CTR công cộng loại 0,5 m<sup>3</sup> và 2 - 3 xe đẩy tay cho các thôn để thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập trung đến khu tập trung, xử lý rác thải.

+ Ký kết hợp đồng thu gom rác thải với công ty thu gom rác thải để thu gom vận chuyển rác thải về điểm xử lý tập trung của huyện (Tỉnh).

*c) Quy hoạch nghĩa trang*

- Toàn xã có 19,57 ha đất nghĩa trang. Trong đó có 04 nghĩa trang (thôn Lương Tri, Núi Ngõng, Đắc Nhơn và Nha Hố), có Ban quản lý Nghĩa trang được thành lập, hoạt động của Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật. Mai táng được thực hiện phù hợp với quy định.

- Hiện trạng nghĩa trang tại địa phương cơ bản đã đáp ứng đến năm 2030. Nhân dân tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện hữu trên địa bàn xã.

## **PHẦN 7: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **(ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

#### **I. Đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch**

##### **I.1. Đánh giá sự phù hợp mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường khi quy hoạch**

*a) Mục tiêu môi trường thực hiện quy hoạch*

- Đảm bảo phát triển bền vững về bảo vệ môi trường tại khu vực quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn.

- Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra.

- Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Đảm bảo môi trường đường làng, ngõ xóm, nguồn nước và môi trường sống là yếu tố quyết định chất lượng sống.

*b) Sự phù hợp giữa mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường*

- Trên cơ sở đối chứng các mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường khi thực hiện quy hoạch có thể thấy sự phù hợp giữa các mục tiêu.

- Mục tiêu quy hoạch trên cơ sở khai thác tối đa các lợi thế của xã, tạo không gian tổng thể toàn xã đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đáp ứng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời phương án quy hoạch được xây dựng trên quan điểm bảo vệ môi trường bền vững, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học.

## **I.2. Phân tích đánh giá xu hướng và diễn biến môi trường**

### *a) Xu hướng và diễn biến môi trường khi không thực hiện quy hoạch*

- Xu hướng trong những năm gần đây cho thấy tính thiếu ổn định và tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường tự nhiên và suy giảm giá trị sinh thái, văn hóa. Tác động môi trường từ các hoạt động chưa được kiểm soát chặt chẽ nên đã gây ô nhiễm cục bộ. Các tác động đến môi trường thể hiện rất rõ qua dấu hiệu của tình trạng rác thải, nước thải và khí thải từ các hoạt động:

+ Hoạt động xây dựng: Tiếng ồn do tháo dỡ, đập phá công trình nhà ở, bụi và rung lắc do hoạt động chở vật liệu xây dựng,...

+ Hoạt động sản xuất: Chất thải từ các cơ sở sản xuất, gây ô nhiễm môi trường cục bộ.

+ Hoạt động sinh hoạt dân cư: Nguồn nước thải và rác thải sinh hoạt hàng ngày từ các hộ dân thải ra môi trường.

+ Hoạt động lao động nông nghiệp: Việc sử dụng không đúng liều lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, gây ô nhiễm môi trường, lượng tồn dư lưu lại trong đất cần nhiều thời gian để loại bỏ.

- Hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất chưa phát triển đầy đủ; hệ thống thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, chất thải nông nghiệp chưa đầy đủ,... đã có những ảnh hưởng xấu đến hoạt động phát triển của xã nói chung và hoạt động bảo vệ môi trường nói riêng.

- Khi Quy hoạch chung xây dựng xã không được thực hiện thì các xu thế và tác động tới môi trường trên chắc chắn sẽ tiếp tục diễn ra và có thể sẽ theo chiều hướng tiêu cực hơn bởi kiến thức về bảo vệ môi trường của người dân trong xã vẫn còn hạn hẹp, hoạt động sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn đã, đang và sẽ là một trong những hoạt động phát triển chủ yếu trên địa bàn xã.

### *b) Xu hướng và diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch*

Các vấn đề môi trường chính, trọng tâm khi thực hiện quy hoạch chung xây dựng tại xã:

- Tăng áp lực về chất thải do các hoạt động xây dựng được triển khai, gia tăng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, gia tăng lượng chất thải sinh hoạt tại các khu dân cư.

- Phương án quy hoạch được triển khai sẽ làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, thay đổi hệ sinh thái ở một số khu vực, làm suy giảm chất lượng môi trường.

- Các bãi thu gom, xử lý rác thải được xây dựng, góp phần cải thiện môi trường toàn xã.

- Các chương trình tuyên truyền, phổ biến công tác bảo vệ môi trường được lồng ghép trong quá trình thực hiện quy hoạch sẽ góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã.

### **I.3. Dự báo tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã**

#### *a) Tác động trực tiếp*

- Việc san ủi mặt bằng hay chuyển đổi diện tích đất để xây dựng, mở rộng các công trình công cộng, công trình kỹ thuật hạ tầng có thể làm mất đi giá trị cảnh quan và tài nguyên đất.

- Gia tăng ô nhiễm tiếng ồn do các hoạt động xây dựng, ô nhiễm bụi hoặc độ rung do quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng. Gia tăng ô nhiễm khi các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất đi vào hoạt động, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường.

- Việc triển khai xây dựng một số khu dân cư mới theo quy hoạch sẽ dẫn đến mật độ dân cư tăng lên kèm theo các vấn đề về chất thải rắn, nước thải sinh hoạt. Việc san nền các khu dân cư cũng gây ra vấn đề ô nhiễm bụi, cản trở các dòng chảy thoát nước tự nhiên, nếu không tính toán kỹ sẽ làm ngập úng cục bộ cho một số khu vực dân cư cũ hoặc ngay cả các khu dân cư mới.

#### *b) Tác động gián tiếp*

- Quy hoạch được thực hiện, nếu vấn đề môi trường không được quan tâm đúng mức sẽ tác động gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng.

- Một quỹ đất lớn được thu hồi để thực hiện dự án sẽ làm cho người dân mất đất sản xuất, nếu không được đào tạo, hướng dẫn việc làm mới có thể dẫn đến gia tăng thất nghiệp và các tệ nạn xã hội.

- Việc thu hồi đất để thực hiện các dự án, sự phát triển nhanh của các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn làm suy giảm môi trường sống của các loài động thực vật trong hệ sinh thái, từ đó tác động tiêu cực đến cuộc sống người dân.

- Ngoài ra, khi triển khai các dự án nếu không được quản lý chặt chẽ có thể làm ảnh hưởng đến các công trình văn hóa trên địa bàn xã.

## **II. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện.**

### **II.2. Về quy hoạch, kế hoạch**

- Đây là nhóm giải pháp cần thiết để quy hoạch xây dựng đúng hướng, khai thác có hiệu quả tiềm năng đồng thời gìn giữ đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, của huyện.

- Khi lập các quy hoạch, kế hoạch cần phải có các giải pháp đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các khu vực quy hoạch mở rộng cần phải xây dựng các trạm xử lý nước thải riêng hoặc tập trung tùy theo lưu vực thoát nước. Cải tạo, xây dựng mới hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Quá trình triển khai các hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống giao thông cần cân nhắc đến điều kiện thời tiết để hạn chế thấp nhất tác động của các hoạt động này đến giá trị các hệ sinh thái của xã.

- Khai thác hợp lý tài nguyên đất trên cơ sở xem xét đánh giá toàn diện nhu cầu sử dụng đất đối với các dự án quy hoạch. Khuyến khích sử dụng các khu vực có địa hình không thuận lợi cho sản xuất công nghiệp, xây dựng các công trình công ích xã hội.

### **II.2. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường**

#### *a) Đối với môi trường nước:*

- Nước thải cần được xử lý trước khi thải ra môi trường, do đó cần xây dựng trạm xử lý nước thải. Sau các trạm xử lý cần thiết phải có các hồ chứa để kiểm soát ô nhiễm và tái sử dụng một phần cho nhu cầu sử dụng và giảm lượng xả thải ra môi trường.

- Đối với các khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất nông sản tiêu thụ tại chỗ để giảm thiểu các tác động của hoạt động này ra môi trường cần hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, khuyến khích sử dụng các hoạt chất vi sinh và phân hữu cơ.

- Tại các cơ sở sản xuất bắt buộc phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm theo đúng tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Đối với các sông, hồ, kênh rạch thường xuyên tổ chức nạo vét bảo đảm khả năng điều hòa nước, tránh phát sinh mùi hôi ô nhiễm và mất mỹ quan.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho toàn dân về tầm quan trọng của tài nguyên nước và ý thức trách nhiệm trong việc khai thác sử dụng tiết kiệm nguồn nước, bảo vệ nguồn nước ngầm không bị ô nhiễm.

#### *b) Đối với môi trường không khí và tiếng ồn*

- Tại các khu vực tập trung đông dân cư, các đầu mối giao thông có mật độ

phương tiện vận chuyển cao cần tăng cường trồng cây xanh để hạn chế bụi và tiếng ồn.

- Đối với hoạt động giao thông đường trục chính của xã được quy hoạch cần tăng cường kiểm soát các phương tiện giao thông để đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn, khí thải ra môi trường.

- Nguồn chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp cần được thu gom thường xuyên để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm mùi và các loại khí từ rác thải. Hình thành hệ thống thu gom rác thải tại các điểm từng hộ dân cư trong địa bàn xã.

- Nghiên cứu đặc điểm hướng gió để bố trí hợp lý các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có khí thải và tại các điểm tập kết rác thải của từng thôn nói riêng và toàn xã nói chung để đảm bảo không bị ô nhiễm bởi khí thải và mùi rác thải.

- Không bố trí các cơ sở sản xuất gây tiếng ồn ở gần các khu dân cư. Hạn chế đến mức thấp nhất các phương tiện vận chuyển trọng tải lớn đi qua các điểm đông dân.

#### *c) Đối với môi trường đất*

- Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch.

- Hạn chế việc chuyển đất chuyên canh tác lúa và các mục đích nông nghiệp khác mà đem hiệu quả cao sang mục đích phi nông nghiệp.

- Không ngừng tăng cường công tác trồng cây để hạn chế thiên tai và tạo môi trường xanh trong lành tại địa bàn xã. Kết hợp trồng cây xanh, xây kè bao ở những nơi đất có công trình thấp chịu ảnh hưởng của lũ lụt.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều ngành kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, thương mại trong quá trình khai thác sử dụng đất nhằm bảo vệ môi trường tự nhiên, khuyến khích người dân tham gia quản lý và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường; giữa sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng đất.

#### *d) Đối với cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học*

- Tổ chức theo dõi thường xuyên những biến động để có những giải pháp kịp thời khắc phục sự cố, tình trạng xuống cấp về tài nguyên và môi trường, quản lý chặt chẽ những hoạt động kinh tế xã hội khác có nguy cơ gây ảnh hưởng đến hệ tài nguyên môi trường: Đặc biệt các hoạt động xây dựng các công trình

trung tâm xã và công trình cộng đồng tác động đến môi trường, cảnh quan, bản sắc văn hóa.

- Các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học trên địa bàn xã:

- Gìn giữ và bảo tồn các đặc trưng văn hóa truyền thống, các giá trị lịch sử của cộng đồng dân cư địa phương.

- Bảo đảm việc phủ xanh đất trồng được triển khai trên phạm vi toàn xã nhằm bảo đảm chất lượng của môi trường sống tự nhiên và cảnh quan. Các quy hoạch có sử dụng đất cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về diện tích tác động theo quy định hiện hành của nhà nước. Việc quy hoạch tổng mặt bằng hoặc bố trí công trình cho các dự án cần xây dựng trên nguyên tắc hạn chế tối đa tác động đến môi trường cảnh quan tự nhiên và văn hóa.

- Giải pháp giáo dục, nâng cao nhận thức: Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng kể cả các cấp quản lý ở các xã về tầm quan trọng và chức năng của môi trường đối với con người; Tuyên truyền thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát các tờ rơi, áp phích để tuyên truyền phổ biến.

## **PHẦN 8: DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

### **I. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã**

- Đầu tư xây dựng các trục đường qua các khu chức năng quy hoạch mới (đường qua sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, khu dân cư tập trung, ....)

- Đầu tư mở rộng, nâng cấp, xây dựng một số đường trục xã, trục thôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn về cấp đường và liên hoàn hệ thống giao thông.

- Xây dựng hạ tầng trong các khu dân cư tập trung.

- Đầu tư xây dựng các khu dịch vụ thương mại.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc)

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng xã hội cấp xã và thôn xóm.

### **II. Kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn**

Việc phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn định hướng 2025, 2030 và tầm nhìn đến 2035 thực hiện dựa trên cơ vật chất hiện trạng đã có và định hướng nguồn lực đầu tư chung trên địa bàn huyện.

- Hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã và các điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, các điểm dân cư nông thôn dự kiến.



- Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.

- Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục xã, trục thôn, ngõ xóm.

- Nâng cấp kiên cố hóa kênh mương cấp 3 trên địa bàn xã.

- Cải tạo, sửa chữa trụ sở các thôn, xây dựng sân thể thao trong khuôn viên trụ sở các thôn.

### III. Các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện

**Bảng 16: Danh mục các dự án đầu tư trên địa bàn xã.**

Stt	Hạng mục	Địa điểm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Trụ sở công an xã		
2	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã (giai đoạn 2026 - 2030)		
3	Xây dựng Chợ mới xã Nhơn Sơn	Núi Ngõng	8,00
	Trụ sở thôn Đắc Nhơn 2	Đắc Nhơn 2	0,4
	Trụ sở thôn Lương Cang 2	Lương Cang 2	0,4
	Trường Mầm non Sao Mai		
	Điểm Trường Mầm non Nhơn Sơn		
	Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển Kinh tế nông thôn		
	Khu Thu mua cung ứng nông sản		
4	Kè chống sạt lở bờ tả sông Cái khu vực thôn Nha Hồ		
5	Đường từ Quốc lộ 1 đến quốc lộ 27 thuộc dự án Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận		
6	Đường vành đai phía Đông Nam đoạn từ quốc lộ 27 đến Đường tỉnh 703, tỉnh Ninh Thuận		
7	Đường nối từ cao tốc Bắc Nam về thành phố Phan Rang - Tháp Chàm giai đoạn 1		
8	Đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi sông Cái - Tân Mỹ		
9	Nâng cấp đường giao thông Lương Tri đi Bầu Tềng		
10	Hệ thống hạ tầng khu dân cư theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt		

- Các nguồn lực chủ yếu thực hiện các dự án

+ Nguồn lực ngân sách nhà nước.

+ Nguồn lực huy động nhân dân và doanh nghiệp, nhà đầu tư.

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác.

#### **IV. Lộ trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu**

Để thực hiện thành công đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu, với quyết tâm chính trị cao nhất Đảng ủy tăng cường lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn dân thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ; lộ trình thực hiện như sau:

##### **- Giai đoạn 2023-2024**

Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng toàn diện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kết hợp với thực hiện các tiêu chí kiểu mẫu. Phát triển mạnh các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ.

Phấn đấu đến cuối năm 2024 có 5/10 thôn được công nhận đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

##### **- Giai đoạn 2024 -2025**

+ Tập trung nguồn lực hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kết hợp với thực hiện các tiêu chí kiểu mẫu. Tiếp tục phát triển mạnh các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ.

+ Xã Nhơn Sơn được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025.

### **PHẦN 9: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Đề án quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Sơn đã cụ thể hoá định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ninh Sơn trong việc phát triển xây dựng trên địa bàn xã đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2035, phù hợp với đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong vùng và đáp ứng được các tiêu chí về nông thôn mới, làm cơ sở để từng bước đầu tư xây dựng nhằm nâng cao cuộc sống của người dân nông thôn.

Đề nghị UBND huyện Ninh Sơn sớm phê duyệt đề án làm cơ sở cho việc triển khai các bước tiếp theo. Trong quá trình thực hiện xây dựng theo đề án quy hoạch, chính quyền xã Nhơn Sơn cần quan tâm đến việc cải tạo môi trường cảnh quan, đặc biệt ở khu vực trung tâm xã và dọc theo các trục đường giao thông chính của xã để phù hợp với yêu cầu về nông thôn mới.

Chính quyền xã Nhơn Sơn cần kết hợp với các phòng ban chức năng của huyện có sự hướng dẫn cho người dân khi họ có nhu cầu cải tạo hoặc xây mới nhà ở trong việc tổ chức lô đất ở, tầng cao công trình, mật độ xây dựng và yêu cầu kiến trúc theo đúng các chỉ tiêu đã đặt ra trong đề án.

Chủ động lập các dự án đầu tư để tranh thủ huy động các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cũng như của người dân.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho nhân dân toàn xã biết về các nội dung xây dựng NTM thời kỳ CNH-HĐH để vận động người dân tự nguyện tham gia chương trình.